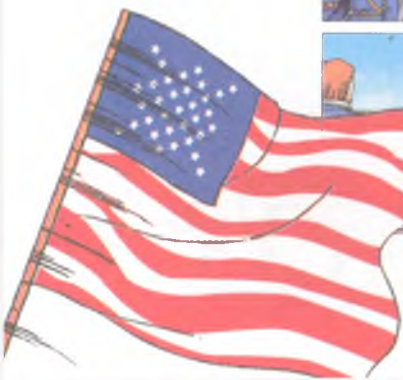


Lời mở đầu

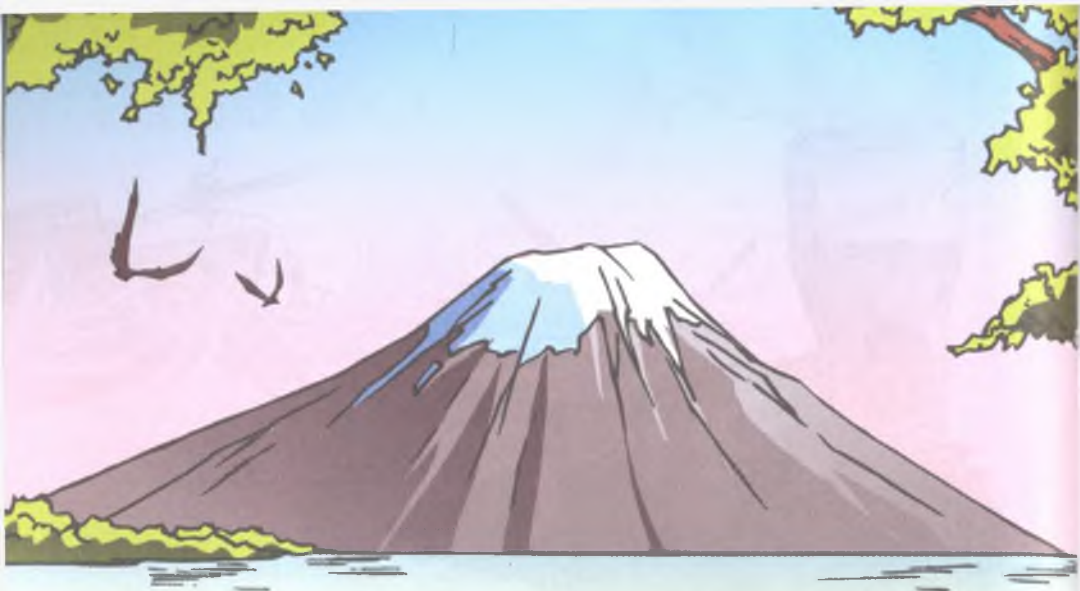
Trong khoảng 100 năm từ năm 1607 đến năm 1733, nước Anh lần lượt thành lập 13 thuộc địa ven bờ Đại Tây Dương ở Bắc Mỹ. Trước khi cuộc chiến giành độc lập nổ ra, nền kinh tế của các thuộc địa này đã có những thành tựu đáng kể. Để tiếp tục kiểm soát các thuộc địa và biến những nơi này thành nơi sản xuất nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa của mình, chính phủ Anh nghĩ đủ trăm phương ngàn kế để hạn chế sự phát triển kinh tế của các thuộc địa. Chính phủ Anh liên tục ban bố một loạt các chính sách gây sức ép lớn hòng khiến nhân dân của các thuộc địa phải khuất phục. Thế nhưng trái lại, nhân dân các thuộc địa lại không hề run sợ và gục ngã dưới sự đàn áp mạnh tay của nước Anh, họ đoàn kết và đấu tranh ngoan cường với mẫu quốc. Ngày 19 tháng 4 năm 1775, quân Anh đồn trú tại Boston đột kích kho vũ khí của quân du kích Bắc Mỹ ở Concord thuộc phía Tây Bắc của Boston. Tại làng Lexington, quân Anh bị du kích đánh chặn, từ nơi này đã vang lên tiếng súng đầu tiên của cuộc chiến tranh giành độc lập. Tháng 5 năm 1775, quốc hội lục địa lần thứ hai khai mạc tại thành phố Philadelphia. Quốc hội quyết định cử George Washington làm tổng tư lệnh quân đội lục địa, tổ chức xây dựng quân đội vũ trang chống quân Anh. Mùa xuân năm 1776, quân lục địa đuổi quân Anh ra khỏi Boston. Ngày 4 tháng 7 cùng năm, quốc hội lục địa công bố bản “Tuyên ngôn độc lập”.





Tháng 6 năm 1777, quân Anh chia làm nhiều ngả tấn công quân lục địa, trong đó đội quân Anh do tướng Burgoyne dẫn đầu xuất phát từ vùng Quebec của Canada. Suốt dọc đường họ bị quân lục địa Bắc Mỹ tấn công, khi tới Saratoga thì bị quân lục địa bao vây, buộc phải đầu hàng vào ngày 17 tháng 10. Đây là bước ngoặt của cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ. Tháng 5 năm 1780, quân Anh dốc toàn lực tấn công, quân Bắc Mỹ dùng cảm phản kích, khiến phần lớn quân Anh lui về cố thủ tại Yorktown, bang Virginia vào đầu năm 1781. Tháng 9, một hạm đội của Pháp đánh bại hải quân Anh trên vùng biển bên ngoài Yorktown, cắt đứt đường tiếp tế trên biển của quân Anh. Sau khi nghe tin, Washington dẫn quân xuống phía Nam hợp sức với quân Pháp do bá tước Rochambeau chỉ huy để bao vây tàn quân Anh. Tướng Anh Cornwallis buộc phải dẫn theo đội quân 7.000 người đầu hàng, cuộc chiến tranh giành độc lập của Bắc Mỹ tuyên bố kết thúc.

Sau đó, quân Bắc Mỹ phục viên, nhu cầu về lương thực trên thị trường giảm mạnh, giá lương thực tụt dốc. Thu nhập của nông dân ở Massachusetts giảm, nợ nần chồng chất, vì thế nhiều người phải vào tù. Năm 1786 nổ ra cuộc khởi nghĩa của nông dân, đó chính là cuộc khởi nghĩa Shays, kéo dài từ mùa thu năm 1786 tới nửa đầu năm 1787, cuối cùng thất bại.



Cuộc khởi nghĩa là chất xúc tác thúc đẩy soạn thảo hiến pháp. Ngày 25 tháng 5 năm 1787, hội nghị hiến pháp được tổ chức tại Philadelphia và họp đến ngày 17 tháng 9. Cuối cùng hội nghị đã thông qua một hiến pháp mới, đó chính là “Hiến pháp Hoa Kỳ”. George Washington được bầu làm tổng thống đầu tiên.

Sau khi giành được độc lập, nước Mỹ nhanh chóng mở rộng lãnh thổ với quy mô lớn, cư dân ở các bang miền Đông và dân di cư sau này liên tục tiến về miền Tây, dần dần hình thành phong trào Tây tiến. Đây là phong trào khai hoang quy mô lớn, có ảnh hưởng tích cực và sâu rộng đối với sự phát triển kinh tế, chính trị và xã hội của nước Mỹ.

Song song với phong trào Tây tiến, các bang miền Nam nước Mỹ duy trì chế độ nô lệ, một hình thức sản xuất bóc lột sức lao động mâu thuẫn với hình thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc. Mâu thuẫn trở nên gay gắt và thành xung đột, cuối cùng ươm mầm cho cuộc nội chiến lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ, tức là cuộc chiến tranh Nam – Bắc. Trả giá bằng số lượng người thương vong khổng lồ và sự tổn thất nặng nề về kinh tế, cuộc chiến tranh này kết thúc với thắng lợi của quân đội miền Bắc. Trải qua cuộc chiến đó, vị thế của người da đen ở nước Mỹ được cải thiện rất nhiều, ngoài ra, miền Nam cũng bước vào quỹ đạo phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa, từ đó đặt nền móng vững chắc cho nền nông – công – thương nghiệp của nước Mỹ đứng đầu thế giới sau này.

Chương 1: Chính phủ liên bang ra đời

Nội dung chính:

Các thuộc địa phát triển nhanh chóng

Từ đầu thế kỉ 17 đến nửa đầu thế kỉ 18, nước Anh lần lượt thành lập 13 thuộc địa ven bờ Đại Tây Dương ở Bắc Mỹ. Nền kinh tế của các thuộc địa này phát triển khá nhanh.

Chiến tranh giành độc lập nổ ra

Sự áp bức và bóc lột của nước Anh đối với các thuộc địa Bắc Mỹ đã làm dấy lên sự phản kháng của đông đảo nhân dân thuộc địa, khi mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm, vào năm 1775, cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ đã nổ ra.

Hợp chúng quốc được thành lập

Từ tháng 4 năm 1775 đến tháng 10 năm 1781, sau khi trải qua cuộc đấu tranh gian khổ, nhân dân ở 13 thuộc địa Bắc Mỹ cuối cùng đã giành thắng lợi. Năm 1783, nước Anh thừa nhận nước Mỹ độc lập.

Hiến pháp Hoa Kỳ ra đời

Thời kì đầu sau khi giành được độc lập, cuộc sống của nhân dân không được cải thiện mà trái lại còn thống khổ hơn. Năm 1786, cuộc khởi nghĩa Shays nổ ra đã thúc đẩy việc soạn thảo hiến pháp của nước Mỹ.



Kể từ năm 1492 khi Columbus phát hiện ra lục địa mới là châu Mỹ, người châu Âu bắt đầu di cư sang lục địa này.

Tháng 5 năm 1607, ba chiếc tàu thủy xuất phát từ châu Âu đã tới bờ biển Virginia của Bắc Mỹ, trên các tàu là 104 hành khách người Anh.



COLUMBUS

Các thuộc địa phát triển nhanh chóng

NHÌN THẦY
ĐẤT LIỀN RỒI,
ĐÓ CHÍNH LÀ
VIRGINIA Ứ?

Những người Anh đi ngược dòng sông và tới một bán đảo.

THUỘC ĐỊA
HẦU TIÊN CỦA
NƯỚC ANH

VIRGINIA

JAMESTOWN

LỤC ĐỊA
BẮC MỸ

HẢI TÂY DƯƠNG

TÔI NGHE NÓI Ở ĐÓ
KHẮP NƠI ĐỀU LÀ
VÀNG VÀ ĐÁ QUÝ.
CHÚNG TA SẮP
GIÀU TO RỒI.





Đã thiếu thốn lương thực và bị bệnh tật hành hạ,
số lương người tu vong ngày một nhiều.



Một năm trôi qua, trong
104 người ban đầu chỉ còn
lại 36 người. Trong đó, số
người còn làm việc được chỉ
còn 10 người.



SAO BẠN
ĐẦU CHÚNG
TA LẠI ĐẾN
CÁI NƠI KHỈ
HỌ CÒ GÂY
NÀY LÀM
GÌ NHỈ?

THƯỢNG ĐẾ ƠI,
NGƯỜI SẮP RỜI
BỎ CHÚNG
CON Ơ?

NGUY RỒI!
NGƯỜI DA ĐỎ
ĐANG TỚI CHỖ
CHÚNG TA!





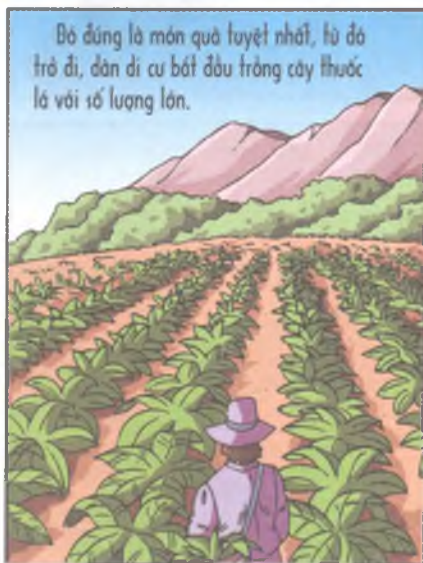


Năm 1614, một người Anh là John Rolfe kết hôn với một công chúa người da đỏ.



CHÚC MỪNG ANH, ĐÂY LÀ CHỨT QUẢ CƯỜI.

ĐÂY... ĐÂY LÀ MẦM CÂY THUỐC LÁ Ừ? CẢM ƠN ÔNG!



Bà đúng là món quà tuyệt nhất, từ đó trở đi, dân di cư bắt đầu trồng cây thuốc lá với số lượng lớn.



Thuốc lá của Virginia được chuyển về châu Âu và bán rất chạy.

NHỜ CÓ CÂY
THUỐC LÁ MÀ
CUỘC SỐNG
CỦA CHÚNG TA
ĐỂ THỎ HƠN.

DÂN
DI CƯ MỚI
ĐẾN CŨNG
NGÀY CÀNG
ĐÔNG.

NHƯNG NẾU AI
THÍCH LÀM GÌ THÌ
LÀM SẼ XẢY RA
NHIỀU TRANH CHẤP.
CHÚNG TA HÃY TỔ
CHỨC MỘT CUỘC
HỌP, MỜI CÁC LÀNG
LÂN CẬN CỬ ĐẠI
DIỆN CỦA HỌ CÙNG
THAM DỰ.

Năm 1619, đại
hội Virginia đầu tiên
được tổ chức, soạn
thảo ra pháp luật
địa phương, trở thành
khuôn mẫu cho pháp
luật của các thuộc
địa sau này.

MỌI NGƯỜI
HÃY CÙNG NHAU
SOẠN THẢO
PHÁP LUẬT
ĐỂ QUẢN LÝ.

TÁN THÀNH!
TÁN THÀNH!

Năm 1620, con tàu Mayflower
đi về phía lục địa Bắc Mỹ trong
giông bão.

Tổng số hành khách trên tàu là
102 người, chủ yếu là các tín đồ
Thanh giáo bị bức hại ở nước Anh.



Tàu Mayflower trải qua nhiều gian nan nguy hiểm,
cuối cùng đã tới bờ biển Massachusetts của Bắc Mỹ.

CHÚNG TA
ĐẾN CHÂU
LỤC MỚI
RỒI!

CHÚNG TA
SẼ XÂY DỰNG
QUỐC GIA LÍ
TƯỜNG CỦA TÍN
ĐỒ THANH GIÁO
TRÊN VÙNG ĐẤT
TỰ DO KHÔNG
CÓ ÁP BỨC
NÀY.

ĐÚNG VẬY,
VÌ THEO ĐUỔI
TỰ DO TÍN
NGƯỜNG MÀ
CHÚNG TA
TỚI ĐÂY!

CHÚNG TA
HÃY ĐỒNG TÂM
HIỆP LỰC ĐỂ
XÂY DỰNG MỘT
THIÊN ĐƯỜNG
TÍN NGƯỜNG
THUỘC VỀ MÌNH.



Trước khi các tín đồ Thanh giáo trên tàu Mayflower đổ bộ, họ đã đặt ra thỏa thuận để ràng buộc hành vi của mỗi người, tức là "Hiệp ước Mayflower".

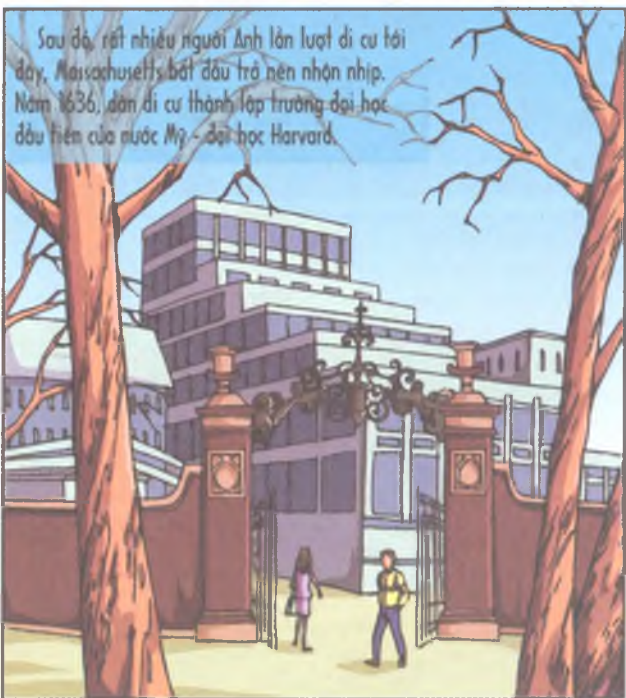
Ngày 21 tháng 12 năm 1620, các tín đồ Thanh giáo đổ bộ lên lục địa châu Mỹ, đặt tên cho vùng đất đổ bộ là Plymouth và bắt đầu cuộc sống khai hoang.

Nhưng họ cũng phải đối mặt với thử thách của châu lục mới, giá rét và bệnh tật nhanh chóng cướp đi tính mạng của hơn 50 người.

Khi đó, những người da đỏ lương thiện lại một lần nữa ra tay giúp đỡ dân di cư tiếp tục sinh tồn.



Sau đó, rất nhiều người Anh lần lượt đi cư tới đây, Massachusetts bắt đầu trở nên nhộn nhịp. Năm 1636, dân di cư thành lập trường đại học đầu tiên của nước Mỹ - đại học Harvard.



Năm 1639, dân di cư đã triệu tập hội nghị tại Connecticut, soạn thảo ra "Luật cơ bản Connecticut". Đây là bộ luật đầu tiên được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa dân chủ.



Từ năm 1626, người Hà Lan đã mua đảo Manhattan ngày nay từ tay người da đỏ, đồng thời đặt tên là New Amsterdam.



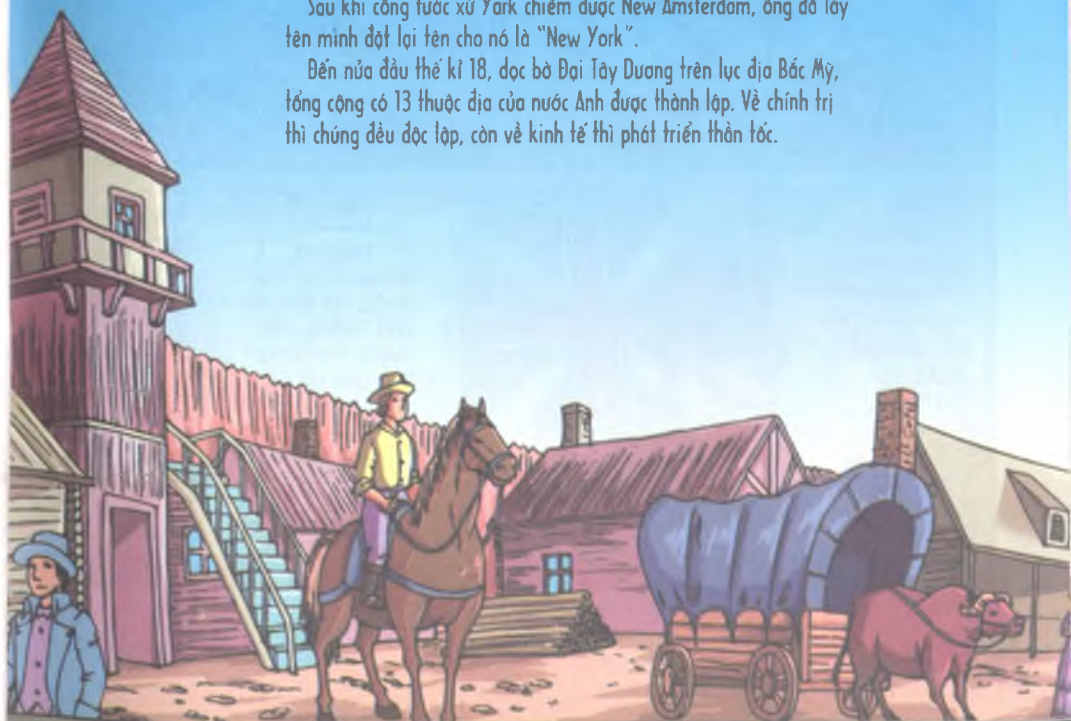
Về sau giữa nước Anh và Hà Lan nổ ra chiến tranh, công tước xứ York dẫn theo hạm đội tấn công New Amsterdam.





Sau khi công hước xứ Yark chiếm được New Amsterdam, ông đã lấy tên mình đặt lại tên cho nó là "New York".

Đến nửa đầu thế kỉ 18, dọc bờ Đại Tây Dương trên lục địa Bắc Mỹ, tổng cộng có 13 thuộc địa của nước Anh được thành lập. Về chính trị thì chúng đều độc lập, còn về kinh tế thì phát triển thần tốc.



Số dân di cư của nước Anh ngày càng đông, vượt xa rất nhiều so với nước Pháp vốn bắt đầu chế độ thuộc địa muộn hơn. Năm 1753, giữa hai nước Anh - Pháp xảy ra tranh chấp về thuộc địa. Nước Pháp điều quân từ Canada xuống phía Nam, thành lập căn cứ quân sự ở Virginia và Ohio.

Chiến tranh giành độc lập nổ ra

NƠI NÀY LÀ
LÃNH ĐỊA CỦA
QUÂN ANH,
HÃY LẬP TỨC
ĐỔ BỎ CĂN
CỦ CỦA CÁC
NGƯỜI!

NƠI BÂY,
NƠI NÀY THUỘC
VỀ NƯỚC PHÁP,
KẸ NÊN CUỐN
XÉO LÀ CÁC
NGƯỜI!

QUÂN
CỨU VIỆN CỦA
CHÚNG TA DO
TƯỚNG EDWARD
BRADDOCK DẪN
ĐẦU ĐÃ XUẤT
PHÁT TỪ
MẪU QUỐC.

Năm 1754, hai nước Anh - Pháp
khai chiến.
THIỆU TÁ
WASHINGTON CỦA
THUỘC ĐỊA SẼ LÀM
PHÓ TƯỚNG, TIỀN
HÀNH TẤN CÔNG
CÁC CĂN CỨ CỦA
QUÂN PHÁP!



TƯỚNG BRADDOCK,
QUÂN PHÁP CÓ NGƯỜI
DA ĐỎ GIÚP ĐỠ, KHI ĐỒI
PHÓ VỚI HỌ CẦN THẬN
TRỌNG, KHÔNG THỂ
DÙNG CHIẾN THUẬT
THƯỜNG THƯỜNG.

THIỆU TẢ WASHINGTON
CỦ YÊN TÂM, CHÚNG TÔI
LÀ QUÂN CHÍNH QUY
ĐƯỢC ĐÀO TẠO BÀI
BẮN, KHÔNG GIỐNG
NHƯ ĐỘI QUÂN
HỒN TẬP CỦA
THUỘC ĐỊA.

Cuộc chiến giữa quân Anh với liên quân Pháp - da đỏ
mà màn. Quả nhiên không ngoài dự đoán của Washington,
quân Anh hùng dũng tiến vào thì gặp phải trận phục kích
của người da đỏ, bỏ chạy lộn tặc, lộn thất mạng nề.

Nhưng Washington lại lập
công lớn trong trận đánh này.
Ông dẫn dắt những binh sĩ
còn lại đột phá vòng vây
lập nên kì tích.

CHÍNH PHỦ NƯỚC
ANH KHÔNG HIỂU
GÌ VỀ THUỘC ĐỊA.

ĐÚNG THỀ, CHÚNG TA
PHẢI TỰ ĐỨNG LÊN
BẢO VỆ VÙNG ĐẤT
CỦA MÌNH!

HÃY BẦU
WASHINGTON
LÀM TƯỚNG!



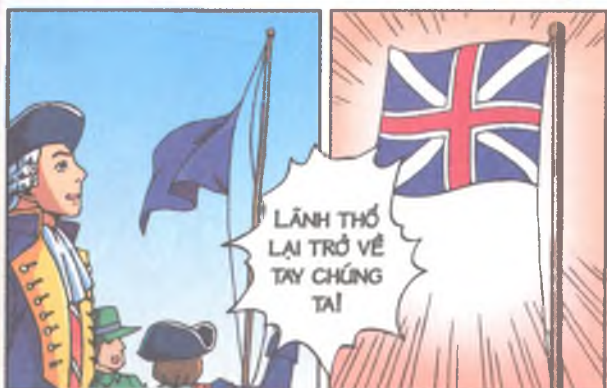
Đàn ông vùng Virginia
lò lượt kéo tới tập hợp
dưới ngọn cờ của George
Washington.



Vội tằm niệm bảo vệ quê
huang, dân di cư phát động cuộc
tấn công ở ợt. Liên quân Pháp -
da đỏ bắt đầu thua và rút dần.

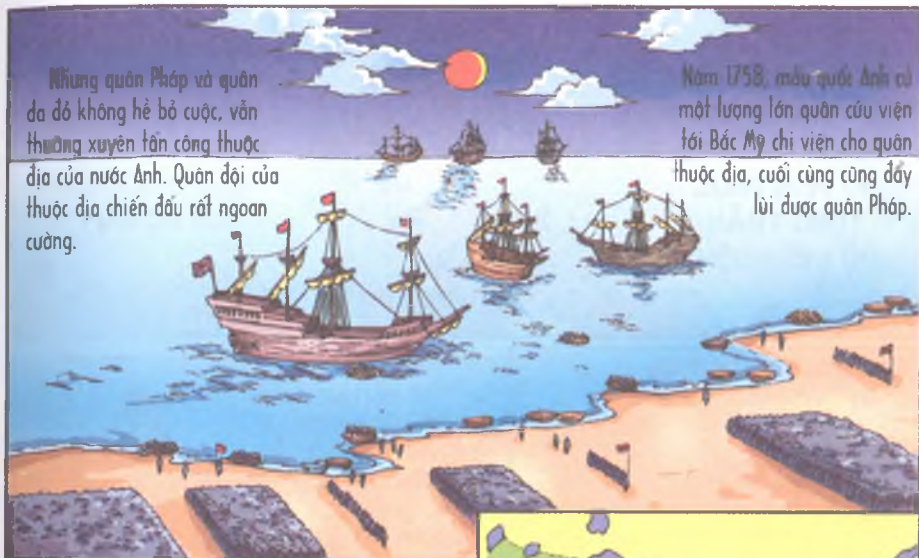


LÃNH THỔ
LẠI TRỞ VỀ
TAY CHÚNG
TA!



Những quân Pháp và quân
đà đỏ không hề bỏ cuộc, vẫn
thường xuyên tấn công thuộc
địa của nước Anh. Quân đội của
thuộc địa chiến đấu rất ngoan
cường.

Năm 1758, mẫu quốc Anh cử
một lượng lớn quân cứu viện
tới Bắc Mỹ chỉ viện cho quân
thuộc địa, cuối cùng cũng đẩy
lùi được quân Pháp.



THÔI ĐƯỢC,
NƯỚC PHÁP
CHÚNG TÔI
THỪA NHẬN
ĐÃ THUA.

TẤT CẢ
THUỘC ĐỊA
CỦA PHÁP TRÊN
TÂN LỤC ĐỊA
ĐỀU NHƯỜNG
LẠI CHO NƯỚC
ANH CÁC NGÀI.



TRONG TƯƠNG LAI
CÁC THUỘC ĐỊA NÀY
SẼ PHÁT TRIỂN MẠNH.

NHƯNG CƯ DÂN TẠI THUỘC ĐỊA
CHƯA ĐƯỢC TRẦM CHO PHÉP
ĐÃ TỰ MÌNH SOẠN THẢO
VÀ PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT.
THẬT QUÁ QUẤT!

VUA ANH
GEORGE III



TÂN LỤC ĐỊA
CHẲNG QUA CHỈ
LÀ THUỘC ĐỊA
CỦA NƯỚC ANH,
HỌ PHẢI PHỤC
TỪNG TRĂM
VÔ ĐIỀU KIỆN.

CHI PHÍ QUÂN ĐỘI
CHO CUỘC CHIẾN
VỚI PHÁP SẼ LẤY
TIỀN THUẾ THU TỪ
DÂN THUỘC ĐỊA
ĐỂ BÙ ĐÁP!



SỜ ĐẶC BIỆT!
SỜ ĐẶC BIỆT!
CHÍNH PHỦ ANH
SẼ TIẾN HÀNH ÁP
TEM THUẾ VỚI
CHÚNG TÔI!

Năm 1765, chính phủ Anh thông
qua nội dung đạo luật tem thuế mới...

TEM
THUẾ
LÀ
SAO?

NGHĨA LÀ
TRÊN TẤT CẢ
CÁC LOẠI CÔNG
VĂN, BẢO CHÍ,
KHÊ ƯỚC ĐỀU
PHẢI DÁN TEM
THUẾ LÊN.

THÈ
TEM
THUẾ
LÀ GÌ?

THỦ GIỐNG NHƯ
CON TEM DO
CHÍNH PHỦ ANH
PHÁT HÀNH, LÀ
BẰNG CHỨNG
DẪ NỘP THUẾ.

CHÍNH PHỦ ANH THU THUẾ CỦA
CHÚNG TA KHẮP NƠI, RÕ RÀNG
LÀ HỌ MUỐN BÒN RÚT TÚI TIỀN
CỦA CHÚNG TA, KHÔNG THỪA
NHẬN TỰ DO CỦA THUỘC ĐỊA!

THẬT
QUÁ
ĐÁNG!

Do bị dân di cư phản đối quyết liệt, chính phủ Anh đã xóa bỏ tem thuế, nhưng tiếp đó lại bắt đầu thu thuế trà – một nhu yếu phẩm trong sinh hoạt. Những hành vi và vết ngày một trắng trợn hơn đã làm dấy lên phong trào đấu tranh giành độc lập ở thuộc địa.



TRONG NGHỊ
VIỆN NƯỚC
ANH ĐỀU CÓ
ĐẠI BIỂU CỦA
CHÚNG
TA.



ĐÚNG VẬY, VÌ THỂ
CHÚNG TA KHÔNG
THỪA NHẬN PHÁP
LUẬT VÀ THUẾ KHÓA
DO HỌ ĐẶT RA!

CHÚNG TA PHẢI
ĐẤU TRANH,
KHÔNG MUA
HÀNG HÓA CỦA
NƯỚC ANH
NỮA.



ĐÚNG, HÃY ĐỂ
HÀNG HÓA CỦA
THƯƠNG GIA
ANH MỤC NÁT
TRONG KHO!

Sau đó, giữa quân Anh đồn trú tại thuộc địa và cư dân thuộc địa liên tục xảy ra tranh chấp.



◀ Hình vẽ khôi phục kết cấu ban đầu của con tàu Mayflower chở 102 người Anh tiến về phía châu Mỹ vào năm 1620.



Tháng 3 năm 1770, trong cuộc xung đột với dân di cư, quân Anh đồn trú tại Boston đã nổ súng bắn chết dân thường vô tội.



Ngày 16 tháng 12 năm 1773, tại cảng Boston



ĐÓ CHÍNH LÀ CON TÀU CHỜ TRÀ CỦA CÔNG TI ĐÔNG ANH NƯỚC ANH.

TUYỆT ĐỐI KHÔNG THỂ ĐỂ TRÀ CỦA HỌ TỚI CHỖ CHÚNG TA!



CHÚNG TA LÊN TRÈO LÊN TÀU, ĐỔ HẾT TRÀ XUỐNG BIỂN NHÉ!

LÀM CHO NƯỚC CẢNG BOSTON TRÀN NGẬP MÙI TRÀ THƠM. Ý NÀY HAY ĐÂY!





CHÚNG
TA CÁI
TRANG
GIỚI THẬT!

TOÀN LÀ
NGƯỜI DA
ĐỎ THẬT
THÀ, CHẤT
PHÁC CẢ.

SUYT!
KHẼ THÔI
KÉO BỊ
PHÁT
HIỆN!

ĐỒ TÀI!
QUẢNG HẾT
XUỐNG
BIỂN ĐI!

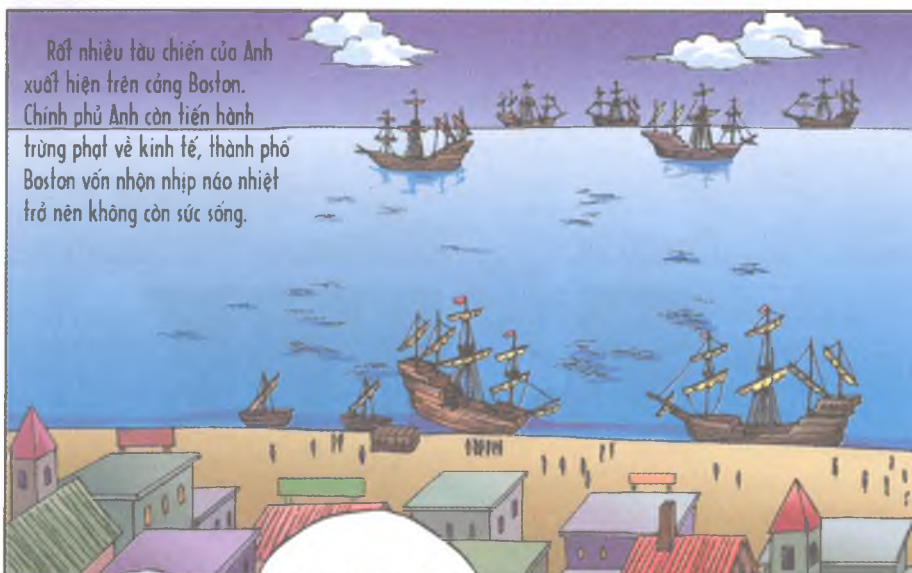
HA HA HA!
TRÒ NÀY
HAY THẬT
ĐẸP!

Đêm hôm đó,
50 cư dân thành
phố Boston hóa
trang thành người
da đỏ trèo lên
tàu buôn của
Anh, quảng toàn
bộ 343 kiện trà
xuống biển, sử gọi
là "bữa tiệc trà ở
Boston".



Những sự kiện tương tự cũng
xảy ra tại cảng New York, một
số tàu hàng bằng dung bị bốc
cháy một cách kì lạ, vì thế lái
buôn Anh bị tổn thất nặng nề.











Sáng sớm ngày 19 tháng 4 năm 1775, để tịch thu số vũ khí mà dân di cư cất giấu, 800 quân Anh tiến về Concord. Khi quân Anh đi ngang qua làng Lexington, họ gặp phải trận phục kích của hơn 50 người dân. Hai bên bắn nhau, tiếng súng giòn giã tại Lexington đã mở màn cho cuộc chiến tranh giành độc lập của nước Mỹ.



CHỈ CÓ 50 TÊN MÀ
CŨNG DÁM THÁCH THỨC
QUÂN CHÍNH QUY CỦA
NƯỚC ANH! HÃY TIÊU
DIỆT CHÚNG!

Trận giao chiến lần này
chỉ kéo dài 10 giờ đồng hồ,
8 người dân thiệt mạng,
những người còn lại thì
nhẹ nhàng rút lui.

Nhưng khi tiến vào Concord thì quân Anh lại bị quân du kích thuộc địa mai phục và tấn công bằng hỏa lực.



KẾ THỦ TRONG BÓNG TỐI, CHÚNG TA Ở NGOÀI SÁNG, TRẬN ĐỊA RỐI LOẠN, KHÔNG THỂ TIẾP TỤC ĐÁNH TRẬN NÀY NỮA!



ĐỒ KHỐN!
RÚT LUI,
MAU RÚT
LUI!



800 quân Anh chạy tan tác và nhanh chóng rút về Boston.



Sau khi cuộc chiến tranh giành độc lập bắt đầu ít lâu, ngày 10 tháng 5 năm 1775, quốc hội lục địa lần thứ hai được tổ chức tại Philadelphia.

Tất cả dân thuộc địa đều cử đại biểu tham dự. Washington vẫn là đại biểu của Virginia tham dự quốc hội.



Hợp chúng quốc được thành lập



Đại biểu của Virginia còn có thêm Thomas Jefferson.



Benjamin Franklin là đại biểu của Pennsylvania.



VÌ TỰ DO,
CHÚNG TA CHỈ
CÒN CÁCH TIẾP
TỤC CẦM SÚNG
CHIẾN ĐẤU.

ĐÚNG VẬY,
HOẶC LÀ TỰ
DO HOẶC LÀ
CHẾT!



TÔI ĐỀ NGHỊ BẦU NGÀI
WASHINGTON LÀM TỔNG
TƯ LỆNH CỦA QUÂN
THUỘC ĐỊA!





Quân lục địa thể hiện rất xuất sắc, trong trận đánh ở đồi Bunker, đại bác hòa lực mạnh của quân lục địa khiến cho quân Anh gần như không thể lên lên, số người chết lên tới hơn 1.000 người.



CHẾT THẬT!
HẾT ĐẠN RỒI,
MAU ĐƯA
TÔI MỘT ÍT!

TÔI CŨNG
CHỈ CÒN
2 VIÊN.

ĐÁNG GHÉT! NẾU
ĐẠN DƯỢC ĐÂY ĐỦ
THÌ CHÚNG TA CÓ
THỂ ĐÁNH CHO
QUÂN ANH
TỚI BỜ!



HẾT CÁCH RỒI
QUÂN LỤC ĐỊA
RÚT LUI!



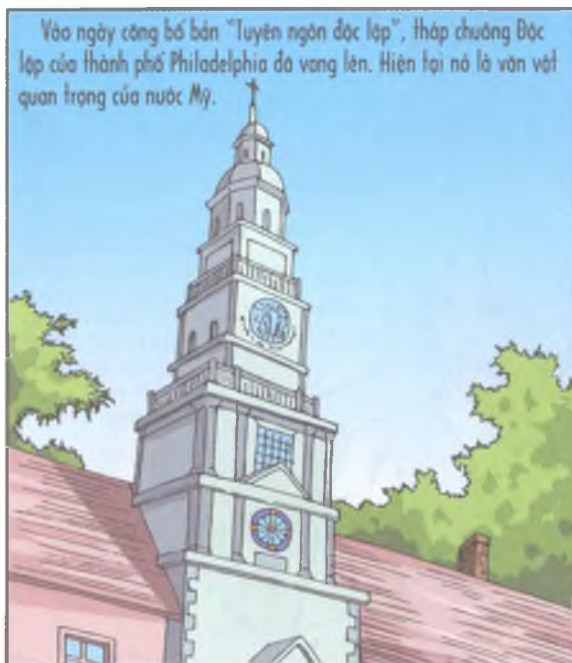
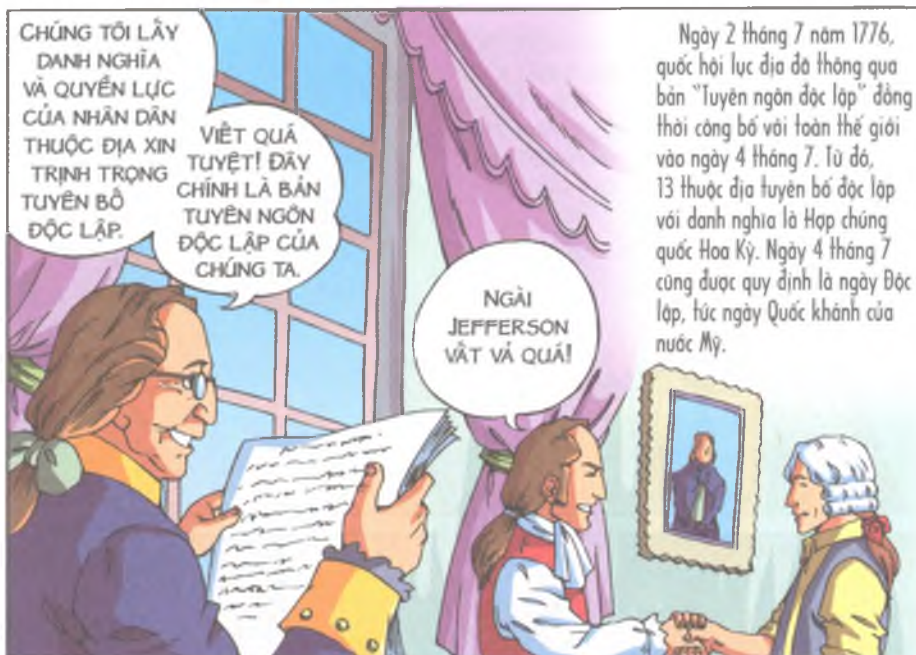
Trong trận đó, quân lục địa hi sinh 400 người.











Ít lâu sau, nước Anh
cử 30.000 quân tấn công
New York. Quân Mỹ ít ỏi
không địch nổi số đông
nên từng bước rút lui.



Washington dẫn số quân còn
lại vừa rút lui vừa chiến đấu.
Khi tới Pennsylvania, quân Mỹ
còn lại không nhiều.



QUÂN MỸ
THIẾU THÔN
VŨ KHÍ VÀ
LƯƠNG THỰC
NGHIÊM TRỌNG,
THẬM CHÍ NGAY
CẢ CHÂN ẤM
ĐỂ CHỐNG RẾT
CŨNG KHÔNG CÓ.

CHẮNG
BAO LÂU NỮA
TA CÓ THỂ
TIÊU DIỆT
BỌN CHÚNG,
HA HA HA!



Tháng 6
năm 1776

ĐÂY LÀ CỜ CỦA QUÂN HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ! 13 SỌC VÀ 13 NGÔI SAO TƯỢNG TRƯNG CHO SỔ BANG CỦA CHÚNG TA. MÀU ĐỎ TƯỢNG TRƯNG CHO SỰ DŨNG CẢM, MÀU TRẮNG TƯỢNG TRƯNG CHO SỰ THUẦN KHIẾT, MÀU XANH LAM TƯỢNG TRƯNG CHO ƠN HUỆ CỦA CHÚA. THÊ NÀO, RẤT THIẾT THỰC PHẢI KHÔNG?

CHÚNG
TA PHẢI
BẢO
VỆ ĐẤT
NƯỚC!

TÔI BỒNG DỪNG
CẢM THẤY NIỀM
TIN TĂNG LÊN
GẤP BỘI!

NGÀI TỔNG
TƯ LỆNH, ĐÓ LÀ
CỜ GÌ VẬY?

DÙ MỖI NGÀY
CHỈ ĐƯỢC ĂN MỘT
CHIẾC BÁNH MÌ, UỐNG
NƯỚC LẠ, CHÚNG TA
CŨNG PHẢI KIÊN
TRÌ ĐẾN
CÙNG.

CHO DÙ QUẦN ÁO VÀ
CHÂN MÀN RÁCH NÁT
KHÔNG NGĂN ĐƯỢC
GIÁ RẾT, CHÚNG TA
CŨNG KHÔNG THỂ
BUÔNG XUÔI.

ĐÚNG VẬY, MỌI
NGƯỜI XEM KÌA,
TỔNG TƯ LỆNH
WASHINGTON CŨNG
CHỊU KHỔ CÙNG
VỚI CHÚNG TA.

Washington không ở trong doanh
trại của sĩ quan mà kiên trì đồng
cam cộng khổ với các binh sĩ.

Trong lễ Giáng sinh năm đó,
quân Mỹ đã tập kích Trenton -
nơi do binh lính người Đức đánh
thuê cho nước Anh canh gác.

HỌ SẼ KHÔNG NGỜ
CHÚNG TA BẮNG
QUA DÒNG SÔNG
ĐẨY NHỮNG TÀNG
BĂNG NỔI ĐỂ TẬP
KÍCH HỌ.

Trong trận đó, quân Mỹ chiến thắng,
không những bắt nhiều kẻ thù làm tù binh
mà còn thu được đủ số vũ khí và đạn dược.

Song song với
việc đó, Benjamin
Franklin tới nước
Pháp xin chi viện.

CHÚNG TÔI
CẦN CÁC
NGÀI GIÚP
ĐỠ!

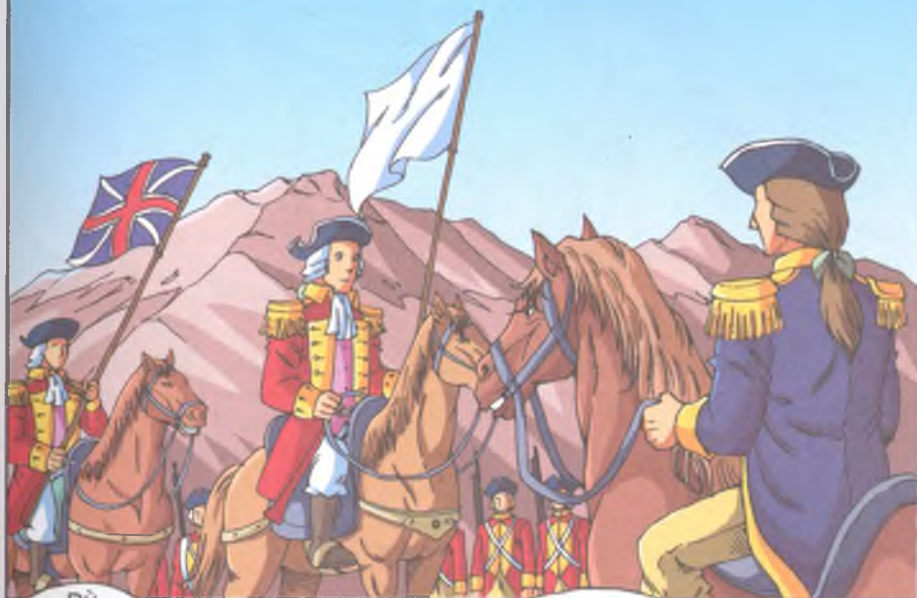
Khi đó, quân Mỹ do Washington dẫn đầu tuy thiếu
thốn vật chất nhưng vẫn kiên trì chiến đấu, liên tục
gây tổn thất cho quân Anh.

**XÔNG
LÊN!**

**XÔNG
LÊN!**



Tháng 10 năm 1777, đại chủ lực của quân Anh rút khỏi New York, chuyển mặt trận sang Canada hùng tấn công Saratoga từ phương Bắc, nhưng lại bị quân Mỹ đánh bại nên kéo cờ trắng đầu hàng.



DÙ
CHÚNG TA ẪN
KHÔNG ĐỦ NÓ,
MẶC KHÔNG ĐỦ
ẦM NHƯNG VẪN
CHIẾN THẮNG
QUÂN ANH.



QUÂN MỸ
CHIẾN ĐẤU VÌ
TỰ DO LÀ
VÔ DỊCH!



NGÀI FRANKLIN,
NƯỚC PHÁP CHÚNG
TÔI MUỐN LIÊN MINH
VỚI HOA KỲ, ĐỒNG
THỜI VIỆN TRỢ CHO
CÁC NGÀI.



VÔ CÙNG
CẢM ƠN
BỆ HẠ.



Thế nhưng khi đó, tin tức Pháp
liên minh với Mỹ vẫn chưa tới chỗ
Washington.

TUY VẬT CHẤT VẪN
THiếu THỎN NHƯNG
CỤC DIỆN CUỘC
CHIẾN ĐÃ BẮT ĐẦU
XOAY CHUYỂN. CÁC
BINH SĨ NGÀY CÀNG
ĐOÀN KẾT.

NHƯNG NẾU
KHÔNG GIÀNH
ĐƯỢC THẮNG LỢI
NGAY LẬP TỨC THÌ
TÌNH HÌNH PHE TA
SẼ KHÔNG LẠC
QUAN.



Mùa đông giá rét vô tình cướp
đi tính mạng của nhiều người...



Cho tới tháng 5,
Washington mới nhận
được tin nước Pháp
sẵn sàng viện trợ.

GI CƠ? NƯỚC PHÁP
ĐỒNG Ý LIÊN MINH VỚI
CHÚNG TA, ĐỒNG THỜI CÙNG
CẤP TIỀN BẠC, TRANG BỊ
VÀ QUÂN ĐỘI ư?





Năm 1781, quân Mỹ triển khai trận
quyết chiến với quân Anh tại Yorktown.



BẮN BẮN!
CHIẾN THẮNG
Ở NGAY TRƯỚC
MẮT RỒI!

QUÂN ANH
KHÔNG THỂ
PHẢN CÔNG
NỮA ĐÁNH BẠI
CHÚNG LƯÔN,
ANH EM ƠI!



Ngày 19 tháng 10 năm 1781

HÀ?
NGỪNG
BẮN!

MỌI NGƯỜI
NHÌN KÌA,
HỌ KÉO CỜ
TRẮNG RỒI!

HỢP CHÚNG
QUỐC HOA
KỲ MUỐN
NĂM!

QUÂN ANH
ĐÃ ĐẦU
HÀNG!

HOA KỲ
CHÚNG TA
THẮNG RỒI!

HOAN HỒ!

Trong khi đó,
tại nước Anh...

SAO CÓ
THỂ THÈ
ĐƯỢC?

QUÂN ĐỘI ANH
MẠNH NHẤT THẾ
GIỚI MÀ LẠI BỊ QUÂN
HỖN TẬP Ở THUỘC
ĐỊA ĐÁNH BẠI
Ư?



Năm 1783, hai nước Anh - Mỹ kí kết hiệp ước tại Paris, nước Anh chính thức thừa nhận nền độc lập của nước Mỹ.



Hiến pháp Hoa Kỳ ra đời



Khu vực màu xanh tương trưng cho 13 tiểu bang thuộc địa của Anh thời kì đầu, cùng với khu vực màu đỏ ở bên trái được xác định là lãnh thổ của nước Mỹ trong "Hiệp ước Paris" năm 1783.



Trong thời kì đầu độc lập, 13 tiểu bang thuộc địa đều có chính phủ riêng, hình thành liên minh lỏng lẻo.

Chính phủ hợp bang không có đủ nguồn lực tài chính, chỉ tồn tại về hình thức. Để trút bỏ gánh nặng chiến tranh, chính phủ phát hành tiền giấy với số lượng lớn, các tiểu bang đặt ra chế độ thuế khóa nặng nề. Vật giá tăng vọt dẫn tới tiền giấy nhanh chóng lạm phát.



ANH CHUẨN BỊ BẮN TOÀN BỘ ĐẤT ĐAI VÀ CẢ THANH KIỂM KIA...

THANH KIỂM KIA LÀ MÓN QUÀ CỦA TƯỚNG PHÁP LA FAYETTE DÂY.

VẬT GIÁ LẠI LÊN CAO, KHÔNG CÒN TIỀN ĐỂ SỐNG NỮA... THU NHẬP CẢ NĂM CÒN KHÔNG ĐỦ ĐỂ NỘP THUẾ...



DANIEL SHAYS











Quần khởi nghĩa bị tấn công ở lại, còn Shays bị bắt giam vào ngục.



SHAYS
ÂM MƯU
ĐÌNH LẬT ĐỔ
CHÍNH PHỦ, BỊ
TUYÊN ÁN
TỬ HÌNH!



THỦ TƯỚNG
WASHINGTON,
CUỘC KHỞI
NGHĨA SHAYS
ĐÃ BỊ DÀN ÁP.

NHƯNG RẤT
NHIỀU NGƯỜI
DÂN CỦA BANG
YÊU CẦU PHÒNG
THÍCH SHAYS.



CHÍNH PHỦ HỢP
BANG NHƯ NHƯỢC
MÀ! MẶT TIÊU
CỤC CỦA CHẾ ĐỘ
HỢP BANG DẪN
DẪN LỘ RỎ,
VIỆC CẢI
CÁCH VÔ
CÙNG CẤP
BÁCH.



Ngày 28 tháng 9 năm 1787,
tại Philadelphia.



ĐÚNG! CHÚNG
TA NÊN SOẠN
THẢO RA MỘT
ĐẠO LUẬT
THÀNH VĂN BẢN
LÀM BỘ LUẬT
TỐI CAO CỦA
QUỐC GIA.



HIẾN PHÁP
NÊN SỬA CHẾ
ĐỘ HỢP BANG
THÀNH CHẾ ĐỘ
LIÊN BANG, TĂNG
CƯỜNG QUYỀN
LỰC CỦA
QUỐC HỘI.

NHẤN MẠNH
NHÂN QUYỀN.
NHẤN MẠNH
CHẾ ĐỘ PHÂN
QUYỀN.



Cuộc khởi nghĩa Shays đã gióng lên hồi
chuông về thể chế hiến chương của nước Mỹ.



Dưới áp lực của nhân dân, Shays
được phóng thích một năm sau đó.



Năm 1787, tại Philadelphia khai mạc hội nghị hiến pháp, soạn thảo ra "Hiến pháp Hoa Kỳ".

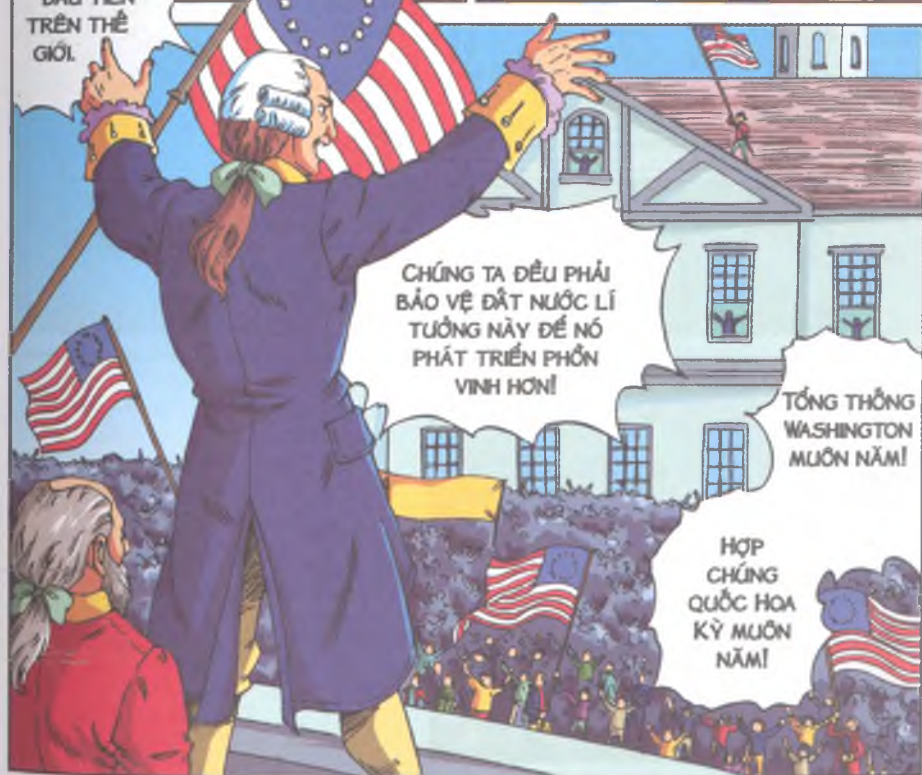


CHÚNG TA
SẼ TRỞ THÀNH
QUỐC GIA TỰ
DO DÂN CHỦ
ĐẦU TIÊN
TRÊN THẾ
GIỚI

Năm 1789, theo hiến pháp mới, Washington được bầu làm tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ.



TRÁI QUA
CUỘC ĐẤU TRANH
LÂU DÀI VÀ GIAN
KHỐ, CUỐI CÙNG
CHÚNG TA ĐÃ
GIÀNH ĐƯỢC ĐỘC
LẬP VÀ TỰ DO!



CHÚNG TA ĐỀU PHẢI
BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC LÍ
TƯỜNG NÀY ĐỂ NÓ
PHÁT TRIỂN PHỒN
VINH HON!

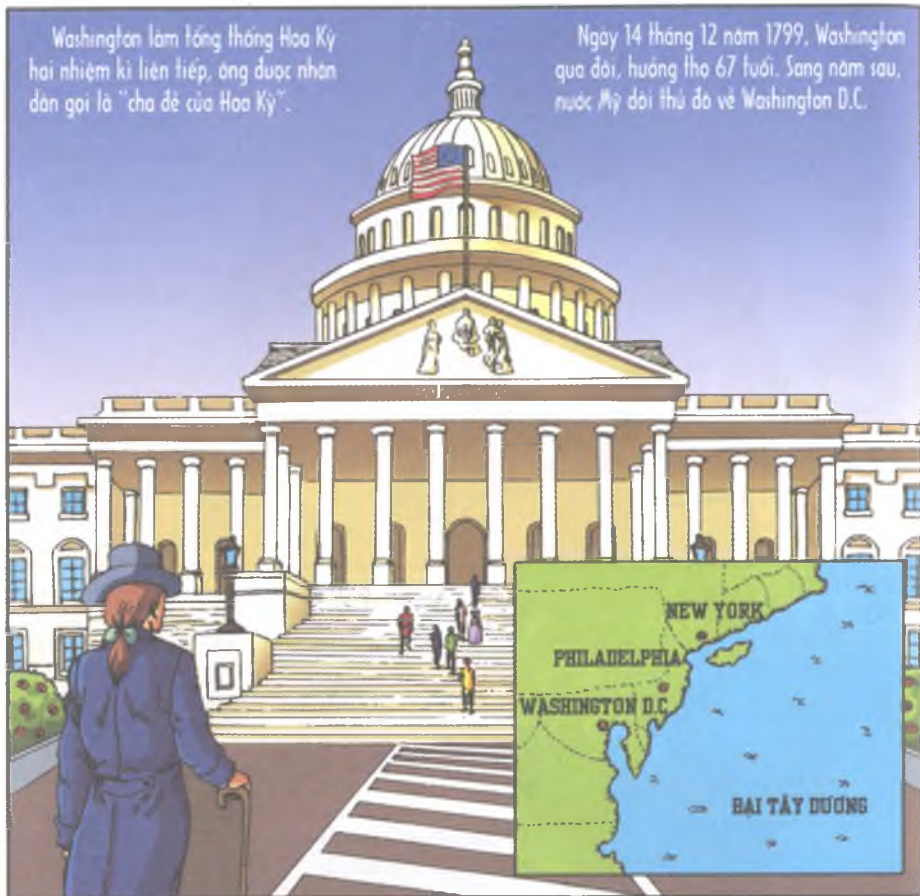
TỔNG THỐNG
WASHINGTON
MUỐN NĂM!

HỢP
CHÚNG
QUỐC HOA
KỲ MUỐN
NĂM!



Washington làm tổng thống Hoa Kỳ hai nhiệm kỳ liên tiếp, ông được nhân dân gọi là "cha đẻ của Hoa Kỳ".

Ngày 14 tháng 12 năm 1799, Washington qua đời, hưởng thọ 67 tuổi. Sang năm sau, nước Mỹ dời thủ đô về Washington D.C.



Tòa nhà quốc hội Hoa Kỳ là một thắng cảnh quan trọng tại Washington D.C. Đây là cảnh ban đêm tuyệt đẹp của nó.

Sự phát triển của nước Mỹ

TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA LỊCH SỬ BỞI TÔI

Từ đầu thế kỉ 17 đến giữa thế kỉ 18, nước Anh lần lượt thành lập 13 thuộc địa dọc bờ Đại Tây Dương thuộc Bắc Mỹ, không chỉ liên kết các thuộc địa với nhau về mặt địa lí, mà đa số người dân đều nói cùng một ngôn ngữ - đó là tiếng Anh, hơn nữa trọng điểm phát triển kinh tế giữa miền Bắc và miền Nam có thể bổ trợ cho nhau, mâu dịch nhốn nhập. Về mặt văn hóa cũng có hiện tượng đồng hóa - đó là sự ảnh hưởng lẫn nhau của những người cùng chung khu vực, ngôn ngữ và văn hóa, thúc đẩy sự hình thành dân tộc Hoa Kỳ.

Do mâu thuẫn giữa các thuộc địa với nước Anh ngày càng gay gắt, cuộc chiến giành độc lập của Bắc Mỹ đã nổ tiếng súng đầu tiên tại làng Lexington vào ngày 19 tháng 4 năm 1775. Tháng 7 năm 1776, bản "Tuyên ngôn độc lập" được quốc hội lục địa Bắc Mỹ biểu quyết thông qua đã cổ vũ rất lớn tinh thần đấu tranh của nhân dân. Nhờ trận thắng ở Saratoga và Yorktown, nhân dân Bắc Mỹ đã giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh

giành độc lập vào tháng 10 năm 1781.

Sau tin vui từ trận Saratoga, quốc hội lục địa đã thông qua hiến pháp quốc gia theo chế độ hợp bang do 13 tiểu bang độc lập hợp thành, được gọi là "Các điều khoản hợp bang". Thế nhưng cho tới tháng 3 năm 1791 mới được các tiểu bang hoàn thành việc phê chuẩn, quốc hội lục địa tuyên bố "Các điều khoản hợp bang" có hiệu lực. Tới thời điểm đó, một quốc gia mới đã ra đời ở lục địa Bắc Mỹ - đó là Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Năm 1786, nước Mỹ nổ ra cuộc khởi nghĩa Shays. Chính nó thúc đẩy nước Mỹ soạn thảo "Hiến pháp Hoa Kỳ" vào năm sau đó.

Thắng lợi của cuộc chiến tranh giành độc lập và sự ra đời của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ là phong trào giải phóng dân tộc lần thứ nhất của lục địa Bắc Mỹ, nó cũng có ảnh hưởng sâu rộng tới châu Âu và Mỹ La tinh.

Người da đỏ ở Bắc Mỹ

Tháng 10 năm 1492, Columbus dẫn đầu đội tàu đặt chân lên châu Mỹ, nhưng ông tưởng rằng mình đã đến Ấn Độ, cho nên gọi cư dân nơi này là người Indian (nghĩa là người Ấn Độ), hay còn gọi là người da đỏ.

Người da đỏ là những cư dân đầu tiên của châu Mỹ. Vào cuối thế kỉ 15 trước khi thực dân châu Âu có mặt, nhiều thế hệ người da đỏ đã sinh sống tại đây. Tổ tiên của họ là chủng tộc Mongoloid từ 20.000 năm trước vượt qua eo biển Bering di cư tới châu Mỹ. Tuy do khác biệt về môi trường sinh thái mà sinh ra nhiều tộc người hoặc bộ lạc da đỏ khác nhau, nhưng họ đều có chung một đặc điểm về ngoại hình là: da màu nâu sẫm hoặc màu nâu vàng, đôi mắt sâu và màu đen, tóc đen và dài, xương quai xanh gồ lên, khuôn mặt phẳng dẹt...

Trong lịch sử, người da đỏ sống kiểu du mục trên vùng đồng bằng châu Mỹ. Đa số họ sử

dụng rìu, giáo và cung tên, sống dựa vào việc săn bắn bò rừng, bắt cá. Những bộ lạc người da đỏ sống trong rừng sâu cũng đã phần sống nhờ vào săn bắn, có bộ lạc thì trồng ngô và thuốc lá.

Người da đỏ từng có trình độ cao về các lĩnh vực như thiên văn, lịch sử, địa lí, canh nông, dệt vải... Nền văn minh Aztec, văn minh Maya, văn minh Inca... do họ sáng tạo ra đều chiếm vị trí vô cùng quan trọng trong lịch sử văn minh thế giới.

Nền văn hóa của người da đỏ ảnh hưởng sâu sắc tới văn hóa nước Mỹ. Rất nhiều địa danh của nước Mỹ, chẳng hạn như "Massachusetts", "Ohio"... đều có nguồn gốc từ tiếng da đỏ.

Ngày nay, châu Mỹ có khoảng hơn 500 bộ lạc người da đỏ, không ít trong số đó vẫn sống như thời nguyên thủy.



Tàu Mayflower

"Mayflower" là một con thuyền buồm đóng bằng gỗ, nó được đặt theo tên một loài hoa dại ở lục địa châu Mỹ. Tổng chiều dài của tàu là 27 m, mớn nước 7,6 m, trọng tải 180 tấn. Mayflower được coi là con tàu đầu tiên của dân di cư Anh đi tới Bắc Mỹ. Nhóm dân di cư khi đặt chân lên Bắc Mỹ đã thành lập thuộc địa Plymouth, từ đó mở màn cho phong trào di cư sang châu Mỹ với quy mô lớn.

Tháng 8 năm 1608, để tránh khỏi bị áp bức tôn giáo, một nhóm tín đồ Thanh giáo ở nước Anh đã đi tới Hà Lan để lánh nạn. Về sau, một nhóm nhỏ trong số họ quyết định di cư tới Bắc Mỹ. Tháng 9 năm 1620, dưới sự dẫn dắt của mục sư Brest, 102 hành khách đi trên con tàu Mayflower tới Bắc Mỹ, trong số đó có rất nhiều tín đồ Thanh giáo, những người còn lại là thợ nghề, ngư dân, nông dân nghèo khổ.

Ngày 21 tháng 11 cùng năm, tàu Mayflower cập bến tại mũi Cod (thành phố Barnstable,

Massachusetts, nước Mỹ ngày nay), hơn một tháng sau, họ lên bờ tại vùng cảng Plymouth ở phía Nam Boston. Trước khi lên bờ, lãnh tụ của các tín đồ Thanh giáo tổ chức soạn thảo "Hiệp ước Mayflower" nổi tiếng để ràng buộc mọi người cùng tuân thủ, có 41 người đàn ông trưởng thành kí tên vào đó. Nội dung của hiệp ước này bao gồm: Tổ chức các đoàn thể công dân, soạn thảo ra pháp luật, pháp lệnh, các quy định và điều khoản công bằng.

Năm 1957, nước Anh đã đóng tàu Mayflower II để làm quà lưu niệm tặng cho nước Mỹ. Năm 1995, thành phố Plymouth của Mỹ quyết định phục chế tàu Mayflower để làm biểu tượng phát triển của cộng đồng dân di cư Plymouth. Con tàu này hiện tại neo đậu bên bờ biển Plymouth.



Vì sao người châu Âu di cư tới châu Mỹ

Sau khi Columbus phát hiện ra châu Mỹ, hàng loạt người châu Âu ồ ạt di cư sang đây. Vậy lí do gì đã khiến họ làm vậy nhỉ?

Lí do về tôn giáo: Tháng 8 năm 1608, để tránh bị bức hại về tôn giáo, một nhóm tín đồ Thanh giáo người Anh đã tới Hà Lan để lánh nạn. Về sau, một nhóm nhỏ trong số họ di cư tới Bắc Mỹ. Vào năm 1620 họ thành lập thuộc địa Plymouth. Sau đó, vài mục sư người Anh bị buộc ngừng truyền giáo cũng dẫn dắt những người đi theo tới châu Mỹ, vào năm 1630 họ thành lập thuộc địa ở vịnh Massachusetts. Trong hơn 10 năm sau đó, 6 thuộc địa của nước Anh được thành lập tại Bắc Mỹ, tất cả đều có liên quan tới tín đồ Thanh giáo. Ngoài ra, còn có thuộc địa Pennsylvania tại Bắc Mỹ do các tín đồ phe Giáo hữu của nước Anh bất mãn với hoàn cảnh của mình ở trong nước thành lập nên.

Lí do về chính trị: Những năm 30 của thế kỉ 17, do chế độ thống trị độc tài của vua Anh Charles I, rất nhiều người Anh di cư tới châu Mỹ.

Vào những năm 40 của thế kỉ 17, Charles I bị lật đổ, những người ủng hộ ông cũng đưa nhau di cư tới vùng Virginia của Bắc Mỹ để lánh nạn. Còn nước Đức ở cuối thế kỉ 17 và thế kỉ 18, do vương công chuyên quyền, tôn giáo bị áp bức, cộng thêm nhiều năm chiến tranh, khiến cho số người Đức di cư sang châu Mỹ cũng tăng nhanh.

Các lí do khác: Cũng có những người bán đấu không hứng thú với cuộc sống ở châu Mỹ, nhưng lại không thể kim lòng trước những lời thuyết phục của những người tuyên truyền, cho rằng nước Mỹ tràn ngập các cơ hội nên đã tới đây. Ngoài ra còn có một số người là tội phạm bị lưu đày sang châu Mỹ.

Những lao công hợp đồng

Trong số dân di cư tới châu Mỹ, đa số họ đều không thể trả nổi tiền lệ phí cho bản thân và người nhà, cùng với chi phí để định cư tại châu Mỹ. Những chi phí này nhìn chung thường do các tổ chức thực dân như công ti Virginia và công ti vịnh Massachusetts chi trả trước, dân di cư thì làm việc với tư cách là lao công có hợp đồng để hoàn trả. Những cư dân này được gọi là “lao công hợp đồng”, thời hạn hợp đồng thông thường từ 4 đến 7 năm. Sau khi hết hạn hợp đồng, họ có thể được nhận một khoản “tiền tự do”, đôi khi còn bao gồm cả một mảnh đất nhỏ. Những người di cư với thân phận là lao công hợp đồng sang châu Mỹ không hề bị xã hội kì thị.

Các loại hình kinh tế của thuộc địa

Nền kinh tế của 13 thuộc địa Bắc Mỹ gồm ba loại hình: kinh tế tư bản chủ nghĩa, kinh tế phong kiến và nửa phong kiến và kinh tế theo chế độ nô lệ.

Kinh tế tư bản chủ nghĩa chủ yếu tập trung tại các vùng như New England ở phía Bắc, tốc độ phát triển công thương nghiệp theo hướng tư bản chủ nghĩa tại đây rất nhanh. Nghề đóng tàu, luyện kim, chế tạo đồ sắt và nghề dệt đều vô cùng phát triển. Giữa thế kỉ 18, trong số những con tàu treo cờ Anh có khoảng 1/3 là do nơi này đóng.

Các thuộc địa như New York, New Jersey ở miền Trung thuộc loại hình kinh tế phong kiến và nửa phong kiến. Đất đai tại các vùng này phì nhiêu, bằng phẳng, khí hậu ôn hòa, xuất hiện rất nhiều đại địa chủ được vua Anh ban tặng đất đai. Thông thường, họ chia đất thành nhiều mảnh nhỏ để cho thuê và thu tô đất. Nhưng hình thức kinh tế này chiếm tỉ trọng không lớn trong nền kinh tế các thuộc địa.

Các thuộc địa như Virginia, Georgia ở miền Nam thuộc loại hình kinh tế theo chế độ nô lệ. Các vùng này có rất nhiều cánh đồng lớn, ngoài sản xuất lúa gạo, họ còn trồng các loại cây kinh tế như cây thuốc lá. Họ sử dụng phần lớn nô lệ da đen. Giống như chế độ nô lệ thời cổ đại, các chủ nô sở hữu mọi thứ của nô lệ, kể cả quyền sinh quyền sát.

13 thuộc địa ở thời kì đầu

Từ đầu thế kỉ 17 đến nửa đầu thế kỉ 18, nước Anh lần lượt thành lập 13 thuộc địa dọc theo bờ Đại Tây Dương ở Bắc Mỹ.

Năm 1607, công ti London của nước Anh thành lập Jamestown tại cửa sông James ở Bắc Mỹ. Về sau, trên nền tảng của thành phố này, người ta phát triển thành vùng thuộc địa Virginia. Năm 1620, một nhóm tín đồ Thanh giáo người Anh di trên tàu Mayflower, cập bến tại Massachusetts ở phía Bắc của Bắc Mỹ, thành lập thuộc địa Plymouth. Năm 1664, sau chiến tranh lần thứ hai giữa Anh – Hà Lan, nước Anh chiếm đoạt thuộc địa New Amsterdam của Hà Lan ở Bắc Mỹ, đổi tên thành New York. Sau đó, tới năm 1733, nước Anh lại thành lập Rhode Island, lần lượt thành lập tổng cộng 13 thuộc địa dọc bờ biển Đại Tây Dương ở Bắc Mỹ.



Sự kiểm soát và quản lí của nước Anh đối với Bắc Mỹ

Để kiểm soát và quản lí các thuộc địa ở Bắc Mỹ, nước Anh thành lập một bộ máy thống trị. Dựa theo mức độ kiểm soát của họ, trước khi cuộc chiến tranh giành độc lập diễn ra, các thuộc địa tại Bắc Mỹ của nước Anh có thể chia làm ba loại như sau:

Một là các thuộc địa của hoàng gia. Loại thuộc địa này do các thống đốc mà vua Anh chỉ định trực tiếp cai trị, bao gồm tám thuộc địa, chẳng hạn như Virginia, Massachusetts...

Hai là các thuộc địa của chủ tư sản. Loại thuộc địa này do các chủ tư sản của thuộc địa (những quan đại thần hoặc đại quý tộc được vua Anh ban tặng đất đai) được chỉ định làm thống đốc, rồi được vua Anh phê chuẩn, chịu sự ràng buộc của luật pháp nước Anh.

Ba là các thuộc địa tự trị. Thống đốc của loại hình thuộc địa này do các cư dân có tài sản của thuộc địa bầu ra, nhưng cũng phải qua vua Anh phê chuẩn, cần phải thực hiện cai trị dựa theo các điều khoản liên quan do vua Anh đặt ra. Rhode Island và Connecticut là các thuộc địa tự trị.



Xung đột giữa nước Anh với các thuộc địa

Sau khi các thuộc địa Bắc Mỹ được thành lập, chính phủ Anh coi những vùng đất này là nơi cung cấp nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa, luôn luôn áp dụng chính sách kiểm soát và chèn ép nền kinh tế của các thuộc địa.

Kể từ giữa thế kỉ 17, nước Anh lấy danh nghĩa trừng phạt việc buôn lậu, thường xuyên cử tàu chiến tuần tra dọc bờ biển Bắc Mỹ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc buôn bán đối ngoại của các thuộc địa. Anh còn ban bố một loạt pháp lệnh kiểm soát sản xuất và mậu dịch của các thuộc địa như: “Đạo luật hàng hóa liệt kê”, “Đạo luật hàng hóa chủ yếu”.

Sự bóc lột và áp bức của chính quyền Anh đối với Bắc Mỹ khiến các tầng lớp nhân dân thuộc địa bất mãn. Kể từ những năm 70 của thế kỉ 17, các vùng Virginia, Boston, New England, đều lần lượt nổ ra nhiều cuộc khởi nghĩa và bạo động.

Năm 1763, để xóa bỏ tổn thất của “cuộc chiến tranh Bảy năm” giữa hai nước Anh – Pháp, nước Anh từng bước tăng cường kiểm soát và cướp đoạt ở các thuộc địa Bắc Mỹ. Cùng năm

đó, chính phủ Anh ban bố pháp lệnh, tuyên bố khu vực rộng lớn từ dãy núi Appalachian trở về phía Tây là tài sản riêng của hoàng tộc Anh, nghiêm cấm bất cứ người dân nào tới khai khẩn. Việc ban bố pháp lệnh này khiến cho tinh thần chống Anh của các tầng lớp nhân dân thuộc địa ngày càng mạnh mẽ.

Việc ban bố “Đạo luật tem thuế” năm 1765, “Đạo luật Townshend” năm 1767 cùng với vụ “bữa tiệc trà ở Boston” càng khiến cho tinh thần chống Anh của nhân dân thuộc địa dâng cao. Các vùng Massachusetts, Virginia, lần lượt thành lập tổ chức chống Anh là ủy ban thông tin, chuẩn bị vũ trang chống lại ách thống trị của nước Anh.

Năm 1773, sau “bữa tiệc trà ở Boston”, chính phủ Anh cử quân tới trấn áp và phong tỏa cảng Boston, cấm nơi này trao đổi buôn bán với bên ngoài. Ngoài ra, họ còn ban bố “Luật Quebec” nghiêm cấm nhân dân Bắc Mỹ chiếm đất các vùng từ sông Ohio về phía Bắc, từ Pennsylvania về phía Tây... Sự đoạn tuyệt giữa chính phủ Anh và các thuộc địa Bắc Mỹ cuối cùng không thể tránh khỏi.



"Đạo luật tem thuế" vấp phải sự phản đối

Năm 1765, để ứng phó với chi phí quân đội khổng lồ, nghị viện Anh đã thông qua "Đạo luật tem thuế" quy định: tất cả ấn phẩm của các thuộc địa Bắc Mỹ bao gồm báo chí, sách và tạp chí, quần bài, vé vào rạp... đều phải dán thêm tem thuế thì mới được sử dụng và phát hành. Có nhiều mức thuế từ 2 cent tới vài bảng Anh, người vi phạm sẽ bị phạt tiền hoặc bị giam giữ. Việc ban bố đạo luật này đã vấp phải sự phản đối mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân thuộc địa. Ở những vùng như Boston, New York, rất nhiều đoàn thể xã hội chủ trương tự do đã ra đời và huy động mọi người tiến vào cơ quan thuế vụ, thiêu hủy tem thuế, bôi đầy nhựa thông và dán lông chim lên người các quan chức thuế rồi cho diễu phố thị chúng, rất nhiều quan chức thuế của các thuộc địa phải xin từ chức trước ngày đạo luật có hiệu lực là tháng 11. Mọi người còn triển khai phong trào tẩy chay hàng hóa của nước Anh tại thuộc địa, khiến cho kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thuộc địa của Anh giảm mạnh, các nhà buôn Anh gánh chịu tổn thất hàng trăm ngàn bảng. Tháng 10 năm 1765, hội nghị các thuộc địa phản đối đạo luật tem thuế được khai mạc tại New York, thông qua nghị quyết gồm 14 điều từ chối nộp tem thuế cho chính phủ Anh. Giới thương gia và các nhà sản xuất của hơn 30 thành phố ở Anh liên kết điều trần, đồng thời thỉnh cầu chính phủ xóa bỏ đạo luật này. Hứng chịu búa rìu dư luận, nghị viện Anh đành xóa bỏ đạo luật tem thuế vào tháng 3 năm 1766.

Bữa tiệc trà ở Boston

Tuy chính phủ Anh buộc phải xóa bỏ "Đạo luật Townshend" vào năm 1770, nhưng những điều khoản trong đó như thu thuế trà không hề được xóa bỏ. Để giúp đỡ công ti Đông Ấn bán được số trà tồn kho, vào năm 1773, chính phủ Anh đã thông qua "Luật thuế trà", cho công ti Đông Ấn độc quyền bán trà phá giá tại Bắc Mỹ, hơn nữa chỉ thu thuế thấp và nghiêm cấm nhân dân thuộc địa "buôn lậu" trà. Cách làm đó bị nhân dân thuộc địa phản đối mạnh mẽ, mọi người từ chối uống trà của công ti Đông Ấn. Các cảng Philadelphia, New York lại càng không cho phép các con tàu chở trà của nước Anh đỗ hàng.

Sự kiện thăm sát ở Boston

Năm 1767, nước Anh ban bố "Đạo luật Townshend". Luật này quy định: tất cả các loại hàng hóa vận chuyển vào các thuộc địa như chất nhuộm màu, thủy tinh, giấy... đều phải nộp thuế. Nhân dân Bắc Mỹ vô cùng bất mãn, nhân dân Boston tuyên bố thành lập chính phủ của riêng mình, không chấp nhận "Đạo luật Townshend", nhân dân Virginia thì thành lập ủy ban tẩy chay hàng hóa Anh. Năm 1768, quân đội Anh xung đột với nhân dân tẩy chay hàng hóa Anh tại Boston. Tháng 3 năm 1770, quân Anh lại một lần nữa xung đột với nhân dân Boston, đồng thời nổ súng gây thương vong cho nhiều người. Đây chính là "Sự kiện thăm sát ở Boston". Sau vụ thăm sát, Boston cử hành tang lễ rất lớn, nhân dân thuộc địa đua nhau diễu hành thị uy, phản đối hành động bạo lực của quân Anh. Cuối cùng, quân Anh buộc phải rút lui khỏi Boston, quốc hội Anh cũng phải bỏ "Đạo luật Townshend".

Tháng 11 năm 1773, con tàu chở 343 kiện trà của công ti Đông Ấn đi vào cảng Boston. Ngày 16 tháng 12, 8.000 người ở Boston tụ tập yêu cầu con tàu chở trà của công ti Đông Ấn rời khỏi cảng, nhưng họ từ chối. Đêm hôm đó, hiệp hội trà Boston do các thanh niên ở đây tổ chức đã cải trang thành người da đỏ rồi leo lên tàu, đổ gần hết 343 kiện trà với giá trị hơn 10.000 bảng Anh từ trên tàu xuống biển, sử sách gọi là "bữa tiệc trà ở Boston". Sau sự kiện đó, mâu thuẫn giữa chính phủ Anh và các thuộc địa càng trở nên gay gắt và công khai.



Quốc hội lục địa lần thứ nhất

Tháng 5 năm 1774, hội nghị Virginia hô hào các thuộc địa liên kết lại để chống Anh. Từ ngày 5 tháng 9 năm 1774 đến ngày 26 tháng 10 cùng năm, đại biểu các thuộc địa Bắc Mỹ đã có mặt tại Philadelphia để khai mạc hội nghị (chỉ có bang Georgia do thống đốc ngăn cản nên không tham gia) gọi là quốc hội lục địa lần thứ nhất. Số đại biểu tham dự gồm 55 người, hầu hết là thương gia giàu có, chủ ngân hàng, chủ đồn điền. Đa số các đại biểu chủ trương không đoạn tuyệt hoàn toàn với nước Anh, nhưng yêu cầu nước Anh nếu chưa được dân thuộc địa đồng ý thì không được phép thu thuế. Thiếu số đại biểu thì chủ trương các thuộc địa nên phụ thuộc vĩnh viễn vào nước Anh. Quốc hội thông qua bản "Tuyên ngôn độc lập", tuyên bố dân thuộc địa có quyền sống, quyền tự do và quyền về tài sản, được tự trị trong nội bộ thuộc địa, xóa bỏ các đạo luật thuế của nước Anh tại thuộc địa, nếu chưa được nhân dân thuộc địa đồng ý thì không được tự ý thu thuế. Đại hội còn thông qua thư thỉnh cầu gửi cho vua Anh, thể hiện đồng ý trung thành với nước Anh. Nhưng vua Anh George III đã từ chối thư thỉnh nguyện của nhân dân các thuộc địa Bắc Mỹ, đồng thời tuyên bố sẽ dùng vũ lực để giải quyết.

Tiếng súng ở làng Lexington

Đêm 18 tháng 4 năm 1775, quân Anh đồn trú tại các thuộc địa Bắc Mỹ biết tin ở thị trấn Concord gần Boston cất giấu một lượng lớn vũ khí, đây cũng chính là kho vũ khí mà quân du kích địa phương dùng để chống lại chính phủ Anh. Vì thế họ đã cử người đi lục soát. Rạng sáng ngày 19, khi 800 quân Anh hành quân tới gần làng Lexington thì đụng độ với quân du kích. Trong cuộc giao chiến, 8 du kích bị bắn chết, còn quân Anh bị thương vong 247 người, sử sách gọi là "tiếng súng ở làng Lexington". Cuộc chiến tại làng Lexington đã mở màn cho cuộc chiến tranh giành độc lập.

Sau khi cuộc chiến tranh giành độc lập thắng lợi, người Mỹ coi làng Lexington là "chiếc nôi của tự do nước Mỹ". Tại khu vực trung tâm của Lexington, người ta dựng một tấm bia kỉ niệm cuộc chiến tranh giành độc lập, trên tấm bia là một pho tượng đồng của quân du kích trên tay cầm súng trường, đầu đội mũ lá.

George Washington – cha đẻ của nước Mỹ

Tháng 2 năm 1732, George Washington chào đời trong một gia đình chủ đồn điền ở miền Đông Virginia. Từ nhỏ ông đã mất cha, chỉ được thừa kế một ít đất đai và nô lệ da đen, ông cũng không được học hành ở trường chính quy. Từ năm 1748, Washington làm nhân viên đo đất ở Virginia trong ba năm, cho nên ông có cơ hội đi khắp lãnh thổ Bắc Mỹ rộng lớn. Về sau, ông tham gia nghĩa vụ quân sự trong quân đội thực dân Anh, theo quân Anh chiến đấu với quân Pháp, trong chiến tranh được thăng cấp lên thượng tá, đồng thời tích lũy được kinh nghiệm chỉ huy quân sự rất phong phú. Năm 1758, Washington được bầu làm nghị sĩ của bang Virginia. Năm 1759, ông kết hôn với Martha Dandridge Custis, được nhận rất nhiều đất đai và nô lệ, trở thành chủ đồn điền lớn nhất tại Virginia. Trong quá trình kinh doanh nông trại và xưởng thủ công, Washington đã nếm trải đủ mọi nỗi khổ khi bị chính quyền thực dân Anh áp bức.

Năm 1775 và năm 1775, Washington được bầu làm đại biểu quốc hội lục địa lần thứ nhất và lần thứ hai. Trong quốc hội lần thứ hai, ông được chỉ định làm tổng tư lệnh quân lục địa, khi đó

ông đã 43 tuổi. Thời đó, quân Anh vô cùng hùng mạnh, còn quân lục địa thì trang bị kém, thiếu kinh nghiệm, kỉ luật lỏng lẻo, tuy vậy Washington không hề run sợ. Về sau, ông đã dẫn dắt quân lục địa trải qua cuộc chiến đấu gian khổ, cuối cùng đánh bại quân Anh, giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh giành độc lập, có công hiến lớn lao đối với nền độc lập của nước Mỹ.

Năm 1783, sau khi kí kết "Hiệp ước Paris", nước Anh buộc phải thừa nhận nền độc lập của nước Mỹ. Tháng 12 cùng năm, Washington xin từ chức tổng tư lệnh và trở về quê hương. Tháng 1 năm 1789, Washington được bầu làm tổng thống đầu tiên của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Năm 1793, Washington một lần nữa lại được bầu làm tổng thống.

Tháng 9 năm 1796, khi hai nhiệm kì liên tiếp làm tổng thống sắp kết thúc, Washington đã phát biểu "Lời cáo biệt" nổi tiếng. Ông còn tổng kết kinh nghiệm về chính trị trong cuộc đời của mình, kêu gọi toàn quốc mãi mãi đoàn kết, coi trọng liên bang, tuân theo kết quả bầu cử, đặc biệt là phản đối việc cuốn vào những cuộc chiến ở nước ngoài.

Quốc hội lục địa lần thứ hai

Tiếng súng ở làng Lexington đã cổ vũ niềm tin của nhân dân Bắc Mỹ trong việc phản đối ách thống trị của nước Anh, cuộc đấu tranh vũ trang được triển khai tại các thuộc địa. Ngày 10 tháng 5 năm 1775, quốc hội lục địa lần thứ hai đã được triệu tập tại Philadelphia, khi đó tổng số đại biểu tham dự là 66 người. Quốc hội lục địa bấy giờ đã phát triển thành tổ chức chính quyền quốc gia, gần giống với chính phủ trung ương thường trực.

Ngày 15 tháng 6 năm 1775, quốc hội quyết định giao cho Washington làm tổng tư lệnh quân lục địa. Tháng 10 và tháng 11, quốc hội lần lượt quyết định xây dựng hải quân và đội thủy quân lục chiến. Ngày 4 tháng 7 năm 1776, quốc hội lục địa lần thứ hai thông qua bản “Tuyên ngôn độc lập” do Thomas Jefferson soạn thảo, tuyên bố thành lập Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Tháng 6 năm 1777, quốc hội lục địa lần thứ hai phê chuẩn lá cờ sọc và sao là quốc kì của nước

Mỹ. Ngày 15 tháng 11 năm 1777, quốc hội lục địa lần thứ hai thông qua “Các điều khoản hợp bang”. Ngày 1 tháng 3 năm 1781 sau khi giành được sự phê chuẩn của các bang, theo đó quốc hội hợp bang được thành lập sẽ thay thế cho quốc hội lục địa, đồng thời trở thành cơ quan lập pháp của nước Mỹ cho tới tháng 3 năm 1789.



Việc soạn thảo bản “Tuyên ngôn độc lập”

Tháng 4 năm 1776, trong quốc hội lục địa lần thứ hai, trước tiên đại biểu của Bắc Carolina đưa ra yêu cầu các thuộc địa Bắc Mỹ độc lập. Sau đó, đại biểu các vùng Virginia, Massachusetts cũng tích cực phản hồi. Ngày 7 tháng 6, đại biểu của Virginia đưa ra trước quốc hội một đề án thảo luận, kiến nghị 13 thuộc địa Bắc Mỹ lập tức tuyên bố độc lập. Ngày 2 tháng 7, quốc hội lục địa thông qua đề án này, đồng thời chỉ định Thomas Jefferson, Benjamin Franklin, John Adams phụ trách soạn thảo bản “Tuyên ngôn độc lập”.

Ngày 4 tháng 7 năm 1776, sau một thời gian dài biện luận, quốc hội lục địa lần thứ hai thông qua bản “Tuyên ngôn độc lập” do Thomas Jefferson, Benjamin Franklin và những người khác chấp bút, tuyên bố rõ ràng: Mọi người sinh ra đều bình đẳng, đều có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Bản tuyên ngôn còn kể ra những tội lỗi mà chính phủ Anh đã phạm phải đối với nhân dân các thuộc địa, tuyên bố 13 thuộc địa Bắc Mỹ từ đây xóa bỏ mọi

quan hệ phụ thuộc với vua Anh, xóa bỏ mọi quan hệ chính trị với nước Anh, đồng thời tuyên bố sẽ cùng liên kết lại để thành lập Hợp chúng quốc Hoa Kỳ... Về sau, ngày này được quy định là ngày Độc lập của nước Mỹ.

Trong bản thảo ban đầu của “Tuyên ngôn độc lập”, Jefferson đã lên án chế độ nô lệ, nhưng do các đại biểu là chủ nô ở miền Nam phản đối quyết liệt, cho nên nội dung này đã bị xóa bỏ.

“Tuyên ngôn độc lập” thể hiện một cách đầy đủ tinh thần về nhân quyền, chủ quyền và việc mưu cầu tự do, việc nó được thông qua đánh dấu sự ra đời của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, có tác dụng quyết định hiệu triệu nhân dân Mỹ tham gia vào cuộc đấu tranh giành độc lập. Ngoài ra, bản “Tuyên ngôn độc lập” này còn ảnh hưởng tích cực tới cách mạng dân tộc và dân quyền của các nước châu Âu sau này, đặc biệt là cuộc cách mạng Pháp và bản “Tuyên ngôn nhân quyền” của họ.



Thắng lợi của cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ

Cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ bắt đầu kể từ khi tiếng súng tại làng Lexington vang lên vào tháng 4 năm 1775, tới tháng 10 năm 1781 thì kết thúc, kéo dài khoảng hơn 6 năm.

Trong hai năm đầu tiên của cuộc chiến tranh, quân Anh đặt ra chiến lược chia cắt các thuộc địa ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam Bắc Mỹ; tiến hành tiêu diệt, đánh nhanh thắng nhanh đối với quân lục địa và lực lượng du kích của các bang. Tháng 8 năm 1776, quân Anh chiếm lĩnh New York, quân lục địa do Washington dẫn đầu buộc phải rút lui về New Jersey. Tháng 9 năm 1777, một cứ điểm trọng yếu khác của quân lục địa là Philadelphia tiếp tục bị quân Anh chiếm đoạt, quân lục địa lâm vào tình thế vô cùng gian nan. Ngày 17 tháng 10 cùng năm, quân Mỹ giành được thắng lợi lớn ở Saratoga, đây là bước ngoặt của cuộc chiến tranh giành độc lập, nó phá tan kế hoạch chiến lược của quân Anh. Sau đó quân Mỹ dần dần chuyển từ thế phòng thủ sang thế tấn công.

Do lợi ích thúc đẩy, thời đó có nhiều quốc gia ủng hộ nước Mỹ thoát khỏi nước Anh, đồng thời tuyên

chiến với Anh. Năm 1779 và năm 1780, Tây Ban Nha và Hà Lan cũng lần lượt tham gia cuộc chiến chống Anh. Hải quân của ba nước Pháp – Tây Ban Nha – Hà Lan tấn công liên tiếp các tàu chiến của Anh, khiến nước Anh mất ưu thế trên biển.

Khi đó, tình hình trên chiến trường Bắc Mỹ cũng có thay đổi. Quân lục địa Bắc Mỹ từ chỗ vài chục ngàn người ban đầu tăng lên thành 150.000 người, còn quân Anh ở Bắc Mỹ lại chỉ có 110.000 người.

Tháng 8 năm 1781, Washington dẫn theo đội chủ lực của quân lục địa cùng với quân đoàn tình nguyện Pháp bao vây quân chủ lực của Anh dưới sự dẫn dắt của tướng Cornwallis tại Yorktown, Virginia. Tháng 9, hải quân Pháp cắt đứt liên hệ của quân Anh tại Yorktown với bên ngoài. Ngày 19 tháng 10, do mất đi mọi đường tiếp tế, đạn dược và lương thảo đều hết sạch, 7.000 quân Anh đã đầu hàng quân lục địa. Cuộc chiến tranh giành độc lập kết thúc.

Tháng 9 năm 1783, Mỹ và Anh kí kết hòa ước tại Paris, nước Anh buộc phải thừa nhận nước Mỹ độc lập.

"Các điều khoản hợp bang"

"Các điều khoản hợp bang" là một văn bản vô cùng quan trọng khác trong lịch sử nước Mỹ (chỉ sau bản "Tuyên ngôn độc lập"), có thể nói đây là bản cương lĩnh dựng nước của Mỹ. Tuy thời gian tồn tại của nó ngắn ngủi nhưng lại ảnh hưởng sâu sắc tới sự phát triển của nước Mỹ trong thời kì sáng lập.

Năm 1776, không lâu sau khi nước Mỹ tuyên bố độc lập, quốc hội lục địa lần thứ hai bắt đầu soạn thảo "Các điều khoản hợp bang" và chính thức có hiệu lực vào ngày 1 tháng 3 năm 1781. Căn cứ vào "Các điều khoản hợp bang", tổ chức nhà nước của Mỹ có những đặc điểm sau đây: Thứ nhất, các tiểu bang đều độc lập. Thứ hai, cơ quan cao nhất của trung ương là quốc hội hợp bang, do số đại biểu mà mỗi bang cử ra từ 2 đến 7 người hợp thành. Trung ương không thiết lập chế độ nguyên thủ quốc gia mà chỉ thiết lập ủy ban các bang dưới quốc hội. Khi quốc hội nghị hợp thì quản lí các công việc thường vụ. Thứ ba, quyền lực của trung ương rất nhỏ.

Theo "Các điều khoản hợp bang", nước Mỹ được thành lập thời đó giống với một liên minh quốc tế do 13 quốc gia độc lập hợp thành.

Trận Saratoga đại thắng

Tháng 6 năm 1776, để cắt đứt liên hệ giữa quân lục địa và New England, chính phủ Anh lập kế hoạch chia quân thành ba ngả, hợp quân tại Albany để bao vây New England. Nhưng do hai cánh quân Anh không hoàn thành kế hoạch đúng hẹn, cánh quân Anh từ Montréal, Canada xuống phía Nam rơi vào tình thế bị cô lập, hơn nữa do dọc đường phần lớn là rừng rậm, đầm lầy và thung lũng với sườn dốc cho nên việc hành quân chậm chạp, việc cung ứng lương thảo cũng gặp khó khăn. Trước sự tấn công của hơn 20.000 quân du kích các bang tại New England, tướng Anh Burgoyne buộc phải dẫn hơn 5.000 quân lùi về phòng thủ ở Saratoga. Họ nhiều lần định phá vòng vây nhưng đều không thành công, sau khi hết đạn dược và lương thảo, họ buộc phải đầu hàng quân Mỹ vào ngày 17 tháng 10. Trận đánh này được gọi là "trận Saratoga đại thắng".

"Trận Saratoga đại thắng" đã xoay chuyển toàn bộ cục diện của cuộc chiến tranh giành độc lập. Sau đó, quân Mỹ từ chiến lược phòng ngự chuyển sang chiến lược tấn công, giành được sự viện trợ của Pháp và các nước khác, khi thế trở nên mạnh mẽ, bắt đầu hé lộ những tia sáng thắng lợi.

Ý nghĩa của cuộc chiến tranh giành độc lập ở nước Mỹ

Cuộc chiến tranh giành độc lập của nước Mỹ là cuộc cách mạng đầu tiên nhân quyền và chủ quyền quốc gia. Nó lật đổ chế độ thống trị thực dân của nước Anh, thành lập nước cộng hòa dân chủ đầu tiên tại châu Mỹ, đồng thời xóa sạch tàn dư của một số thế lực phong kiến, từ đó giải phóng sức sản xuất, mở ra con đường xán lạn cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Đây cũng là cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa có quy mô lớn đầu tiên trong lịch sử thế giới. Thắng lợi của cuộc chiến tranh giành độc lập của nước Mỹ đã nêu tấm gương sáng cho các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của các thuộc địa khác, thúc đẩy phong trào độc lập của các quốc gia ở châu Âu.

Thế nhưng cuộc chiến tranh giành độc lập của nước Mỹ cũng có những chỗ chưa hoàn toàn triệt để, chẳng hạn như không giúp cho tầng lớp nhân dân lao động dưới đáy xã hội giành được quyền bầu cử, cũng chưa giải quyết được vấn đề nô lệ, cuối cùng dẫn đến sự bùng nổ của cuộc nội chiến ở nước Mỹ.

Tình hình trong nước thời kì đầu độc lập

Sau khi cuộc chiến tranh giành độc lập kết thúc, quyền lực của chính phủ hợp bang vô cùng yếu ớt, chỉ giới hạn ở các công việc như xử lí quan hệ đối ngoại và tranh chấp giữa các bang, còn các bang vẫn duy trì quyền tự do và độc lập.

Giai cấp tư sản và các chủ đồn điền phát lên rất nhanh nhờ chiến tranh. Sau đó, chính phủ hợp bang không thể gánh vác chi phí chiến tranh khổng lồ. Thế là một lượng lớn tiền giấy được in ra, dẫn đến đồng tiền bị lạm phát, vật giá tăng cao, đồng đảo công nhân bị thất nghiệp, các khoản thuế chiếm tới 1/3 thu nhập của nông dân, kinh tế xã hội hỗn loạn và tiêu điều. Bị dồn đến bước đường cùng, đa số những người dân nghèo khổ chạy trốn về phía Tây, hi vọng có được đất đai ở nơi này. Thế nhưng "Luật đất đai" được ban bố vào năm 1785 quy định "Với mỗi mảnh đất rộng 640 mẫu Anh, mỗi mẫu là 2 đô la Mỹ, cả mảnh đất sẽ là 1.280 đô la Mỹ" lại dập tắt hi vọng của mọi người. Còn gia đình những binh sĩ đã đổ máu và hi sinh trong cuộc chiến tranh giành độc lập thì lại sống bần cùng sau chiến tranh.

Cứ như thế, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và đồng đảo nhân dân nhanh chóng trở nên gay gắt, các cuộc bạo động và khởi nghĩa liên tiếp nổ ra. Trong đó cuộc khởi nghĩa có quy mô lớn nhất là "cuộc khởi nghĩa Shays" vào năm 1786.

Cuộc khởi nghĩa Shays và ý nghĩa của nó

Shays từng tham gia cuộc chiến giành độc lập. Do lập công nên ông được thăng cấp thành thiếu úy. Sau chiến tranh, ông trở về quê hương ở bang Massachusetts, nhưng lại lâm vào cảnh trên người không có lấy một xu. Hiện thực tàn khốc khiến Shays vô cùng bất mãn với sự thống trị của chính phủ hợp bang. Tháng 9 năm 1786, Shays lãnh đạo nông dân phát động cuộc khởi nghĩa vũ trang tại Massachusetts. Đội quân khởi nghĩa nhanh chóng lớn mạnh, lên tới hơn 15.000 người, chiếm được nhiều thành phố của Massachusetts và thành lập chính quyền.

Cuộc khởi nghĩa Shays khiến cho giới cai trị của nước Mỹ vô cùng hoang mang lo sợ. Họ đã điều động quân đội để đàn áp. Do thiếu kinh nghiệm và số ít không địch lại được số

đồng, vào tháng 2 năm 1787, cuối cùng cuộc khởi nghĩa đã thất bại, Shays bị bắt, bị tuyên án tử hình vào tháng 3. Nhưng do sự phản đối của đồng đảo quần chúng, chính phủ buộc phải giảm thuế tài sản và thuế dinh (đánh theo đầu người), đồng thời tuyên bố miễn tội cho Shays vào tháng 6 năm 1788.

Cuộc khởi nghĩa Shays đã khiến cho tầng lớp thống trị của nước Mỹ nhận thấy chính phủ hợp bang nhu nhược và bất tài, không thể bảo vệ lợi ích của họ một cách hiệu quả. Do đó yêu cầu bức thiết là phải xóa bỏ "Các điều khoản hợp bang", chuyển sang thành lập một chính phủ tập trung quyền lực vào trung ương, điều này cũng thúc đẩy việc soạn thảo "Hiến pháp Hoa Kỳ" vào năm 1787.



“Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787”

Ngày 25 tháng 5 năm 1787, đại diện các tiểu bang của nước Mỹ tổ chức hội nghị hiến pháp tại Philadelphia. Trải qua bốn tháng thảo luận, ngày 17 tháng 9, hội nghị mới thông qua hiến pháp liên bang của nước Mỹ, gọi là “Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787”.

Theo quy định của hiến pháp, nước Mỹ dựa trên nguyên tắc tam quyền phân lập là hành pháp, lập pháp và tư pháp để xây dựng quốc gia theo chế độ liên bang.

Tổng thống thực hiện quyền hành pháp. Tổng thống được chọn thông qua bầu cử, nhiệm kì là bốn năm, vừa là đầu não hành pháp cao nhất của chính phủ Mỹ, lại vừa là tổng tư lệnh của quân đội vũ trang. Mệnh lệnh hành chính và pháp luật do tổng thống ban bố có hiệu lực như nhau, trong tình huống khẩn cấp có quyền áp dụng các điều không được quy định trong hiến pháp. Tổng thống là người có quyền phủ quyết để án pháp luật do quốc hội thông qua, có quyền chỉ định các quan chức cao cấp, kí kết hiệp ước tầm quốc gia nhưng phải được sự đồng ý của Thượng viện. Nếu tổng thống phạm phải các tội như phản quốc, hối lộ... thì sẽ bị khép tội và bị miễn nhiệm.

Quốc hội là cơ quan lập pháp tối cao của quốc gia, do Thượng viện và Hạ viện hợp thành. Các nghị sĩ của Hạ viện do cử tri của các bang trực tiếp bầu ra. Quốc hội có quyền lập pháp tối cao, nhưng pháp luật mà quốc hội thông qua phải được sự phê chuẩn của tổng thống thì mới có hiệu lực. Quốc hội có quyền bổ nhiệm các quan chức cao cấp về thuế vụ, tuyển mộ quân đội, phát hành tiền tệ, tuyên chiến, phán xét và khép tội tổng thống... Nếu nghị quyết của quốc hội bị tổng thống phủ quyết nhưng được 2/3 số nghị sĩ trở lên trong Thượng viện và Hạ viện thông qua thì vẫn có hiệu lực.

Quyền tư pháp thuộc về tòa án tối cao. Quan tòa do tổng thống chỉ định, Thượng viện phê chuẩn, đảm nhiệm chức vụ suốt đời. Tòa án tối cao có quyền dựa vào hiến pháp để giải thích tất cả pháp luật và điều ước, chẳng hạn như khi cho rằng một điều khoản pháp luật nào đó vi phạm hiến pháp thì có thể tuyên bố vô hiệu.

Hiến pháp năm 1787 đã giành được sự tán thành của giai cấp đại tư sản và các chủ đồn điền, nhưng không một chữ nào nhắc tới quyền lợi dân chủ của nhân dân và việc xóa bỏ chế độ nô lệ.

“Tuyên ngôn về nhân quyền”

Hiến pháp có hiệu lực từ năm 1788, nước Mỹ bầu ra quốc hội, Washington được bầu làm vị tổng thống đầu tiên. Năm 1789, quốc hội lại đưa ra 10 tu chính án*, tức là “Tuyên ngôn về nhân quyền”. Dự thảo pháp luật này quy định quyền lợi tự do ngôn luận, xuất bản, tôn giáo tín ngưỡng, hội họp, thỉnh cầu cùng với quyền bất khả xâm phạm về người, tài sản, nơi ở, văn bản... Tu chính án này được thông qua vào năm 1790, có hiệu lực kể từ năm 1791. Tu chính án đã bổ sung những điểm còn thiếu sót của các điều khoản hiến pháp năm 1787, đồng thời hình thành một thống lệ, tức là không dễ dàng sửa đổi các điều khoản hiến pháp căn bản, nếu thấy cần thiết thì dùng các điều khoản tu chính án để bổ sung.

Việc ban bố “Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787” và “Tuyên ngôn về nhân quyền” có ảnh hưởng sâu rộng tới sự phát triển trong lịch sử nước Mỹ. Nó giúp nước Mỹ trở thành một quốc gia thực sự thống nhất, xác lập được nguyên tắc dân chủ và thể chế chính trị cộng hòa. Ngoài ra, “Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787” đóng vai trò quan trọng đối với cách mạng dân quyền cận đại và việc thành lập nền chính trị dân chủ ở châu Âu.

* Một văn bản sửa đổi bổ sung cho hiến pháp.

Chương 2: Khai hoang và phong trào “Tây tiến”

Nội dung chính:

Mở rộng về phía Tây Bắc

Không lâu sau khi giành được độc lập, nước Mỹ liền bước vào công cuộc mở rộng lãnh thổ. Cư dân các bang miền Đông và dân di cư sau này di cư ồ ạt về phía Tây, hình thành nên phong trào “Tây tiến” với quy mô lớn.

Cuộc chiến tranh với người da đỏ

Song song với phong trào Tây tiến cũng là việc tùy tiện cướp bóc và tàn sát người da đỏ. Để sinh tồn, người da đỏ đã triển khai chiến tranh lâu dài với chính phủ Mỹ.

Hoa Kỳ mở tung cánh cửa của Nhật Bản

Năm 1853, tư lệnh hạm đội Đông Ấn của Mỹ là Perry đã dùng vũ lực uy hiếp Nhật Bản mở cửa thông thương, đồng thời kí kết “Hiệp ước Kanagawa” vào năm sau. Tình trạng bế quan tỏa cảng kéo dài mấy trăm năm của Nhật Bản cuối cùng cũng bị phá vỡ.



Năm 1803, nước Mỹ mua vùng đất Louisiana từ sông Mississippi về phía Tây của Pháp.

Đầu năm 1804, vị tổng thống thứ hai của nước Mỹ là Thomas Jefferson cử trung úy lực quân trẻ tuổi là Meriwether Lewis và William Clark đi thám hiểm miền Tây.

NEU VẬY
LÃNH THỔ
NƯỚC MỸ
CỦA CHÚNG
TA SẼ ĐƯỢC
MỞ RỘNG
GẤP HAI LẦN
CƠ ĐÂY!

NHƯNG ĐẤT
MIỀN TÂY CÒN
CHƯA ĐƯỢC KHAI
KHẮN, VẪN CÒN
HOANG VU LẮM!

Mở rộng về phía Tây Bắc

Lewis và Clark dẫn theo 45 người xuất phát từ thành phố St. Louis, đi thuyền ngược dòng sông Missouri lên phía trên, bắt đầu hành trình thám hiểm.





Đội thám hiểm từ Louisiana đi về phía Tây, cuối cùng tới ven bờ Thái Bình Dương. Trên đường đi, các thành viên đội thám hiểm còn phải điều tra cặn kẽ về các loài động thực vật, ngoài ra còn phải ghi chép về khí hậu, phong thổ miền Tây và cả tập quán sinh hoạt của người da đỏ.











Da và lông thú là nguồn tài nguyên thiên nhiên của lục địa Bắc Mỹ, nơi này thu hút nhiều người tới săn bắn. Họ săn bắt rồi cá, chuột lang nước, gấu, chồn nâu... để lấy da và lông đem bán cho các nơi ở châu Mỹ và châu Âu. Những người đầu tiên tới trung tâm miền Tây để sinh sống chính là những người thợ săn này.









CHẮC LÀ ĐÃ ĐẾN DÂY
NÚI ROCKY RỒI NHÌ?

LÂU LẮM RỒI
KHÔNG NHÌN THẤY
NGƯỜI DA ĐỎ, TÔI CÓ
LÍNH CẢM HỌ SẮP
XUẤT HIỆN...



NGƯỜI
DA ĐỎ KIA!
MỌI NGƯỜI
CHUẨN BỊ
SẴN VŨ KHÍ!



KHÔNG
ĐÃ ĐÓ
LÀ...

ANH! EM CHÍNH LÀ
SAKAJAWA VỒN BỊ NGƯỜI
MANDAN BẮT ĐI TÙ HỒI
NHỎ DÂY, ANH CÒN NHẬN
RA EM KHÔNG?



SAKAJAWA?
TRỜI ĐẤT,
EM HÃY
CÒN
SỐNG!

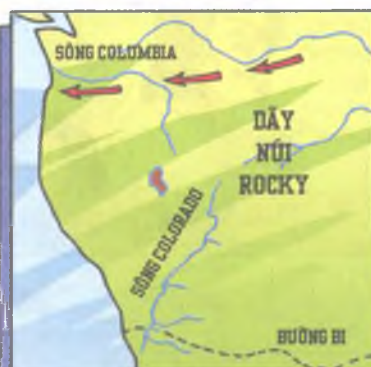




Trong điều kiện khó khăn như thời tiết giá lạnh,
thiếu thốn lương thực, đội thám hiểm đã vượt qua
dãy núi Rocky với nghị lực phi thường.



Sau khi vượt qua dãy núi Rocky, đợt tiếp
hiệm tiếp tục đi xuôi theo sông Columbia.
Khi đó đó là ngày 7 tháng 1 năm 1805...



TUYỆT QUÁ
NHỮNG NGÀY
MƯA U ẦM
ĐÃ HẾT.

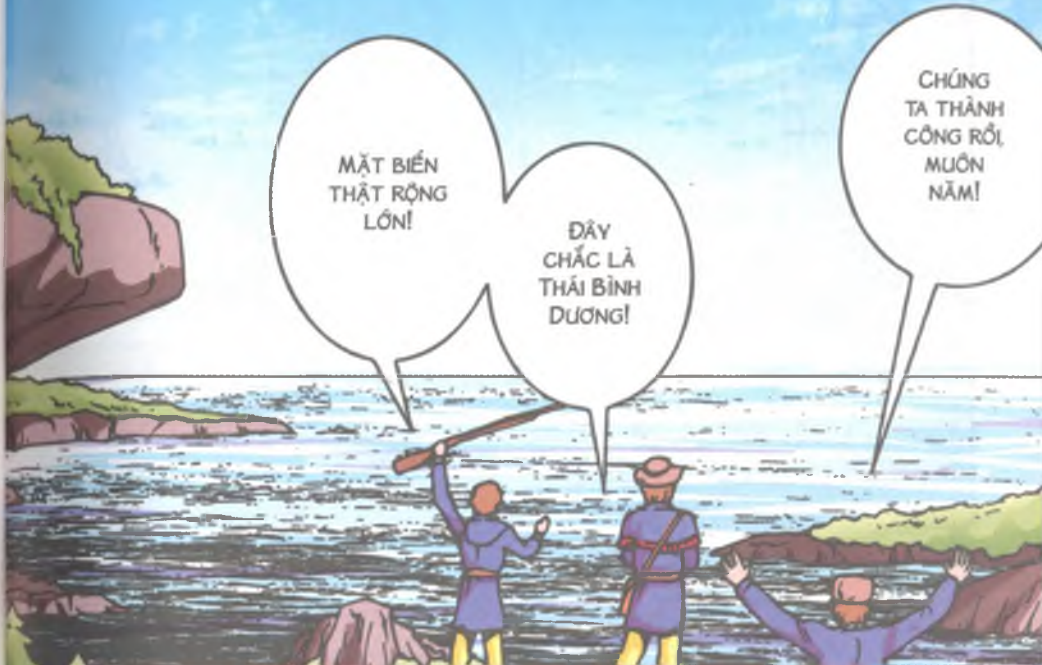


TRỜI ĐẮT!
MỌI NGƯỜI
NHÌN ĐẲNG
KIA KÌA!



A
KIA LÀ
GÌ VẬY?





MẶT BIỂN
THẬT RỘNG
LỚN!

ĐÂY
CHẮC LÀ
THÁI BÌNH
DƯƠNG!

CHÚNG
TA THÀNH
CÔNG RỒI,
MUỐN
NĂM!

Đội của Lewis đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thám hiểm và trở về St. Louis vào năm sau. Hành trình của họ dài tới 12.000 km.

Lewis và Clark trở thành anh hùng của nước Mỹ, mở màn cho phong trào khai hoang miền Tây.



NƯỚC MỸ
CẢM ƠN
CÁC BẠN!



Cuộc chiến tranh với người da đỏ



Những người tại miền tây khai hoang chặt phá những khu rừng rậm để làm nơi định cư.

Sau đó họ dựng những ngôi nhà gỗ đơn sơ để cư trú.



CỎ LÊN,
SẮP HOÀN
THÀNH RỒI!

Tiếp theo là khai khẩn đất nông nghiệp.











CÁC ANH ĐÃ
CỨU MẠNG CHÚNG
TÔI CẢM ƠN RẤT
NHIỀU!

KHÔNG CÓ GÌ,
NHƯNG NHÀ BỊ ĐỐT
MẤT RỒI ANH TÍNH
SAO?



KHÔNG SAO,
TÔI DỰNG LẠI
MỘT NGÔI
NHÀ MỚI LÀ
XONG.



NGƯỜI DA ĐỎ DÁNG GHÉT, TẠI SAO
HỌ LẠI THÙ DỊCH VỚI CHÚNG TA
Ở KHẮP NƠI THẾ NHI?



NHÓC CON,
VIỆC NÀY
KHÔNG THỂ CHỈ
TRÁCH NGƯỜI
DA ĐỎ, CHÚNG
TA ĐÃ CHIÊM
ĐOẠT ĐẤT
ĐẠI CỦA
HỌ.

MỘT SÔ
NGƯỜI DA
TRẮNG CÒN
LÀM RẤT
NHIỀU VIỆC
XẤU.

CHÚ ƠI,
CHÚ LÀ AI
THẾ Ạ?



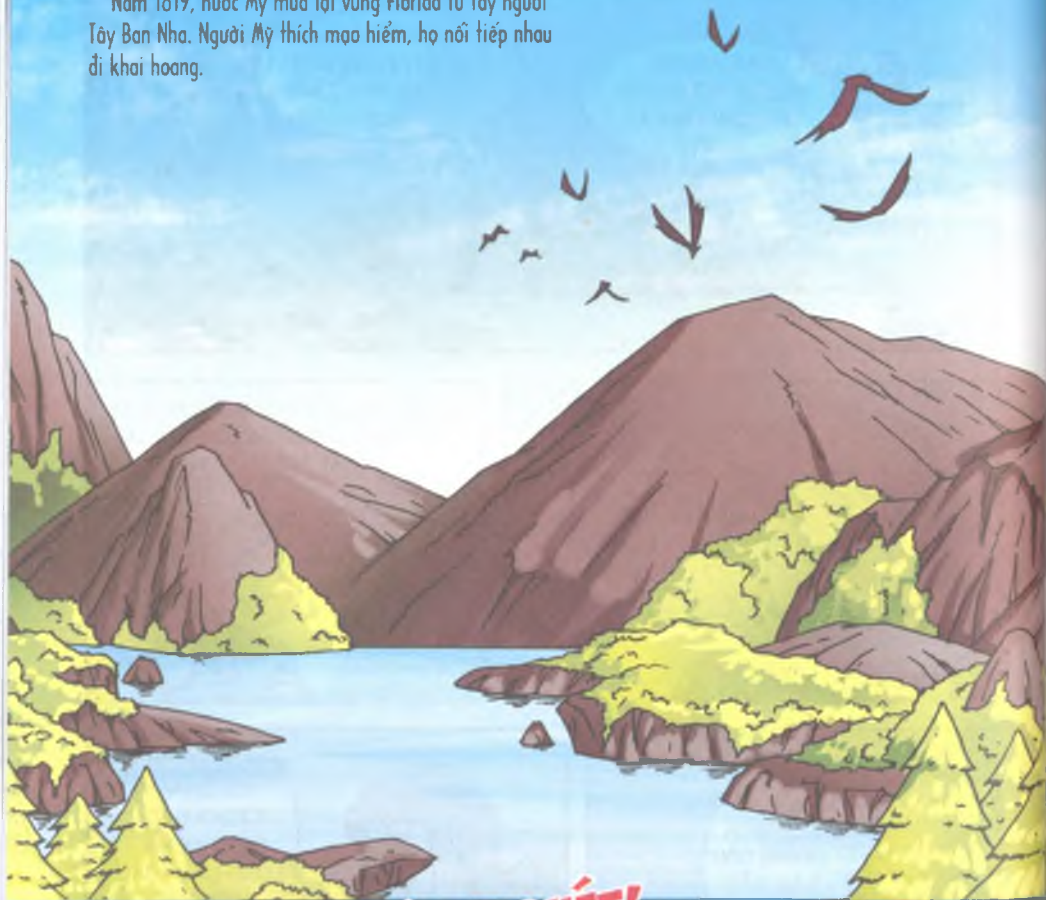
NGÀI CHÍNH
LÀ DAVY
CROCKETT
DANH TIẾNG
LỪNG LẦY PHẢI
KHÔNG Ạ?



NẾU
CHÍNH PHỦ
KHÔNG MAU
MAU NGHĨ CÁCH
THÌ XUNG ĐỘT
GIỮA NGƯỜI KHAI
HOANG VÀ NGƯỜI
DA ĐỎ SẼ NGÂY
CÀNG GAY
GẮT!



Năm 1819, nước Mỹ mua lại vùng Florida từ tay người Tây Ban Nha. Người Mỹ thích mạo hiểm, họ nối tiếp nhau đi khai hoang.



LỮ DA ĐỎ ĐÁNG GHÉT!

LỮ DA TRẮNG ĐÁNG CHẾT!



Xung đột giữa người da trắng và người da đỏ vẫn tiếp diễn.



KHOANH
MỘT VÙNG ĐẤT
TỪ SÔNG
MISSISSIPPI
VỀ PHÍA TÂY, CHO
NGƯỜI DA ĐỎ
CHUYỂN ĐẾN ĐÓ
SINH SỐNG THÔI.

Năm 1829, tổng thống thứ bảy của
Hoa Kỳ - người vốn xuất thân từ miền
Tây là Andrew Jackson đưa ra chủ
trương mới...



THẬT QUÁ ĐÁNG!
CHÍNH CHÚNG TA ĐÃ
CƯỚP ĐOẠT ĐẤT ĐẠI
CỦA THỔ DÂN DA ĐỎ,
BÂY GIỜ LẠI BUỘC HỌ
PHẢI RỜI XA QUÊ
HƯƠNG Ơ?

NGHỊ SĨ DAVY CROCKETT, ĐÓ LÀ
VÌ SỰ PHÁT TRIỂN TỐT HƠN NỮA
CHO MIỀN TÂY.



NHƯ VẬY QUÁ NGANG NGƯỢC,
VỖ LÍ! NƯỚC MỸ LÀ QUỐC GIA MỌI
NGƯỜI ĐỀU BÌNH ĐẲNG CƠ MÀ!



NGÀI CROCKETT,
RỒT CUỘC NGÀI ĐỨNG
VỀ PHE NÀO? BÂY GIỜ SỞ
NGƯỜI DA TRẮNG ĐỒNG
GẤP ĐÔI SỞ VỚI SỞ NGƯỜI
DA ĐỎ. ĐÂY LÀ QUỐC GIA
CỦA NGƯỜI DA TRẮNG
MÀ.

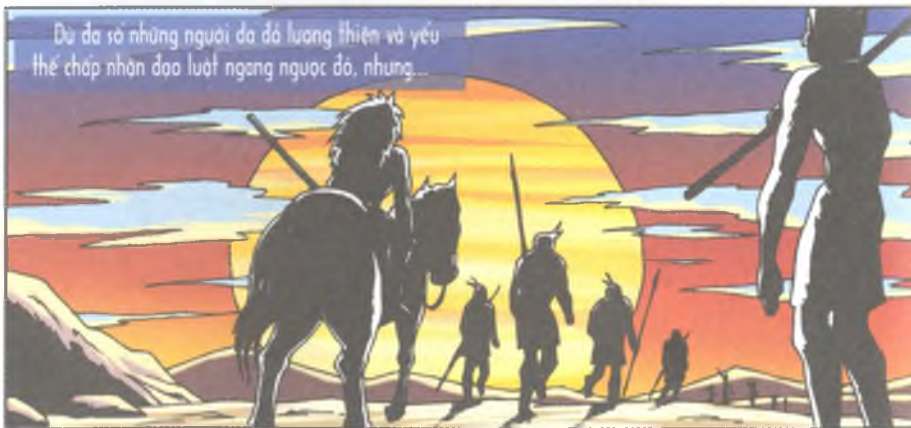
VÌ SỰ
PHÁT TRIỂN CỦA
HỢP CHÚNG QUỐC,
CẦN PHẢI HI SINH
LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI
DA ĐỎ, NHẤT ĐỊNH
PHẢI THỰC HIỆN
ĐẠO LUẬT DI DÂN
ĐỔI VỚI HỌ!



Năm 1830, chính phủ Mỹ ban bố
"Đạo luật di dân đổi với người da
đỏ". Các bộ lạc da đỏ sống rải rác
ở miền Tây Nam của Bắc Mỹ đều
bị cưỡng chế đi cư tới vùng đất từ
sông Mississippi về phía Tây.



Dù da đỏ những người da đỏ lương thiện và yếu
thể chấp nhận đạo luật ngang ngược đó, nhưng...



CỨ TIẾP TỤC THỂ NÀY,
SỚM MUỘN SẼ XẤY RA
CHUYỆN.



Người da đỏ của các bộ tộc Cheyenne,
Sioux và Apache không chịu cúi đầu trước
chính phủ Mỹ.



NGƯỜI DA TRẮNG
XÂM PHẠM LÃNH THỔ
CỦA CHÚNG TA, SẴN
BẮN ĐÀN BÒ RỪNG
QUÝ HIỂM.



GIỜ DÂY CÒN
ÉP CHÚNG TA
RỜI KHỎI QUÊ
HƯƠNG ĐỂ HỌ
XÂM CHIẾM NỐT
VÙNG ĐẤT
MẪU MỜ!

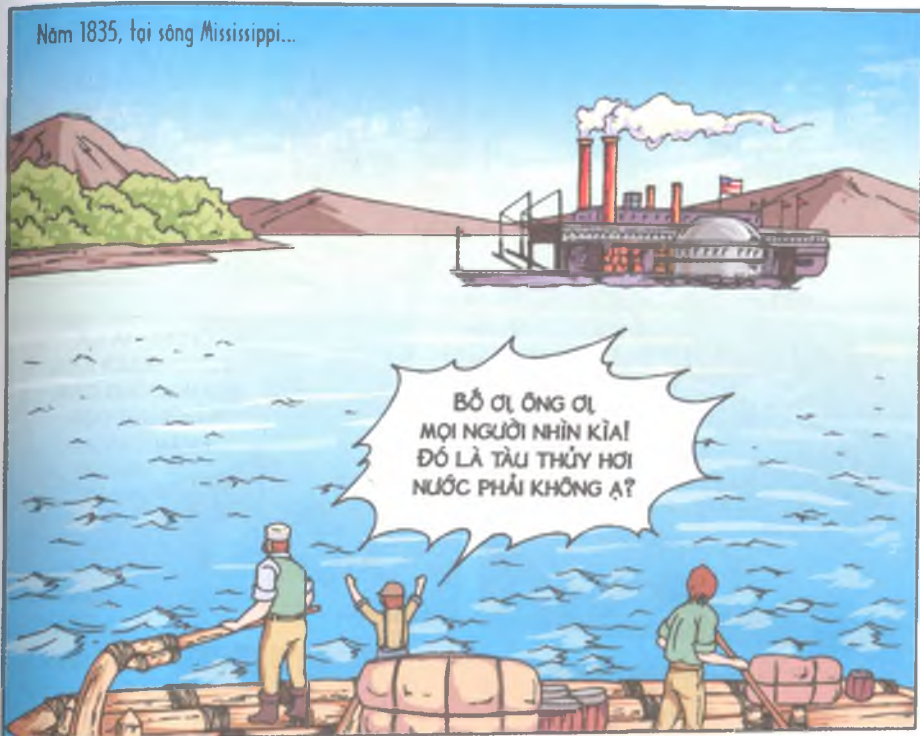
NGƯỜI DA TRẮNG LÀ
KẺ THÙ CỦA CHÚNG TA!
HÃY TIÊU DIỆT HỌ!



Thế nhưng chính phủ Mỹ đâu có thừa nhận quyền lợi của người da đỏ, họ chỉ muốn dùng vũ lực buộc người da đỏ phải khuất phục, chiến tranh giữa hai bên xảy ra liên miên. Trong đó, chuyện tù trưởng của bộ tộc Apache là Geronimo chiến đấu anh dũng với người da trắng trong 10 năm đã trở thành câu chuyện truyền kì.



Năm 1835, tại sông Mississippi...





NGỒI LÊN
XE NGỰA VÀ TIẾP
TỤC LÊN ĐƯỜNG
THÔI. CHUYỀN NÀY
CHÚNG TA SẼ TÌM
KIẾM MỘT VÙNG ĐẤT
THẬT PHÌ NHIỀU!

VẮNG Ạ,
NHẤT ĐỊNH
SẼ TÌM
ĐƯỢC MỘT
VÙNG ĐẤT
MÀU MỜ!



LÀNH THỎ NƯỚC
MỸ VỎ CÙNG RỘNG
LỚN, THỂ NÀO CŨNG
TÌM ĐƯỢC MẢNH
ĐẤT THUỘC VỀ
CHÚNG TA.



CHÚNG TA LÀ
NHỮNG NGƯỜI KHAI
HOANG DỮNG CẢM,
SẴN SÀNG ĐÓN
NHẬN THÁCH
THỨC!



ĐỪNG CÓ
BA HOA NỬA,
CẦU NƠI ĐÓ
BẮT CHUỘC
CROCKETT
ĐÚNG KHÔNG?

HƠ HƠ,
KHÔNG QUA
MẮT ĐƯỢC
BỐ NHÌ!
KHÔNG BIẾT
GIỜ NGÀI
CROCKETT
ĐANG Ở
ĐÂU?



CHÀO MỌI NGƯỜI!
CÓ THỂ CHO TÔI XIN MỘT CHÚT
NƯỚC KHÔNG?



ĐƯƠNG NHIÊN LÀ
ĐƯỢC Ạ, NHƯNG MÀ...

Ồ! NGÀI DAVY
CROCKETT
ĐÓ Ừ?

HỜ HỜ, CẬU
NHỚ SỢ KHÓC
THẾT TRONG
ĐÁM CHÁY LỚN
NĂM ĐÓ ĐÃ TRỞ
THÀNH CHÀNG
THANH NIÊN
RỒI.

CHUYỆN
TỪ 25 NĂM
TRƯỚC RỒI.

NGÀI
ĐỪNG
NHẮC LẠI
NỮA. NGÀI
ĐỊNH ĐI
ĐÂU THÊ?

TÔI PHẢI TỚI THÀNH PHỐ
ALAMO CỦA TEXAS ĐỂ
THAM GIA CUỘC CHIẾN
VỚI MEXICO.

TEXAS

NƯỚC MỸ

MEXICO

ALAMO

VĨNH MEXICO

Trận Alamo thảm khốc
kéo dài trong 13 ngày.



Quân Mỹ gồm 300 người chiến đấu với quân đội Mexico gồm 7.000 người, cuối cùng đã hi sinh toàn bộ.



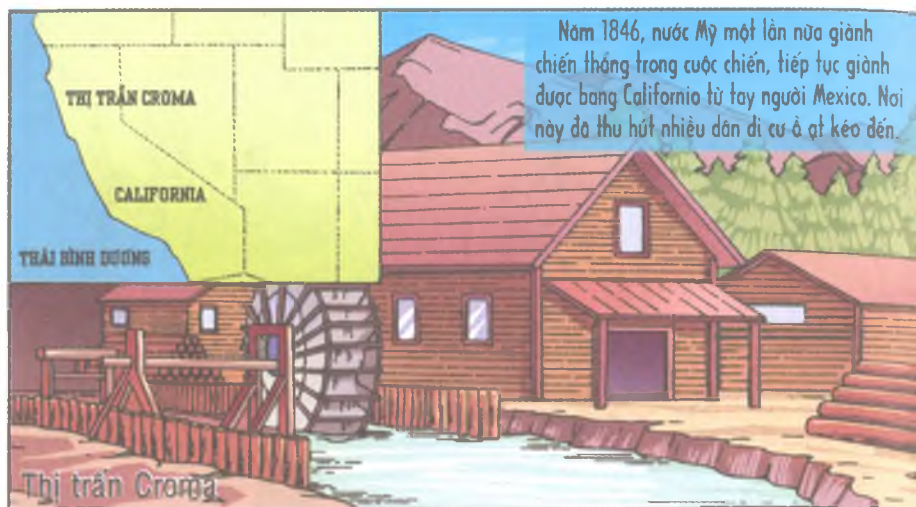
TRẬN
HUYẾT CHIẾN ĐÓ
ĐÃ KÌM HÂM BINH
LỰC CỦA MEXICO.
TRONG THỜI GIAN
CHIẾN TRANH,
TEXAS TỪNG
TUYÊN BỐ
ĐỘC LẬP...

HỌ LẦY
CÂU "NHỚ LẤY
ALAMO" LÀM
KHẩu HIỆU ĐỂ
CHIẾN ĐẤU
ANH DŨNG VỚI
QUÂN MEXICO.



Sau khi giành độc lập, vào năm 1845,
nước cộng hòa Texas sáp nhập vào nước
Mỹ và trở thành tiểu bang Texas.





CHIẾN TRANH GIỮA MỸ VÀ MEXICO

Năm 1846, Mỹ khai chiến với Mexico. Trải qua hai năm chiến đấu, Mỹ giành thắng lợi, hai bên kí kết hòa ước, nước Mỹ nhận vùng đất rộng lớn vốn thuộc về Mexico bao gồm California, Utah, Nevada, Arizona. Vì thế, nước Mỹ trở thành quốc gia sở hữu lãnh thổ rộng lớn từ bờ Đại Tây Dương tới bờ Thái Bình Dương.





CẢ MẶT SÔNG ĐỀU SÁNG
LẤP LẤP, NHƯ NHỮNG
THỨ NÀY LÀ VÀNG THÌ
MÌNH PHÁT TÀI TO.



HÀ HÀ, LẼ NÀO MÌNH
NĂM MƠ GIỮA BAN
NGÀY? LÀM GÌ CỎ
CỦA TÙ TRÊN TRỜI
RƠI XUỐNG?



KHÔNG... KHÔNG
THỂ TIN NỔI...



VÀNG... VÀNG THẬT!
ĐÂY LÀ VÀNG THẬT
100%!

CƠN GIÔNG LỚN ĐÃ XÔI
DI LỚP ĐÁ SỎI TRÊN BỀ
MẶT, TÙ BÊN NÀY TỚI
BỜ BÊN KIA ĐỀU LÀ
MỎ VÀNG!



GIÀU TO RỒI!



Sau khi tin tức lan truyền, nhiều người đổ xô tới California để đào vàng. Đó chính là "con sốt vàng California" nổi tiếng.



TRÊN
NGỌN NÚI
ĐỒI DIỆN,
NGƯỜI TA
PHÁT HIỆN
RA MỎ VÀNG
MỚI.

CÁC ANH
XEM NÀY, TÔI
ĐÀO ĐƯỢC
CỤC VÀNG TO
THẾ NÀY!



ĐÂY LÀ
SỐ VÀNG
CỒM TÔI
ĐÀO ĐƯỢC,
HA HA!

CON SỐ VÀNG CALIFORNIA

Trên vùng đất California rộng lớn ban đầu chỉ có 20.000 nhân khẩu. Nhưng kể từ khi phát hiện ra mỏ vàng vào năm 1848, hàng loạt thợ đào vàng kéo đến. Trong vòng một năm, dân số California đã tăng vọt lên tới 80.000 người.

Tuy có người may mắn tìm được mỏ vàng và trở thành người giàu có, nhưng đa số mọi người đều chỉ tìm được gì.

Sau khi bùng phát, mọi người liền định cư ở California và bắt đầu sản xuất nông nghiệp.





Xe ngựa chở thuê đưa đón hành khách, chuyên chở hàng hóa và bưu kiện theo giờ, từ thành phương tiện giao thông được đông đảo thợ đào vàng đón nhận.



CRỐC CRỐC CRỐC CRỐC...



NHỮNG HÀNH KHÁCH MUỐN ĐỔI XE NGỰA THÌ XIN MỜI NGHỈ NGƠI TẠI ĐÂY TRONG CHỖC LÁT.



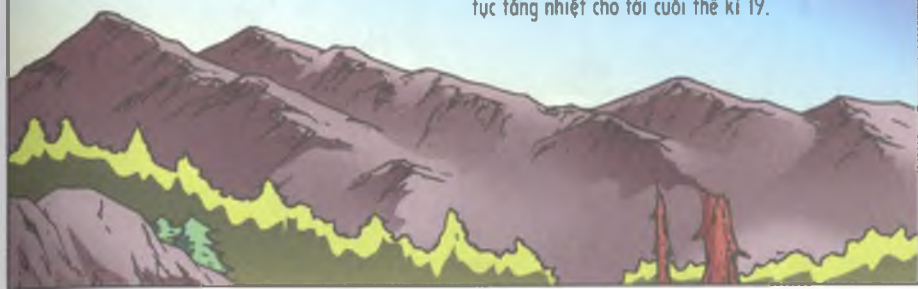
OA!
ĐÚNG LÀ
MỘT THÀNH
PHỐ NÁO
NHIỆT.

VÀNG ƠI,
TA TỚI ĐÂY!
TA SẼ TRỞ
THÀNH NGƯỜI
RẤT GIÀU CÓ!

Vì thế, San Francisco phát triển thành đô thị nổi tiếng với vàng.



Song song với việc phát hiện ra mỏ vàng, mỏ bạc trên dãy núi Rocky, cơn sốt vàng tại California liên tục tăng nhiệt cho tới cuối thế kỉ 19.



Hoa Kỳ mở tung cánh cửa của Nhật Bản



Năm 1853, bốn tàu chiến của Mỹ vượt qua Thái Bình Dương đi về phía Nhật Bản.

ĐỒ ĐỒC PERRY,
CHÚNG TA SẴP
SỬA TỐI NHẬT
BẢN RỒI Ạ.

TỐT,
CHUẨN BỊ
CẬP BẾN
THÔI

CỨ CHỜ ĐÂY,
TA NHẤT ĐỊNH
SẼ KHIẾN
NƯỚC NHẬT
PHẢI MỞ RỘNG
CÁNH CỬA VỚI
CHÚNG TA.

Bốn con tàu chiến
này trong tương lai sẽ
bước Nhật Bản phải kết
thúc tình trạng bế quan
táo cảng trong hơn 200
năm, đồng thời bước
vào thời kì cận đại.



Quay ngược thời gian về
mấy tháng trước...

MUỐN TIỀN HÀNH
TRAO ĐỔI BUỒN BÁN
VỚI NHẬT BẢN, PHẢI
BUỘC HỌ NGỪNG
CHÍNH SÁCH BÊ
QUAN TỎA
CĂNG.

TÔI NHẤT
ĐỊNH SẼ HOÀN
THÀNH NHIỆM
VỤ.

Thời kì đó, để lấy được dầu thấp đèn và dầu bôi trơn
cho máy móc, người Mỹ đã săn bắt cá voi ở các nơi. Tàu
sàn cá voi của Mỹ thường xuyên xuất hiện tại các vùng
biển gần Nhật Bản.



VÙNG BIỂN NÀY
LÀ NƠI SĂN CÁ VOI
RẤT TỐT!

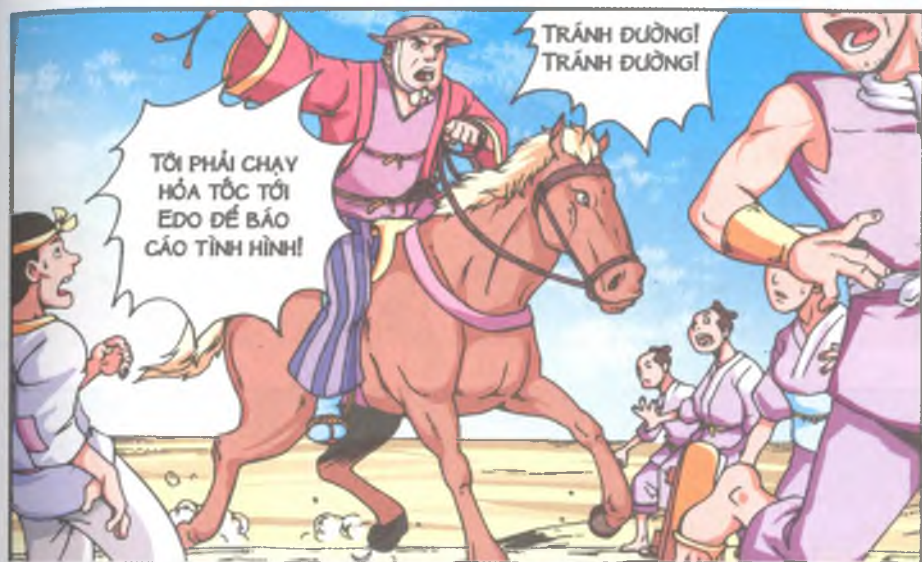
NẾU NHU CÓ THỂ CẬP
BẾN TẠI CÁC CẢNG CỦA
NHẬT BẢN ĐỂ TIẾP TÊ
THỰC PHẨM, NƯỚC NGỌT
VÀ NHIÊN LIỆU THÌ SẼ
CANG TUYỆT HƠN.





Năm 1853, hạm đội của Perry đi vào vùng neo đậu của cảng
Kanagawa, dùng vũ lực buộc Mạc phủ Tokugawa mở cửa đất nước.

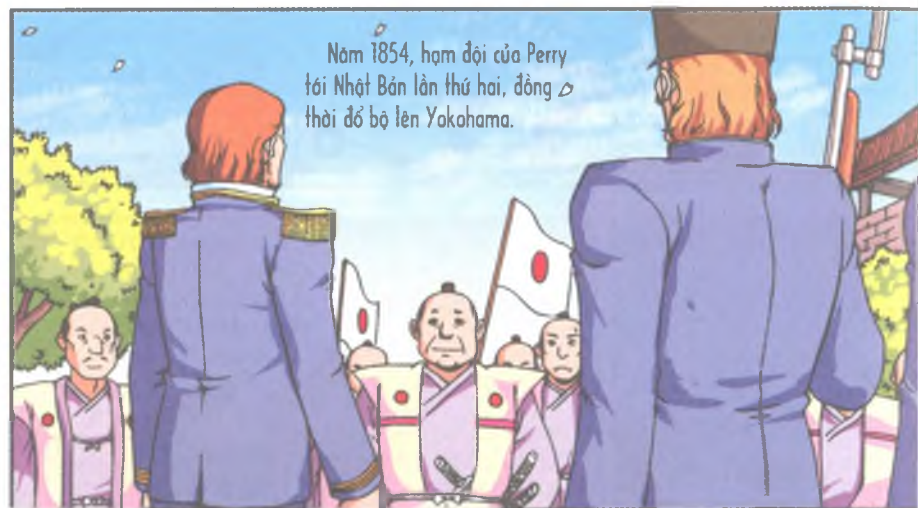


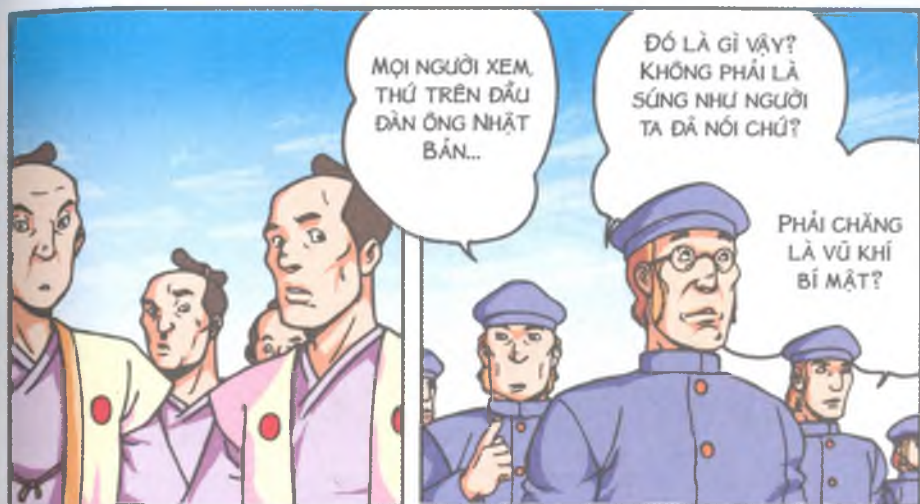


Thành Edo



Sự xuất hiện của hạm đội Mỹ đã gây ra sóng to gió lớn trong nước Nhật vốn ngủ yên 200 năm.







Sáu năm sau, vào năm 1860, chính phủ Nhật cất cử Katsu Kaishu, Fukuzawa Yukichi và những người khác sang thăm nước Mỹ. Con tàu "Kanrin Maru" mà họ đi là con tàu Nhật đầu tiên vượt qua Thái Bình Dương để cập bến ở nước Mỹ.





ĐÓ CHÍNH LÀ
XE LỬA Ủ?

CON
QUẢI VẬT
KHÔNG LỖ
ĐÓ CHẠY VỚI
TỐC ĐỘ CỰC
NHANH ĐÂY!



NỀN VĂN MINH
PHƯƠNG TÂY
ĐÚNG LÀ TIỀN
BỘ. TÔI VỪA
CHỤP THỦ VÀI
TẤM TRONG
HIỆU ẢNH.

TÔI THÌ VỪA MUA
MỘT CUỐN TỪ ĐIỂN
TIẾNG ANH, HI VỌNG
MÌNH SẼ HỌC ĐƯỢC
NGÔN NGỮ CỦA
NGƯỜI MỸ.



Mở cửa đất nước, được tiếp xúc với nền
văn minh tiên bộ của nước ngoài, từ đó
nước Nhật Bản phát triển thần tốc và bước
vào thời kì hiện đại hóa.



Nước Mỹ tích cực mở rộng lãnh thổ

Sau khi giành được độc lập ít lâu, nước Mỹ nhanh chóng mở rộng lãnh thổ với quy mô lớn. Năm 1803, Napoleon bán vùng Louisiana cho nước Mỹ với giá 15 triệu đô la. Do đó lãnh thổ nước Mỹ được mở rộng gấp đôi. Vào những năm 40-50 của thế kỉ 19, thuyết "Vận mệnh hiển nhiên" cổ xúy nước Mỹ mở rộng về Bắc Mỹ, thậm chí là xuống Nam Mỹ, một lần nữa làm dấy lên cơn sốt. Trong khoảng 150 năm sau đó, bằng các biện pháp cưỡng đoạt, mua lại, thôn tính, phát động chiến tranh... nước Mỹ đã lần lượt giành được thêm các vùng lãnh thổ từ tay Tây Ban Nha, Mexico và Anh, biến thành cả thảy 48 tiểu bang. Cuối cùng vào năm 1867, Mỹ mua lại Alaska từ nước Nga. Năm 1898, Mỹ thôn tính quần đảo Hawaii, từ đó duy trì ổn định toàn bộ lãnh thổ gồm 50 tiểu bang.

Sau chiến tranh giành độc lập, cư dân và dân di cư của các bang miền Đông bắt đầu di về miền Tây, dần dần hình thành nên phong trào

TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA LỊCH SỬ BỞI TÔI

Tây tiến quy mô lớn. Ban đầu, dân di cư chủ yếu đến "miền Tây cũ" tức là từ sông Mississippi về phía Đông để định cư. Kể từ những năm 20 của thế kỉ 19 thì xuất hiện cao trào dân di cư bằng qua sông Mississippi hướng về "miền Tây mới", tiếp đó lại men theo bờ Thái Bình Dương đi cư tới "miền viễn Tây". Phong trào Tây tiến là quá trình lập nghiệp, khai hoang gian khổ của đồng đảo dân di cư, đồng thời cũng là vết nhơ lịch sử về việc tàn sát bừa bãi và cướp bóc người da đỏ. Rất nhiều người da đỏ đã bị giết hại trong cuộc chiến đấu anh dũng bảo vệ quê hương và cơ nghiệp tổ tiên.

Miền Tây nước Mỹ

"Miền Tây nước Mỹ" chỉ những phạm trù địa lí khác nhau trong các thời kì lịch sử. Ban đầu là chỉ vùng đất nằm giữa dãy núi Appalachian và sông Mississippi, được gọi là "miền Tây cũ". Sau này, cùng với sự mở rộng lãnh thổ nước Mỹ về phía Tây, người ta gọi vùng đất từ sông Mississippi tới dãy núi Rocky là "miền Tây mới", còn vùng đất từ dãy núi Rocky tới bờ Thái Bình Dương được gọi là "miền viễn Tây".

Hiện tại, dựa theo cách phân chia khu vực của nước Mỹ, miền Tây bao gồm 11 tiểu bang là Washington, Oregon, California... Ngoài 11 bang trên ra còn bao gồm 6 bang là: Bắc Dakota, Nam Dakota, Nebraska, Kansas, Oklahoma, Texas, tổng cộng chiếm tới 60,2% diện tích của lãnh thổ nước Mỹ (không bao gồm các bang Alaska và Hawaii).

Nguyên do của phong trào Tây tiến

Ngay từ thời kì nước Anh cai trị, do các chủ nô miền Nam muốn phát triển kinh tế đồn điền ở lãnh thổ miền Tây; những nhà đầu tư ở miền Bắc thì muốn tới miền Tây để đầu cơ đất đai; tầng lớp nhân dân nghèo khổ như nông dân, thợ săn, công nhân mỏ, thì không có đất hoặc có ít đất nên mong muốn kiếm được một mảnh đất ở miền Tây... Nên dân Bắc Mỹ bắt đầu di cư về miền Tây. Nhưng để tiện cho việc kiểm soát nhân dân thuộc địa Bắc Mỹ, chính phủ Anh ban bố pháp lệnh nghiêm cấm họ di cư về phía Tây của dãy núi Appalachian. Sau khi nước Mỹ giành độc lập, những pháp lệnh đó bị xóa bỏ, hàng loạt dân di cư đua nhau từ miền Đông nước Mỹ men theo vùng duyên hải, vượt qua dãy núi Appalachian để đổ xô tới miền Tây, dần dần hình thành nên phong trào Tây tiến với quy mô lớn.



Các giai đoạn và ý nghĩa của phong trào Tây tiến

Phong trào Tây tiến bắt đầu từ cuối thế kỉ 18, tới cuối thế kỉ 19 thì kết thúc, trải qua ba đợt cao trào. Đợt thứ nhất là từ cuối thế kỉ 18 tới đầu thế kỉ 19, đợt thứ hai là sau năm 1815, đợt thứ ba là giữa thế kỉ 19.

Để tìm hiểu về miền Tây, thu thập các tin tức về cuộc Tây tiến, tháng 5 năm 1804, tổng thống Mỹ Thomas Jefferson đã cử Meriwether Lewis và William Clark dẫn đội thám hiểm đi về miền Tây. Đội thám hiểm có tổng cộng 45 người, trong đó bao gồm phiên dịch viên tiếng Tây Ban Nha và ngôn ngữ của người da đỏ. Họ lên thuyền và xuất phát từ thành phố St. Louis, đi ngược dòng sông Missouri lên trên, xuyên qua vùng Louisiana thời đó, đi thẳng tới bờ Thái Bình Dương, sau đó quặt về từ đường cũ, cuối cùng về thành phố St. Louis. Cuộc thám hiểm này mất tới hơn hai năm. Sau đó, nước Mỹ bắt đầu bùng lên cơn sốt mới khai phá miền Tây.

Phong trào Tây tiến ảnh hưởng lớn tới chính trị, kinh tế và xã hội Mỹ. Nó giúp mở rộng diện tích lãnh thổ, khiến nước Mỹ trở thành quốc gia có lãnh thổ rộng lớn, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, giúp nền nông nghiệp nước Mỹ phát triển thần tốc. Nó thúc đẩy ngành giao thông vận tải phát triển, kích thích sự ra đời của thành thị miền Tây và sự tiến bộ của ngành công nghiệp, thúc đẩy sự hình thành thị trường rộng lớn và thống nhất trong nước. Có thể nói, phong trào Tây tiến giúp cho nước Mỹ trở nên giàu mạnh.

Thế nhưng phong trào Tây tiến cũng khiến cho hàng loạt người da đỏ bị tàn sát, những người may mắn sống sót thì bị cưỡng chế và xua đuổi đến vùng đất hoang vu. Từ góc độ này có thể thấy rằng, phong trào Tây tiến là cuộc tàn sát đẫm máu của kẻ mạnh với kẻ yếu.

Quá trình mở rộng lãnh thổ của nước Mỹ

Sau khi giành độc lập, nước Mỹ nhanh chóng mở rộng lãnh thổ.

Năm 1803, với giá 15 triệu đô la, Mỹ mua vùng Louisiana từ nước Pháp với diện tích rộng tới 2,6 triệu km².

Năm 1810, Mỹ chiếm đoạt miền Tây Florida của Tây Ban Nha.

Năm 1819, Mỹ xuất quân xâm lược miền Đông Florida, mua ép miền Đông Florida với giá 5 triệu đô la.

Năm 1845, Mỹ thôn tính vùng Texas của Mexico.

Năm 1846, Mỹ buộc nước Anh từ bỏ vùng Oregon từ 46 vĩ độ Bắc xuống phía Nam.

Từ năm 1846 đến năm 1848, Mỹ khơi mào chiến tranh với Mexico, đoạt lấy vùng lãnh thổ rộng lớn từ sông Rio Grande về phía Bắc, bao gồm 5 tiểu bang California, Nevada, Utah, Arizona, New Mexico ngày nay cùng với một phần tiểu bang Colorado và Wyoming.

Năm 1853, Mỹ ép Mexico bán lãnh thổ của bang Arizona và vùng đất từ sông Gila của New Mexico về phía Nam.

Thông qua những lần mở rộng như vậy, cho tới cuối thế kỉ 19, lãnh thổ nước Mỹ từ chỗ diện tích chỉ có hơn 2,3 triệu km² thời kì đầu độc lập đã được mở rộng tới khoảng hơn 7,8 triệu km².



Mua vùng Louisiana

Tháng 7 năm 1776, 13 thuộc địa Bắc Mỹ tuyên bố độc lập, lãnh thổ lúc đó chỉ bao gồm 13 bang ven bờ Đại Tây Dương, diện tích khoảng 800.000 km². Năm 1783, sau khi thừa nhận nước Mỹ độc lập, nước Anh lần lượt đem phần lớn đất đai ven bờ Đại Tây Dương ngoài 13 bang trên cắt cho nước Mỹ. Lãnh thổ nước Mỹ lên tới 2,3 triệu km², chiếm khoảng 30% diện tích nước Mỹ ngày nay.

Năm 1800, nước Pháp chiếm vùng Louisiana từ tay Tây Ban Nha. Louisiana chỉ vùng lãnh thổ rộng lớn nằm giữa sông Mississippi và dãy núi Rocky, phía Bắc là Canada, phía Nam tới tận vịnh Mexico, diện tích khoảng 2,6 triệu km² lớn gấp 20 lần diện tích bang Louisiana hiện tại. Năm 1802, tổng thống Mỹ thời đó là Thomas Jefferson đàm phán với nước Pháp để mua lại vùng đất rộng lớn này với giá cao. Vì Napoleon cần gấp

tiền cho chiến tranh nên cuộc đàm phán thuận lợi và nhanh chóng ngoài dự đoán. Napoleon đã bán Louisiana với giá 80 triệu franc Pháp (tương đương 15 triệu đô la Mỹ thời đó) cho Mỹ, tức là mỗi ki-lô-mét vuông chưa tới 6 đô la Mỹ. Tháng 4 năm 1803, Mỹ và Pháp kí kết hợp đồng chính thức.



Mua vùng Alaska

Alaska nằm ở góc Tây Bắc của lục địa Bắc Mỹ, ba mặt đều là biển bao quanh, gần kề với Bắc Băng Dương. Khí hậu nơi này giá lạnh, không nối liền với đất liền của Mỹ, một phần của nó còn là vùng duyên hải nằm kề bên bờ Thái Bình Dương thuộc góc Tây Nam của Canada.

Ban đầu, Alaska thuộc về nước Nga. Vùng đất phủ đầy băng tuyết này thời đó trông có vẻ không đáng giá bao nhiêu. Vì thế Sa hoàng Aleksandr II quyết định bán nó đi, đồng thời chốt hạ người mua là nước Mỹ. Vì lo rằng nước Mỹ không hứng thú với Alaska, nước Nga đã bỏ ra một khoản tiền khoảng 100.000 đô la Mỹ nhằm mua chuộc một số phóng viên và chính khách để nhờ họ thuyết phục chính phủ Mỹ.

Tháng 3 năm 1867, nước Nga cử quan chức sang Mỹ đàm phán về việc bán Alaska. Người cùng đàm phán với phía Nga là quốc vụ khanh của Mỹ - William H. Seward. Cuối cùng hai bên

đi đến thống nhất trao đổi với giá 7,2 triệu đô la Mỹ, đồng thời đến sáng sớm ngày hôm sau, hai bên đã kí kết thỏa thuận chính thức.

Sau khi thỏa thuận được kí kết, nó lập tức gây ra làn sóng phản đối ở Mỹ, nhiều người nói rằng đó là “vụ mua bán nguy hại”, “một sai lầm khác thường”, nhưng cuối cùng Seward vẫn thuyết phục được quốc hội thông qua bản thỏa thuận đó.

Sự thật đã chứng minh rằng Seward rất biết nhìn xa trông rộng. Theo ước tính, dưới lòng đất Alaska có khoảng 5.700 tỉ m³ khí tự nhiên và 30 tỉ thùng dầu thô, giá trị của nó vượt hơn 20.000 tỉ đô la Mỹ. Đây có thể là vụ mua bán đất đai kiếm lời nhiều nhất của chính phủ Mỹ.





Thomas Jefferson

Thomas Jefferson là vị tổng thống thứ ba của nước Mỹ (nhiệm kì từ năm 1801 tới năm 1809), người sáng lập đảng Dân chủ Cộng hòa, cũng là người soạn thảo ra bản "Tuyên ngôn độc lập" của nước Mỹ.

Ngày 13 tháng 4 năm 1743, Jefferson sinh ra trong một gia đình chủ đồn điền thuộc lá tằm trung ở Virginia. Năm 1762, ông tốt nghiệp tại Học viện William - Mary. Năm 1767 ông làm luật sư, đồng thời trở thành nhân vật lãnh đạo trong giới luật sư ở Virginia. Năm 1769, ông được bầu làm nghị sĩ của nghị viện Virginia. Tháng 5 năm 1775, khi là đại biểu của bang Virginia tham gia quốc hội lục địa lần thứ hai, ông được chỉ định là thành viên của ủy ban soạn thảo "Tuyên ngôn độc lập", đồng thời là người chấp bút chính. Kể từ năm 1779, ông làm thống đốc bang Virginia. Năm 1789, sau khi chính phủ liên bang được thành lập, ông trở thành quốc vụ khanh. Cuối năm 1793, ông sáng lập và lãnh đạo đảng Dân chủ Cộng hòa. Năm 1800, Jefferson được bầu làm tổng thống thứ ba của nước Mỹ. Năm 1804, ông lại trúng cử nhiệm kì thứ hai.

Trong thời gian nhậm chức tổng thống, ông tích cực đẩy mạnh chính sách mở rộng về phía

Tây, đồng thời mua vùng Louisiana từ Pháp, khiến lãnh thổ nước Mỹ được mở rộng khoảng gấp đôi. Ông còn cất cử đội thám hiểm đến khu vực Tây Bắc, giúp biên giới phía Tây của nước Mỹ vươn tới tận bờ Thái Bình Dương. Ông còn nghiêm cấm việc mua bán nô lệ, thi hành chính sách "Lấy nông nghiệp làm gốc, thương mại là phụ", thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Mỹ. Trong thời gian ông làm tổng thống nhiệm kì hai, nền kinh tế Mỹ trở nên phồn vinh, dân số tăng lên, lãnh thổ được mở rộng.

Jefferson hiểu học và đa tài, có nhiều đam mê. Ông biết nhiều ngôn ngữ, đồng thời cũng là kĩ sư do đạc đất đai, kiến trúc sư, nhà sinh vật học, nhà triết học, nhà âm vận học và nhà văn. Khi về già, ông còn thành lập trường đại học Virginia và làm hiệu trưởng nhiệm kì đầu tiên của trường này. Trong suốt cuộc đời, Jefferson có rất nhiều tác phẩm nổi tiếng, người đời sau đem tập hợp những bài viết của ông lại để xuất bản, tất cả có 20 quyển.

Ngày 4 tháng 7 năm 1826, Jefferson qua đời. Ông được nhân dân Mỹ tôn sùng là "nhà hiền triết", tên tuổi ngang hàng với Washington và Lincoln.



Câu chuyện về Jefferson

Năm 1785, Jefferson từng làm đại sứ tại Pháp. Một hôm, ông tới thăm ngoại trưởng Pháp. "Có phải ngài thay thế cho Franklin không?", ngoại trưởng hỏi. "Chỉ là 'thay mặt' chứ không ai có thể 'thay thế' được ông ấy." Jefferson đáp lại.

Từ đầu tới cuối, Jefferson vẫn coi mình là một viên chức bình dân. Trong thời gian làm tổng thống, chiều nào Jefferson cũng một mình cưỡi ngựa đi dạo tới vùng ngoại ô Washington D.C để tiếp xúc với đồng bào nhân dân. Có lần Jefferson gặp một người, người đó trông thấy Jefferson đang cưỡi ngựa, ăn mặc thì rất bình dân nên tưởng ông là người buồn ngựa. Hai người

bắt đầu trò chuyện, khi chủ đề nhắc tới vị tân tổng thống, người đó nói: "Nghe nói Jefferson tiêu tiền rất bạo tay, trên mỗi ngón tay ông ta đều đeo nhẫn. Nếu đem bán quần áo của ông ta đi thì số tiền thu được có thể mua hẳn một đồn điền và hai chiếc đồng hồ." Jefferson nghe nói vậy thì cười lớn và nói: "Quần áo mà tổng thống mặc thường ngày chưa chắc đã đẹp bằng của ông đâu! Nếu ông không tin thì tôi có thể đưa ông đi gặp ông ấy." Khi hai người cưỡi ngựa tới cổng Nhà Trắng, người hầu cất tiếng chào Jefferson: "Kính chào ngài tổng thống!" thì người đó bất chợt mắt chữ O miệng chữ A, lúng túng không biết làm thế nào.



Chặng đường đầy máu và nước mắt của người da đỏ

Sau khi nước Mỹ giành độc lập, cùng với sự phát triển thần tốc của chủ nghĩa tư bản và việc mở rộng lãnh thổ, hàng loạt người da đỏ bị xua đuổi ra khỏi vùng đất của tổ tiên, di chuyển tới vùng đất cằn cỗi ở miền Tây. Năm 1830, chính phủ Mỹ đã thông qua “Đạo luật di cư cho người da đỏ”, quy định họ phải di chuyển tới khu vực bảo tồn (phần lớn khu vực này đều là vùng núi xa xôi cằn cỗi hoặc vùng sa mạc). Hàng loạt người da đỏ bị chết trên đường di cư, chẳng hạn như một bộ tộc tên là Cherokee buộc phải di cư tới vùng “Okla huma” (nay là tiểu bang Oklahoma). Trải qua gần 5 tháng, khoảng 4.000 người đã mất mạng, chiếm tới 25% dân số của bộ tộc này. Người da đỏ còn bị quân đội Mỹ tàn sát trong thời gian dài, dân số giảm mạnh. Có thể nói, phong trào Tây tiến chính là chặng đường lịch sử đầy máu và nước mắt của họ.

Thợ chăn bò miền Tây nước Mỹ

Trong quá trình mở rộng miền Tây nước Mỹ, hàng loạt đàn bò được đưa tới đây. Những đàn bò khi vượt qua chặng đường xa xôi cần phải có người dẫn dắt và chăm sóc, vì thế nghề thợ chăn bò đã ra đời.

Những thợ chăn bò phải cưỡi ngựa, trông coi đàn bò cẩn thận. Đa số họ là những người chịu đựng được gian khổ, ngoài ra phải có những phẩm chất ưu tú như nhanh trí, dũng cảm, trầm tĩnh, cẩn trọng thì mới có thể ứng phó được mọi sự cố và nguy hiểm bất ngờ trên đường đi. Chính họ trực tiếp mở mang những con đường cho những người “Tây tiến”, được vinh dự gọi là “những người tiên phong trong công cuộc mở rộng miền Tây của nước Mỹ”, “những anh hùng trên lưng ngựa”.

Cuối thế kỉ 19, cùng với sự phát triển của giao thông vận tải, các thợ chăn bò thì nhau chuyển nghề, nhưng tinh thần khai phá, hăng hái tiến lên của họ vẫn luôn khích lệ người dân Mỹ, đồng thời cho ra đời các loại hình văn hóa đặc sắc như tiểu thuyết miền Tây, điện ảnh miền Tây... Sức ảnh hưởng của họ vẫn còn duy trì tới ngày nay.

Sự ra đời của chiếc quần bò

Vào những năm 40 của thế kỉ 19, người ta phát hiện ra mỏ vàng ở miền Tây nước Mỹ. Trong số những thợ đào vàng, có một người tên là Levi Strauss. Ông vốn là một người buôn vải, khi tới miền Tây, ông mang theo một ít vải bạt để làm lều tạm hoặc bạt che cho xe cộ. Những thợ đào vàng thời đó đa số mặc quần vải bông nên dễ rách. Strauss thấy đây là một cơ hội tốt để kiếm tiền, nên đã lấy số vải bạt mang theo cắt thành quần đem bán. Loại quần này mặc rất bền và chắc, khi mặc lên người thì cảm thấy vô cùng thoải mái, cử động dễ dàng, rất được cánh thợ đào vàng chào đón. Không lâu sau, rất nhiều thợ chăn bò cũng thích loại quần này, về sau mọi người liền gọi loại quần này là “quần của thợ chăn bò” (quần bò), còn Levi Strauss cũng phát lên nhờ kinh doanh quần bò, thương hiệu trang phục bò mà ông sáng lập ra đã trải qua hơn 100 năm, tới ngày nay vẫn được coi là một trong những thương hiệu nổi tiếng thế giới.



Bảng Cộng hòa và đảng Dân chủ

Tuy nước Mỹ có nhiều đảng phái nhưng luôn là đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ thay nhau nắm quyền.

Đảng Cộng hòa được thành lập vào năm 1854, chủ yếu đại diện cho lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp, giai cấp công nhân và tiểu nông miền Tây. Năm 1860, ứng viên của đảng Cộng hòa là Abraham Lincoln được bầu làm tổng thống thứ 16 của nước Mỹ, đảng này lần đầu tiên nắm quyền. Từ năm 1933 về sau, những người của đảng Cộng hòa lên nắm quyền lần lượt là Warren G. Harding, Calvin Coolidge, Herbert Hoover, Dwight D. Eisenhower, Richard Nixon, Gerald Ford, Ronald Reagan, George H. W. Bush và George W. Bush. Đảng Cộng hòa không có cương lĩnh đảng cố định. Tất cả cử tri bỏ phiếu bầu cho ứng viên tổng thống của đảng này đều được coi là đảng viên của đảng.

Đảng Dân chủ được thành lập vào năm 1828, đại diện cho lợi ích của các đồn điền ở miền Nam. Trước khi Abraham Lincoln lên nắm quyền, trong hơn 30 năm sau khi đảng Dân chủ được

thành lập, đảng này từng nắm quyền 24 năm. Trong vòng 48 năm từ năm 1885 tới năm 1933, đảng Dân chủ nắm quyền 16 năm. Từ năm 1933 trở đi, những người của đảng Dân chủ là: Franklin D. Roosevelt, Harry S. Truman, John F. Kennedy, Lyndon B. Johnson, Jimmy Carter, Bill Clinton... lần lượt được bầu làm tổng thống. Cũng giống như đảng Cộng hòa, đảng Dân chủ không có cương lĩnh và sổ đảng viên cố định.

Năm 1874, một họa sĩ của nước Mỹ đã sáng tác một bức tranh lấy con lừa tượng trưng cho đảng Dân chủ, lấy con voi tượng trưng cho đảng Cộng hòa. Sau đó, con lừa và con voi liền trở thành biểu tượng của hai đảng.

Thật ra, vị tổng thống thứ ba của nước Mỹ là Thomas Jefferson từng sáng lập đảng Dân chủ Cộng hòa. Đảng này từng nắm quyền liên tục tới 24 năm. Do sự phân hóa về lợi ích giữa các phe chính trị nên ở nước Mỹ xuất hiện đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa, khi đó hình thức và nội dung chính trị của hai đảng mới được xác lập một cách chính thức.

San Francisco

San Francisco nằm ở phía Tây Bắc bang California, là mỏm phía Bắc của bán đảo nằm giữa Thái Bình Dương và vịnh San Francisco, ba mặt giáp với biển, diện tích thành phố khoảng 120 km² được mệnh danh là "thành phố đẹp nhất nước Mỹ", "cửa ngõ của bờ Tây".

Năm 1776, thuộc địa đầu tiên của châu Âu được thành lập tại nơi này. Người Mexico dùng tiếng Tây Ban Nha đặt tên cho nơi này là "San Francisco". Khi đó, cư dân ở đây chỉ có hơn 800 người. Khi thuộc về nước Mỹ vào năm 1846, vùng này cũng chỉ là một thị trấn nhỏ, cư dân chưa tới 1.000 người. Năm 1848, sau khi phát hiện ra mỏ vàng, dân di cư ồ ạt kéo tới đây, làm dấy lên cơn sốt vàng. Khi thành lập thành phố vào năm 1850, dân số đã tăng nhanh. Năm 1906, ở San Francisco xảy ra động đất mạnh, 80% công trình kiến trúc của toàn thành phố bị phá hủy, nhưng đã nhanh chóng được xây dựng lại...

Cầu Cổng Vàng là một trong những cây cầu treo dây văng lớn nhất thế giới, tổng chiều dài cầu hơn 2,7 km, hai trụ chính của cầu cao gần

bằng tòa nhà 65 tầng. Nó được khởi công vào tháng 1 năm 1933, tới tháng 5 năm 1937 thì hoàn thành, tổng cộng số dây thép được dùng là 24.000 tấn, chi phí xây dựng thời đó là 3 triệu đô la Mỹ, nhân công của 6 quốc gia tham gia việc xây dựng. Cho tới ngày nay, cây cầu này đã trở thành biểu tượng và thắng cảnh quan trọng của San Francisco.

Hiện nay, San Francisco đã trở thành thành phố hải cảng quan trọng, là trung tâm ngân hàng, thương mại và văn hóa của miền Tây nước Mỹ. Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ thông tin nổi tiếng toàn cầu - thung lũng Silicon nằm ở phía Nam của San Francisco.

Là một thành phố quốc tế hóa, dân số của San Francisco rất phức tạp, người da trắng chiếm trên 2/5 dân số, dân di cư chia theo từng khu vực, trong đó "Chinatown" (phố của người Hoa) ở San Francisco là nơi có người Hoa tụ tập sinh sống nổi tiếng khắp thế giới.



Chinatown ở San Francisco

Nhà Đường là thời đại xán lạn huy hoàng nhất trong lịch sử Trung Quốc, đồng thời cũng có ảnh hưởng lớn trên thế giới. Nhiều quốc gia trên thế giới gọi người Trung Quốc là “người nhà Đường”, gọi những khu phố người Hoa tập trung cư trú ở nước ngoài là “Chinatown” (phố của người Hoa).

Chinatown ở San Francisco nằm ở giữa đại lộ Grant và phố Bush thuộc trung tâm thành phố. Loạt dân di cư người Trung Quốc đầu tiên đã bắt đầu định cư tại đây vào khoảng năm 1850. Nó là khu phố người Hoa có quy mô lớn nhất nước Mỹ. Nguồn gốc hình thành của nó là do vào cuối thế kỉ 19, có rất nhiều người Hoa tới San Francisco làm “lao công khổ ứ”, họ tham gia mở rộng miền Tây, có cống hiến to lớn trong việc xây dựng nền kinh tế địa phương nhưng lại

bị chính quyền thời đó coi là “công dân hạng hai” và quy định chỉ được sinh sống trong khu vực nhất định, rồi phát triển tới ngày nay và hình thành nên khu phố “Chinatown” như hiện tại.



Vườn quốc gia Yellowstone

Trong phong trào Tây tiến, người ta phát hiện ra một vùng đất có diện tích rộng lớn và phong cảnh tuyệt đẹp. Đó chính là vườn quốc gia Yellowstone ngày nay.

Vườn quốc gia Yellowstone là công viên lớn nhất, nổi tiếng nhất và có lịch sử lâu đời nhất trong số những vườn quốc gia của nước Mỹ. Phần lớn công viên nằm ở phía Tây Bắc của bang Wyoming, một phần nhỏ thì nằm ở phía Nam bang Montana và phía Đông bang Idaho, diện tích tới 7.988 km².

Về mặt lịch sử, vùng đất này từng có núi lửa hoạt động, cấu tạo địa chất phức tạp, có các kì quan địa chất như dãy núi gỗ ghe, các thung lũng và hẻm núi đẹp mắt, rừng hóa thạch, địa mạo bị xâm thực thành các hình thù kì dị... Khoảng 2/3 mạch nước phun của thế giới đều tập trung tại đây. Vùng đất này vốn là khu vực săn bắn của người da đỏ, cùng với các cuộc thám hiểm và mở rộng miền Tây, vẻ đẹp kì diệu và tráng lệ của nó mới dần dần hiện ra trước mắt con người. Năm 1872, tổng thống Mỹ Ulysses S. Grant đã kí văn bản đồng ý mở

mang nơi đây thành vườn quốc gia. Đây là vườn quốc gia đầu tiên của nước Mỹ, đồng thời là vườn quốc gia đầu tiên trên thế giới do chính phủ đứng ra chủ trì xây dựng.

Vườn quốc gia Yellowstone có cảnh sắc hùng vĩ tráng lệ, trong đó nơi thu hút mọi người nhất chính là hàng ngàn suối nước nóng, suối phun và vòm bùn.

Sông và hồ của vườn quốc gia Yellowstone cũng có cùng tên, chẳng hạn như hồ Yellowstone nằm ở trung tâm vườn quốc gia là nơi bắt nguồn của sông Mississippi, cũng là hồ trên núi cao lớn nhất trên toàn nước Mỹ. Nước hồ trong veo nhìn thấy đáy, khi chảy xuống hẻm núi lớn Grand Canyon, nước hồ réo gào và đổ xuống, hình thành nên thác hạ lưu sông Yellowstone.

Phần lớn vườn quốc gia Yellowstone do cây cối bao phủ, có đủ loại động vật hoang dã sinh sống, trong đó, gấu là biểu tượng của vườn quốc gia Yellowstone.

Năm 1978, vườn quốc gia Yellowstone được liệt vào danh sách di sản đang cần được bảo vệ của thế giới.



"Black Hawk" và "Apache"

Trong cuộc đấu tranh chống lại sự áp bức chính phủ Mỹ, rất nhiều thủ lĩnh bộ lạc nổi tiếng đã xuất hiện. Sự dũng cảm, ngoan cường và mưu trí của họ khiến ngay cả kẻ thù cũng phải kính phục tận đáy lòng. Ngày nay, rất nhiều loại vũ khí của nước Mỹ được đặt theo tên của một số thủ lĩnh da đỏ hoặc tên bộ lạc của họ.

Chẳng hạn như "cuộc chiến tranh Black Hawk" nổ ra vào năm 1832. Từ "Black Hawk" chỉ tên của một vị tù trưởng bộ tộc Sioux. Ông là người dũng cảm, mưu trí, đã dẫn dắt bộ tộc mình xuất quỷ nhập thần khi tấn công quân quân Mỹ, khiến quân Mỹ bị thương vong vô cùng thảm hại. Tuy cuối cùng Black Hawk bị bắt nhưng ông lại trở thành nhân vật anh hùng của nước Mỹ. Một loại máy bay trực thăng chiến đấu tiên tiến của Mỹ được đặt tên theo tên ông.

Hoặc chẳng hạn như loại máy bay trực thăng chiến đấu Apache nổi tiếng của quân đội Mỹ cũng được đặt theo tên của bộ tộc Apache anh dũng và thiện chiến.

Súng Colt

Loại súng lục được người châu Âu phát minh ra đầu tiên, thời gian phát minh cụ thể và người phát minh ra nó chưa được kiểm chứng. Súng lục phát triển với quy mô lớn là vào cuối thế kỉ 18. Nước Mỹ thời đó đang mở rộng miền Tây, cho dù chiến đấu với người da đỏ hay bắt bớ các phần tử phạm pháp, súng lục đều tiện lợi hơn súng trường rất nhiều, nhưng nó vẫn còn tồn tại thiếu sót là không thể bắn đạn liên tục. Vào những năm 30 của thế kỉ 19, một người Mỹ là Colt đã chế tạo ra "súng ngắn kiểu Colt bắn nhiều phát". Loại súng này mỗi khi bắn ra một viên đạn, hộp đạn sẽ tự động xoay một ô để nạp viên đạn tiếp theo vào nòng súng, nhờ đó người ta có thể bắn liên tiếp. Loại súng lục bắn liên tục này vừa tiện mang theo lại vừa sử dụng đơn giản. Nó được sử dụng rộng rãi trong quân đội Mỹ và trong giới thợ chăn bò miền Tây, còn được gọi là "khẩu súng chinh phục miền Tây".

Hạm đội của Perry đã mở tung cánh cửa của Nhật Bản

Tháng 7 năm 1853, tư lệnh Matthew C. Perry của hạm đội Đông Ấn, nước Mỹ, đã dẫn dắt bốn chiến hạm đi vào cảng Kanagawa trong vịnh Tokyo của Nhật Bản, yêu cầu nước Nhật vồn bề quan tòa cảng trong thời gian dài phải mở cửa thông thương. Mặc phủ yêu cầu hạm đội tàu chiến của Mỹ trước hết đi về phía Nagasaki thì mới có thể tiến hành đàm phán. Perry đã từ chối, đồng thời dùng vũ lực để uy hiếp khiến Mạc phủ hoang mang. Perry thông báo với chính phủ Nhật Bản rằng, sang mùa xuân năm sau sẽ tới nghe câu trả lời từ phía họ, rồi rời khỏi cảng Kanagawa...

Tháng 2 năm 1854, Perry lại tới như đã hẹn trước, ông dẫn theo hạm đội gồm 10 tàu chiến neo đậu tại cửa sông Kanagawa. Mạc phủ buộc phải chấp nhận yêu cầu của nước Mỹ, kí kết "Hiệp ước Kanagawa", mở cửa hai cảng Shimoda và Hakodate. Từ đó, cục diện bề quan tòa cảng hơn 200 năm của nước Nhật mới bị phá vỡ.



Mạc phủ

Từ thế kỉ 1 tới thế kỉ 2 TCN, tại các vùng của Nhật Bản xuất hiện nhiều quốc gia bộ lạc. Vào thế kỉ 5, thời đại Yamato đã thống nhất Nhật Bản, từ đó thành lập một quốc gia thống nhất.

Nhà nước Yamato thực hiện chế độ nô lệ do các quốc vương và quý tộc cha truyền con nối nắm giữ chính quyền. Cùng với sự phát triển của thời đại, chế độ nô lệ dần dần không còn hợp thời. Thông qua việc cải cách từ giữa đến cuối thế kỉ 7, chế độ phong kiến được thành lập ở Nhật Bản, đồng thời xác lập chế độ thống trị độc tài của Thiên hoàng. Từ sau thế kỉ 9, do thực hiện chế độ Mạc phủ, các nhóm võ sĩ dần dần trở nên lớn mạnh. Bắt đầu từ thế kỉ 12, Nhật Bản bước vào thời kì thống trị của Mạc phủ.

Mạc phủ Tokugawa và chính sách đóng cửa đất nước

Đầu thế kỉ 17, Mạc phủ Tokugawa bắt đầu thống trị Nhật Bản. Mạc phủ Tokugawa lấy thành Edo (tức Tokyo ngày nay) làm căn cứ địa, cho nên cũng được gọi là “Mạc phủ Edo”. Thời gian thống trị của Mạc phủ bắt đầu từ năm 1603 khi Tokugawa Ieyasu được ban tước hiệu “Chinh Di đại tướng quân” và thành lập Mạc phủ tại thành Edo, tới năm 1867, khi vị tướng đời thứ 15 là Tokugawa Yoshinobu đem trao trả quyền lực cho triều đình, tổng cộng kéo dài hơn 260 năm.

Sau khi Mạc phủ Tokugawa được thành lập, nền kinh tế nông nghiệp của Nhật Bản dần dần phát triển, kinh tế hàng hóa và thị trường trong nước cũng phát triển, thành thị không ngừng xuất hiện và ngày càng có quy mô lớn. Sang đầu thế kỉ 18, tại căn cứ của Mạc phủ ở thành Edo, dân số đã đông tới triệu người. Để ngăn ngừa các thế lực phương Tây xâm nhập, duy trì sự độc lập của Nhật Bản, Mạc phủ Tokugawa thực hiện chính sách đóng cửa, bắt đầu từ những năm 30 của thế kỉ 17 đã liên tục ban bố lệnh bế quan tỏa cảng, chỉ duy trì quan hệ trao đổi mậu dịch với Trung Quốc, Triều Tiên và Hà Lan. Thể chế đóng cửa này duy trì được hơn 200 năm cho tới khi hạm đội Đông Ấn của Mỹ do tướng Perry dẫn đầu đến gõ cửa và kí kết hiệp ước với Nhật Bản, từ đó cánh cửa nước Nhật mới chính thức mở ra với bên ngoài.

Từ “Mạc phủ” vốn chỉ dinh phủ của các tướng quân Nhật Bản khi ra trận, về sau lại trở thành tên gọi của chính quyền do tướng quân đứng đầu. Nền tảng thống trị của Mạc phủ là các lãnh chúa và tầng lớp võ sĩ. Tướng quân đem đất đai ban cho các lãnh chúa phong kiến lớn nhỏ. Lãnh chúa trung thành với tướng quân, nhưng trong lãnh địa của mình thì lại là người toàn quyền cai trị, có quyền lực cả về hành chính, tư pháp, thu thuế, đồng thời sở hữu quân đội riêng. Còn các võ sĩ lại là chư hầu của các tướng quân và lãnh chúa.

Mạc phủ tự bố trí các chức quan nắm giữ quyền về hành chính, quân sự, tư pháp, ngoài ra còn cử người tới kinh đô để giám sát triều đình.

Chế độ đẳng cấp dưới thời Mạc phủ Tokugawa

Dưới thời Mạc phủ Tokugawa, họ chia cư dân thành bốn đẳng cấp là: sĩ, nông, công, thương, đồng thời theo chế độ cha truyền con nối.

“Sĩ” bao gồm tướng quân, lãnh chúa và các võ sĩ, chiếm khoảng 10% tổng dân số Nhật Bản thời đó. Họ đảm nhiệm chức quan các cấp, được hưởng các loại đặc quyền. Thậm chí nếu một võ sĩ ở cấp thấp nhất cho rằng người dân thường nào đó vô lễ với mình thì anh ta có quyền hành quyết mà không cần hỏi trước.

“Nông” là chỉ nông dân, chiếm khoảng 80% tổng dân số. Họ phải gánh vác việc cống nạp nặng nề và các loại thuế má hàng năm, lại còn phải chịu sự hạn chế nghiêm khắc của pháp luật như không được di cư, không được thay đổi nghề nghiệp, không được mua bán ruộng đất, là đối tượng chính bị thể chế phong kiến bóc lột và đè nén.

Được xếp ở đẳng cấp thứ ba và thứ tư là những người làm nghề thủ công và thương gia, số người chiếm khoảng 10% tổng dân số. So với nông dân thì cảnh ngộ của họ càng bi thảm hơn, Mạc phủ và lãnh chúa có thể tùy ý cướp bóc tài sản của họ.



Chương 3: Cuộc chiến tranh Bắc - Nam

Nội dung chính:

Sự đối lập giữa miền Bắc và miền Nam

Sau khi nước Mỹ giành độc lập, chủ nghĩa tư bản ở miền Bắc mâu thuẫn ngày càng sâu sắc với nền kinh tế nửa phong kiến kiểu đồn điền ở miền Nam.

Cuộc chiến tranh Nam - Bắc bắt đầu

Ngày 12 tháng 4 năm 1861, cuộc nội chiến nước Mỹ nổ ra. Quân đội liên bang do Lincoln lãnh đạo sau khi khắc phục được muôn vàn khó khăn cuối cùng cũng giành chiến thắng.

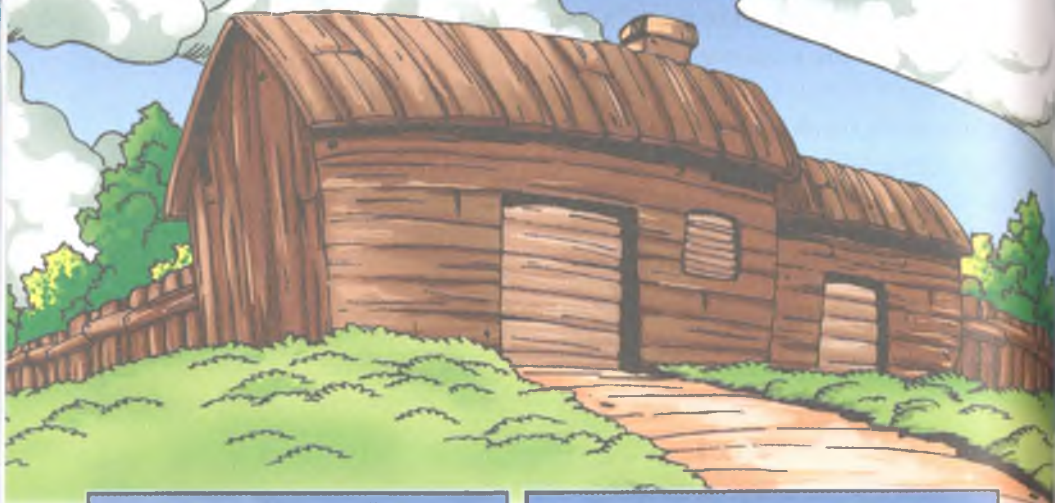
Nam - Bắc thống nhất

Năm 1865, cuộc nội chiến tại nước Mỹ kết thúc với thắng lợi của miền Bắc, từ đó nước Mỹ bước vào thời đại mới.



Sự đối lập giữa miền Bắc và miền Nam

Lịch sử hiệp theo của nước Mỹ đều xoay quanh Abraham Lincoln.

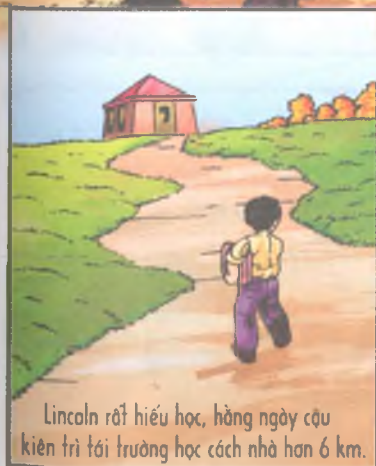


Abraham Lincoln sinh ngày 12 tháng 2 năm 1809 trong một gia đình dân khai hoang nghèo khổ ở bang Kentucky.





Gia đình Lincoln thường xuyên di chuyển khắp nơi, cậu bé Lincoln lớn lên trong gian khổ, nghèo khó như thế.





Cho dù mẹ và chị gái đều mất sớm, nhưng Lincoln vẫn lớn lên khỏe mạnh. Dáng người ông cao lớn nên được mọi người gọi là Abraham Cao kều.



MỌI NGƯỜI BIẾT
KHÔNG? NƯỚC
MỸ LÀ QUỐC
GIA TỰ DO
VÀ BÌNH
DẰNG DUY
NHẤT TRÊN
THẾ GIỚI.

CÒN NHỮNG
NGƯỜI XÂY DỰNG
NƯỚC MỸ LẠI
CHÍNH LÀ DÂN
KHAI HOANG NHƯ
CHÚNG TA ĐÂY!



BẤT KẾ GẬP
KHÓ KHĂN GÌ,
CHÚNG TA ĐỀU
PHẢI KIÊN CƯỜNG
ĐỔI MẶT.

VẬY MỖI
XỨNG ĐẲNG
VỚI TỔ TIÊN.



LỜI DIỄN
THUYẾT CỦA
LINCOLN
KHIẾN NGƯỜI
NGHE PHẢN
CHẢN.

NÓ LÀ MỘT
CHÀNG TRAI
THÔNG MINH
VÀ CHỊU KHÓ.

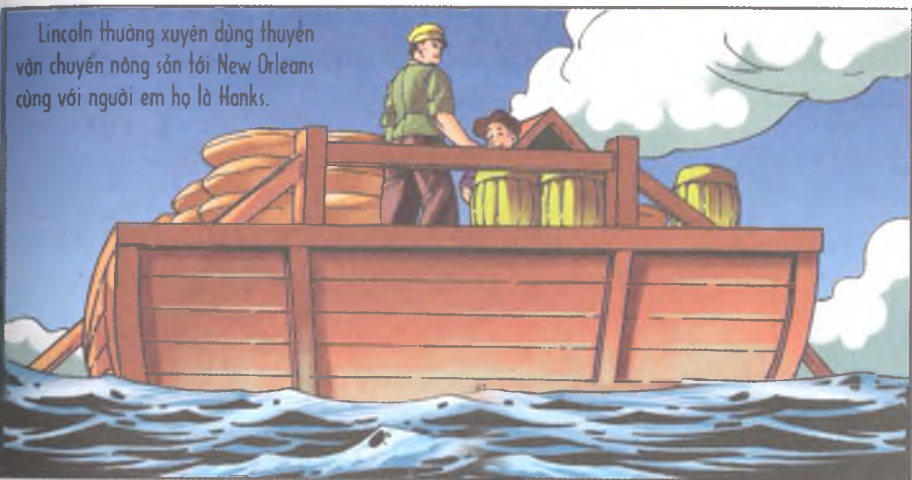
ĐỂ NÓ
LÀM DÂN
KHAI HOANG
THẾ NÀY,
THẬT PHI!

THẦN TƯỢNG
CỦA MÌNH LÀ
TỔNG THỐNG
WASHINGTON.

MÌNH SẼ NỖ LỰC
HỌC TẬP ĐỂ
TƯƠNG LAI TRỞ
THÀNH NGƯỜI VĨ
ĐẠI GIỐNG NHƯ
ÔNG ẤY.



Lincoln thường xuyên dùng thuyền
vận chuyển nông sản tới New Orleans
cùng với người em họ là Hanks.



Lần đó, Lincoln nhìn thấy một cảnh tượng
làm thay đổi số phận cuộc đời ông.

Ở BÊN KIA LÀM GÌ
MÀ NÁO NHIỆT THỂ?





ĐÓ... ĐÓ CHẮNG LỀ LÀ
CHỢ NỒ LỆ MIỀN NAM
MÀ NGƯỜI TA NÓI Ừ?

MẸ ƠI!

CON ƠI!

AI CHO HỌ
QUYỀN ĐÒI
XỬ TÀN NHÂN
VỚI NỒ LỆ
NHƯ THẾ?

CHỊU THÔI
MIỀN BẮC
CHÚNG TA
ĐẦU THỀ
NÀY.

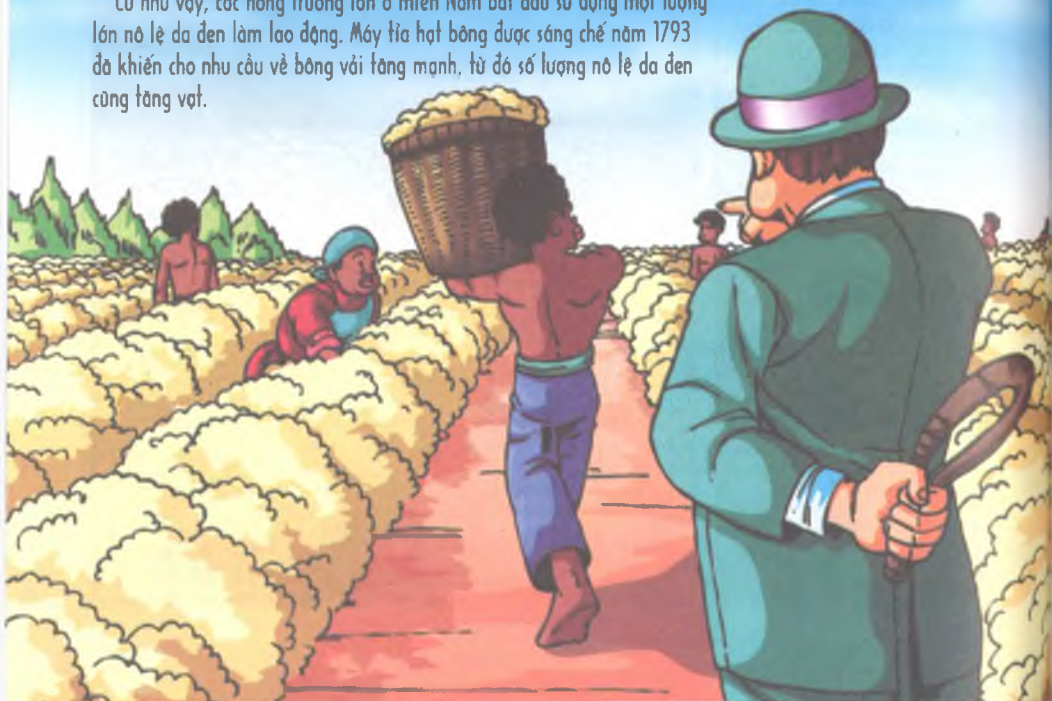
PHÁP LUẬT CỦA
CÁC BANG MIỀN NAM
ĐỀU THỪA NHẬN
CHẾ ĐỘ NỒ LỆ.

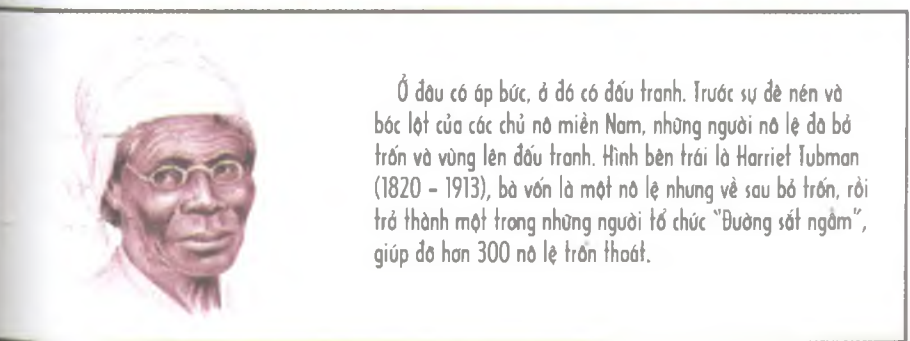
CHẾ ĐỘ
MAN RỢ NÀY
THẬT QUÁ
QUẤT!

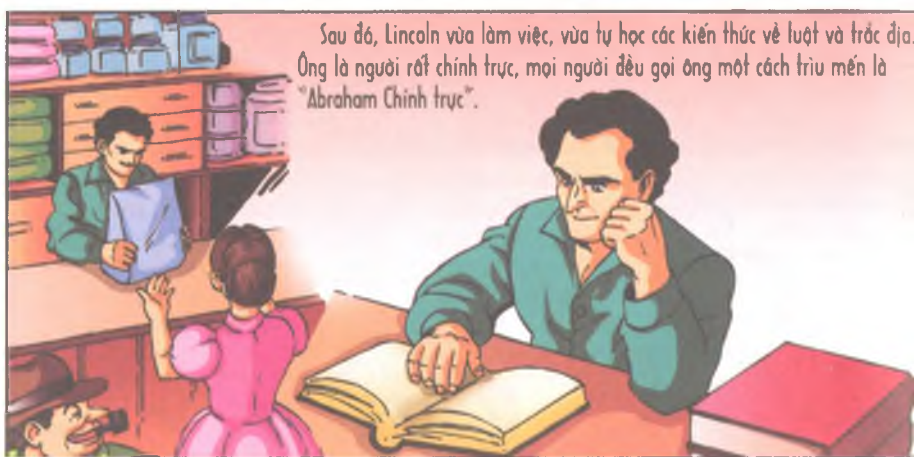
Trước khi miền Nam nước Mỹ giành độc lập, nơi đây
người ta trồng thuốc lá và bông vải là chính.



Cứ như vậy, các nông trường lớn ở miền Nam bắt đầu sử dụng một lượng lớn nô lệ da đen làm lao động. Máy tĩa hạt bông được sáng chế năm 1793 đã khiến cho nhu cầu về bông vải tăng mạnh, từ đó số lượng nô lệ da đen cũng tăng vọt.







THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ CỦA NƯỚC MỸ

Nước Mỹ là quốc gia theo chế độ liên bang, sự ràng buộc của trung ương với địa phương rất hạn chế.

Ở nước Mỹ, các bang đều giống như một chính phủ tự trị nhỏ, có nghị viện riêng, có các dinh phủ dành cho quan chức, có hiến pháp và pháp luật của bang, thực hiện chế độ thống đốc bang nắm quyền. Chính phủ liên bang nước Mỹ kiểm soát chính trị trên toàn quốc, chủ yếu phụ trách soạn thảo các chính sách trọng đại về quốc phòng, ngoại giao và kinh tế. Liên bang có hiến pháp của liên bang, các bang có quyền tự trị rất lớn trong trường hợp không đụng chạm tới hiến pháp của liên bang.



Năm 1834, Lincoln đắc cử làm nghị sĩ của nghị viện bang Illinois, thực hiện bước đi đầu tiên vào con đường chính trị.



Con đường làm nghị sĩ của Lincoln rất thuận buồm xuôi gió, sau khi làm nghị sĩ bang liên tiếp bốn nhiệm kỳ, vào năm 1846, ông đắc cử nghị sĩ thượng viện liên bang.



BÂY GIỜ MÌNH CÓ THỂ
THAM GIA VÀO CHÍNH PHỦ
LIÊN BANG RỒI, GẦN VỚI
ƯỚC MƠ CỦA MÌNH THÊM
MỘT BƯỚC.

MÌNH PHẢI
TIẾP TỤC CỐ
GẮNG LÊN!

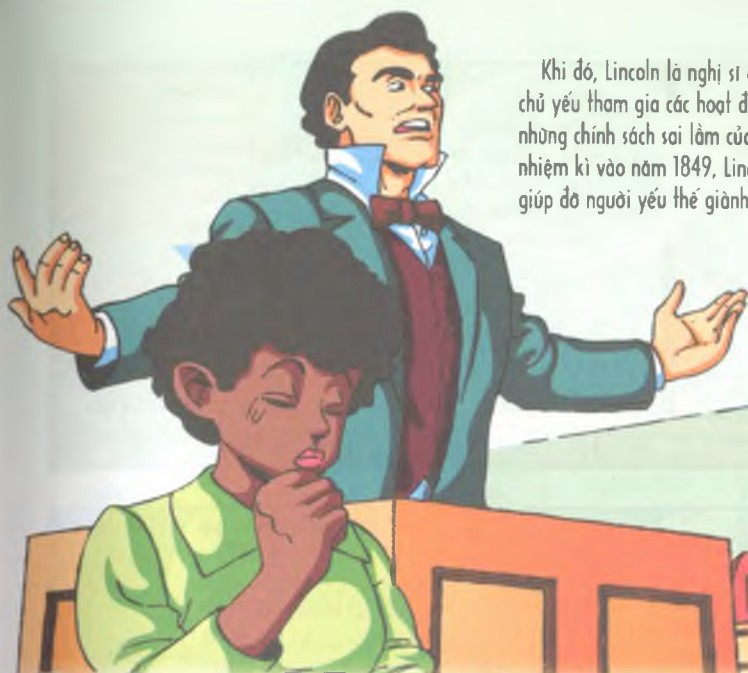


Cuộc chiến tranh Nam - Bắc bắt đầu

Năm 1852, nữ nhà văn Harriet Beecher Stowe đã viết một cuốn tiểu thuyết tên là "Túp lều bác Tôm". Nó trở thành cuốn tiểu thuyết bán chạy nhất, tạo ra làn sóng mạnh mẽ trong xã hội thời đó...

NHÀ VĂN
HARRIET
BEECHER
STOWE



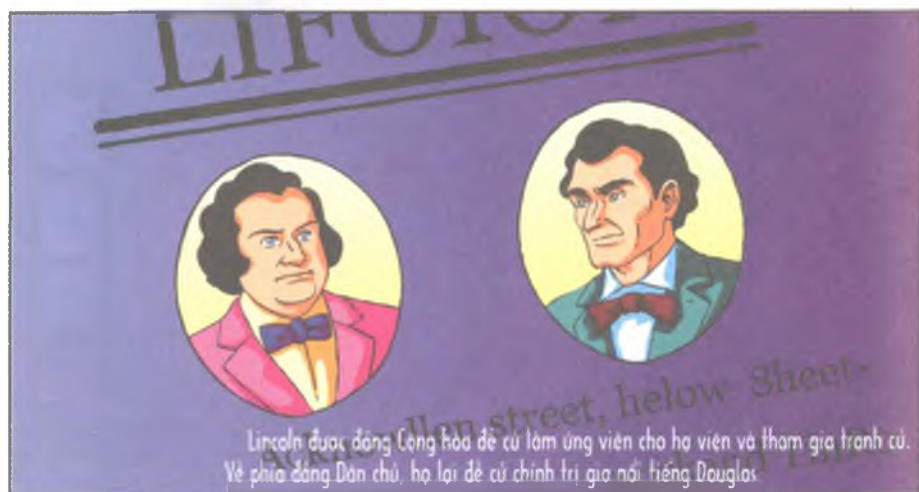


Khi đó, Lincoln là nghị sĩ của thượng viện liên bang, chủ yếu tham gia các hoạt động như phê phán đã kích những chính sách sai lầm của tổng thống. Sau khi hết nhiệm kì vào năm 1849, Lincoln hành nghề luật sư, giúp đỡ người yếu thế giành lại quyền lợi.

MUỐN XÓA BỎ CHÊ ĐỘ
NỖ LỆ THÌ PHẢI ĐỒNG
TÂM HIỆP LỰC SÁNG
LẬP RA MỘT CHÍNH
ĐẢNG MỚI.

Năm 1854, miền Bắc
triệu tập hội nghị để
ra kế hoạch sẽ thành
lập một chính đảng
mới ngoài đảng Dân
chủ và đảng Độc lập.







Lincoln và Douglas tiến hành tranh cử ở khắp nơi,
nhưng Douglas luôn luôn chiếm ưu thế.



KÍNH THUA CÁC CỬ
TRỊ CÁC THÀNH VIÊN
TRONG GIA ĐÌNH CẢI
LỘN THÌ SẼ PHÁ HOẠI
MỘT GIA ĐÌNH QUỐC
GIA CŨNG NHƯ VẬY.

NẾU CHẾ ĐỘ NỖ LỆ DẪN
TỚI SỰ CHIA RẼ TRONG
HỢP CHÚNG QUỐC THÌ
QUỐC GIA CỦA CHÚNG TA
SẼ DIỆT VONG.

Bằng hiệp là kết quả bầu cử đã biết trước,
Lincoln thua...



THẤT BẠI
KHÔNG LÀ GÌ
CÁI CHỈ LÀ BỊ
NGÃ MỘT CÁI
MÃ THÔI.

MÌNH PHẢI
ĐỨNG DẬY
MỘT LẦN
NỮA!







THƯA NGÀI
WASHINGTON,
CUỐI CÙNG TÔI
CŨNG ĐƯỢC LÀM
TỔNG THÔNG
GIỐNG NHƯ NGÀI
RỒI.

NHƯNG
NƯỚC MỸ
ĐANG GẶP
PHÁI NGUY
CƠ LỚN NHẤT
TỪ KHI GIÀNH
ĐỘC LẬP.



Khi đó, một thiếu
nữ New York gửi cho
Lincoln một bức thư
thư vị.



THƯA NGÀI TỔNG
THÔNG, KHUÔN MẶT
CỦA NGÀI QUÁ DÀI
VÀ HỒC HẮC, KHÔNG
CÓ SỰ UY NGHIÊM.
NẾU NGÀI ĐỂ RÁU
CÀM THÌ TRÔNG
SẼ ĐẸP HƠN
NHIỀU.

QUẢ
NHIÊN LÀ
TRÔNG
ĐẸP HƠN
NHIỀU.



Việc mà Lincoln
lo lắng nhất cuối
cùng vẫn xảy ra...

DỰA VÀO ĐẦU MÀ
CHÚNG TA THỪA NHẬN
ĐÁNG CỘNG HÒA PHẢN
ĐỐI CHÊ ĐỘ NÔ LỆ?



LỮ MIỀN BẮC
ĐÃ KHÔNG ĐỀM
XIA TỚI LỢI ÍCH
CỦA CHÚNG TA,
THẺ THÌ CHÚNG TA
HÃY THÀNH LẬP
CHÍNH PHỦ CỦA
RIÊNG MÌNH!

ĐỪNG!
HÃY ĐỂ CHO
LỮ MIỀN BẮC
NỀM THỦ CHÚT
LỢI HẠI CỦA
CHÚNG TA.



Ngày 2 tháng 1 năm 1861, ở miền nam có 7 bang lần lượt li khai khỏi liên bang. Ngày 8 tháng 2, liên minh miền Nam tuyên bố được thành lập tại Montgomery, bang Alabama. Họ tiến cử Jefferson Davis làm tổng thống.



Sau đó lại có thêm bốn bang gia nhập nên liên minh miền Nam có 11 bang, thủ đô đặt tại Richmond, bang Virginia.



■ MIỀN BẮC ■ MIỀN NAM

Dân số 2,5:1



Chiều dài đường sắt 2,4:1



Trọng tải đội thuyền buôn 9:1



Sản lượng công xưởng 10:1



Sản lượng các sản phẩm dệt sợi 14:1



Sản lượng sắt 15:1



Sản lượng vũ khí 32:1



Diện tích đất nông trường 3:1



Sản lượng lúa mạch 4,2:1



Sản lượng bông vải 1:24



Thời kì đầu chiến tranh, thực lực của cả nền kinh tế miền Bắc vượt xa so với miền Nam. Hãy xem bảng so sánh dưới đây:



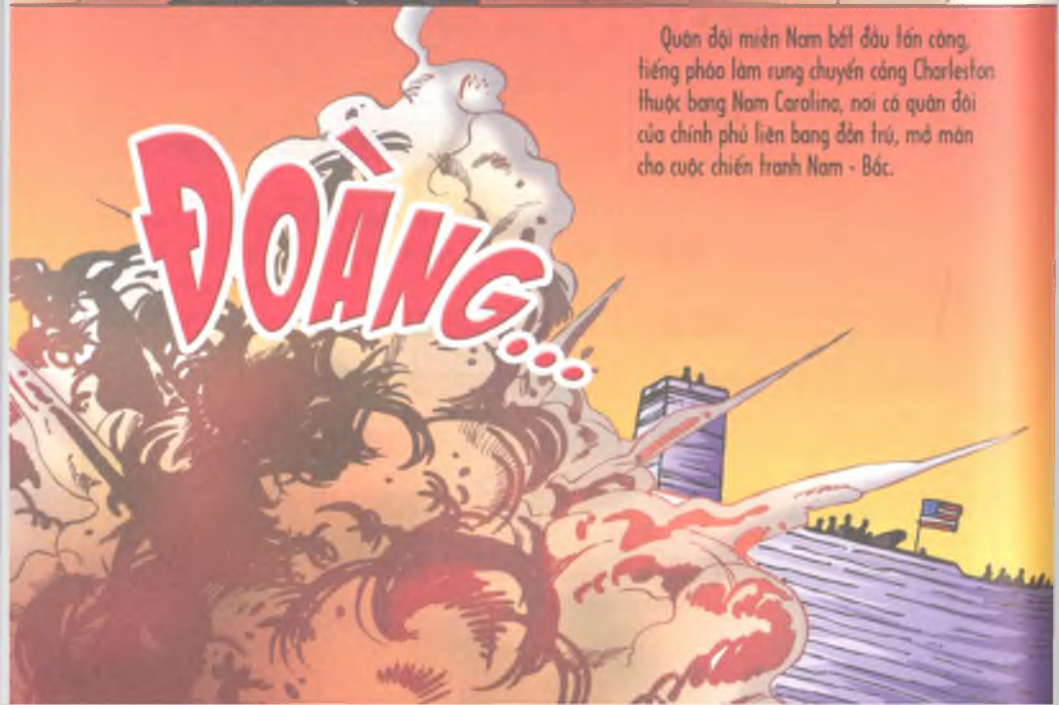
Trước tình hình căng thẳng như vậy,
Lincoln chính thức nhậm chức tổng
thống...

THUA CÁC ĐỒNG BÀO
MIỀN NAM CÓ ĐIỀU BẤT MÂN
TRONG LÒNG, ĐẤT NƯỚC
CÓ DUY TRÌ ĐƯỢC NỀN HÒA
BÌNH HAY KHÔNG, KHÔNG
PHẢI DO TÔI QUYẾT ĐỊNH
MÀ LÀ DO CÁC QUÝ
VỊ QUYẾT ĐỊNH.

CHÚNG TA KHÔNG
PHẢI LÀ KẺ THÙ
CỦA NHAU MÀ LÀ
BẠN BÈ, CHÚNG TA
TUYỆT ĐỐI KHÔNG
THỂ TRỞ THÀNH
KẺ THÙ!



Nhưng lời kêu gọi của Lincoln không
có chút hiệu quả nào. Một buổi sáng
ngày 7 tháng 4 năm 1861...



Quân đội miền Nam bắt đầu tấn công,
hiếng pháo làm rung chuyển cảng Charleston
thuộc bang Nam Carolina, nơi có quân đội
của chính phủ liên bang đồn trú, mở màn
cho cuộc chiến tranh Nam - Bắc.

Ram - Bắc thống nhất

ĐOÀNG...

CHIẾN TRANH
VẤN CỬ NỔ RA.
LÚC NÀY VIỆC ĐỔI
THOẠI KHÔNG THỂ
GIẢI QUYẾT ĐƯỢC
TÌNH HÌNH.

NẾU CUỘC NỘI CHIẾN
TIẾP TỤC Kéo DÀI
HỢP CHÚNG QUỐC
NHẤT ĐỊNH SẼ
DIỆT VONG.

LÀM THỂ NÀO MỚI
NGĂN CHẶN ĐƯỢC
SỰ CHIA RẼ ĐÂY?
LÀM THỂ NÀO
MỚI ĐƯỢC?

Tháng 7 năm 1861, cuộc chiến
diễn ra gần Richmond.

TÔI KHÔNG
NGHĨ RẰNG SAU
BA THÁNG QUÂN
MIỀN NAM SẼ
ĐÁU HANG.

ĐÚNG VẬY,
CHO DÙ LÀ NHÀ
MÂY SẢN XUẤT VŨ
KHÍ HAY LÀ ĐƯỜNG SẮT
VẬN CHUYỂN VẬT TƯ,
MIỀN BẮC CỦA CHÚNG
TA ĐỀU PHÁT
TRIỂN HƠN.



HA HA, CỨ ĐỪNG
NGOÀI QUAN SÁT
CÙNG ĐƯỢC.

Nhưng miền Nam lại có nhiều tướng lĩnh xuất sắc và binh sĩ dũng cảm.

Tổng chỉ huy quân đội liên minh miền Nam là tướng Robert E. Lee.

XÔNG LÊN...
ĐÁNH BẠI
LUÔN QUÂN
MIỀN BẮC!

OÁI! QUÂN MIỀN
NAM MẠNH QUÁ!
KHÔNG CHỐNG CỤ
NỔI RỒI!

Í? QUÂN MIỀN BẮC
CHÚNG TA SAO LẠI
RÚT LUI THỀ?

SAO LẠI
NHƯ VẬY?
MỌI NGƯỜI
MAU CHẠY ĐI!

HƠ HƠ, BỌN
MIỀN BẮC BỊ ĐÁNH
ĐẾN VẮT CHÂN LÊN
CỔ CHẠY KÌA!

TÌNH HÌNH
KHÔNG KHẢ
QUAN.

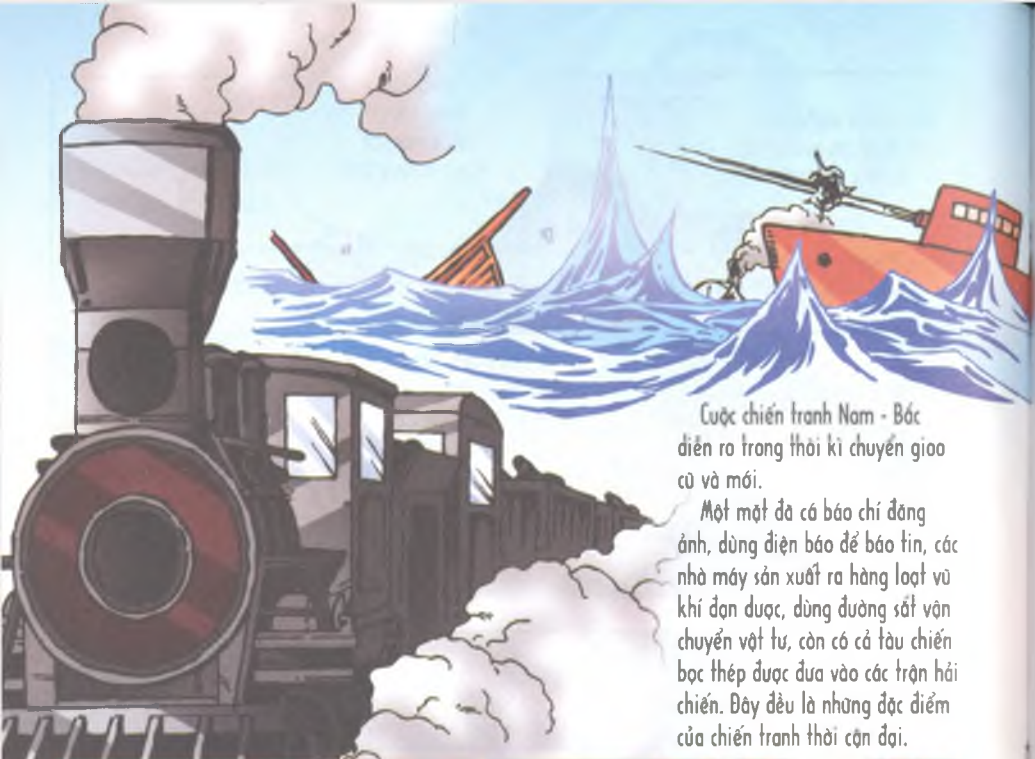
CUỘC CHIẾN TRANH
NÀY KHÔNG DỄ NHƯ
CHÚNG TA TƯỞNG.

PHẢI
NGHĨ RA
KÊ SÁCH
HAY HƠN.

CHÚNG TA CỬ
HẢI QUÂN PHONG
TỎA CÁC CẢNG
CỦA MIỀN NAM.

Ý HAY ĐÂY!
NHƯ VẬY BÔNG VẢI MÀ
NGƯỜI MIỀN NAM SẢN
XUẤT RA SẼ KHÔNG
THỂ BÁN CHO
CHÂU ÂU.

ĐÓ LÀ MỘT
ĐÒN NẶNG VỀ
KINH TẾ ĐỐI VỚI
MIỀN NAM.



Cuộc chiến tranh Nam - Bắc diễn ra trong thời kì chuyển giao cũ và mới.

Một mặt đã có báo chí đang ảnh, dùng điện báo để báo tin, các nhà máy sản xuất ra hàng loạt vũ khí đạn dược, dùng đường sắt vận chuyển vật tư, còn có cả tàu chiến bọc thép được đưa vào các trận hải chiến. Đây đều là những đặc điểm của chiến tranh thời cận đại.

Nhưng một khác thì phương thức chiến đấu không có nhiều khác biệt lắm so với thời trước, vẫn là dùng kỵ binh và bộ binh để đánh giáp lá cà.



Tướng Grant - tổng chỉ huy quân đội liên bang miền Bắc thời kì cuộc chiến tranh



ĐỘI HÌNH
BỘ BINH
TIỀN LÊN!

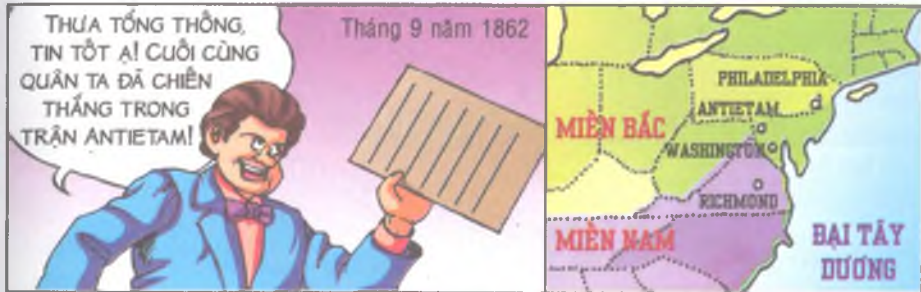
DUY TRÌ ĐỘI
HÌNH, KỂ CẢ BỊ
TẤN CÔNG CŨNG
KHÔNG ĐƯỢC
HỖN LOẠN!

Tuy vị tướng giỏi Robert E. Lee liên tiếp đẩy lui quân miền Bắc ở các vùng, nhưng quân miền Bắc vẫn ngoan cường chiến đấu và phản công.



THƯA TỔNG THÔNG,
TIN TỐT Ạ! CUỐI CÙNG
QUÂN TA ĐÃ CHIẾN
THẮNG TRONG
TRẬN ANTIETAM!

Tháng 9 năm 1862

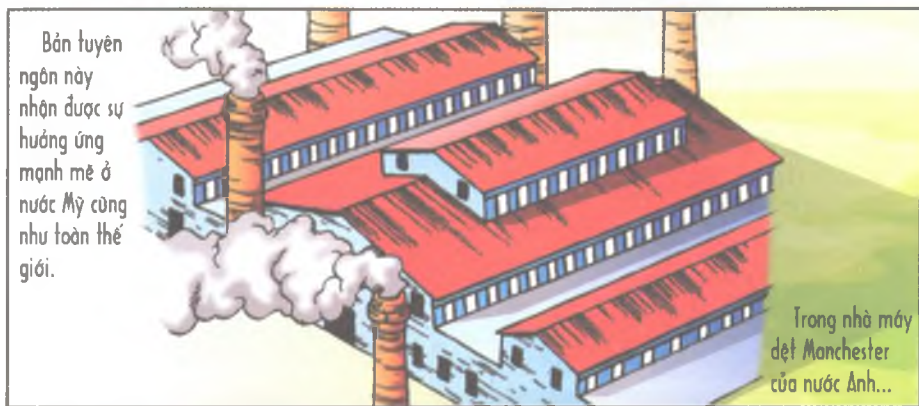


TUYỆT QUÁ, ĐÂY
ĐÚNG LÀ THỜI CƠ TỐT
ĐỂ CHÚNG TA PHÁT
BIỂU "TUYÊN NGÔN
GIẢI PHÓNG NÔ LỆ"!

ĐÚNG VẬY,
TUYÊN NGÔN
ĐƯỢC CÔNG BỐ
THÌ KHÔNG CHỈ
CÔNG DÂN CỦA
CHÚNG TA,

MÀ NGAY
CẢ CÁC NƯỚC
QUAN TÂM TỚI
CHIẾN TRANH
NAM - BẮC,
NHẤT ĐỊNH SẼ
ĐÚNG VỀ PHÍA
CHÚNG TA.









Sau khi chiến tranh kết thúc, đồi Gettysburg được mở mang thành nghĩa trang quốc gia. Ngày 19 tháng 11 năm đó, tại đây đã tổ chức lễ truy điệu các liệt sĩ.

87 NĂM TRƯỚC, ÔNG CHA CHÚNG TA ĐÃ TẠO DỰNG TRÊN LỤC ĐỊA NÀY MỘT QUỐC GIA MỚI, ĐƯỢC THAI NGHÉN TỰ DO, ĐƯỢC CUNG HIỂN CHO NIỀM TIN RẰNG MỌI NGƯỜI SINH RA ĐỀU BÌNH ĐẲNG.

Trong buổi lễ, Lincoln đã phát biểu bài diễn văn nổi tiếng, tuy chỉ dài hai, ba phút ngắn ngủi nhưng nội dung lại làm lay động mạnh mẽ trái tim của mỗi người yêu tự do.



HIỆN TẠI CHÚNG TA
ĐANG TIẾN HÀNH MỘT
CUỘC NỘI CHIẾN VĨ ĐẠI
NHẪM KIỂM NGHIỆM
XEM QUỐC GIA NÀY...
HOẶC BẤT KÌ QUỐC
GIA NÀO THẠI NGHÉN
VÀ GIỮ VỮNG NIỀM TIN
TRÊN ĐÂY LIỆU CÓ
TRƯỜNG TỒN MÃI
MÃI HAY KHÔNG.



CHÚNG TA GẶP NHAU
TẠI ĐÂY, TRÊN BÀI CHIẾN
TRƯỜNG OANH LIỆT CỦA
CUỘC CHIẾN TRANH NÀY,
CHÚNG TA ĐẾN ĐÂY ĐỂ
CÙNG HIỆN MỘT PHẦN CHO
MẢNH ĐẤT, NƠI YÊN NGHỈ
CUỐI CÙNG CỦA NHỮNG
NGƯỜI ĐÃ HIẾN DẰNG MẠNG
SỐNG CHO SỰ SỐNG CÒN
CỦA QUỐC GIA.



NGƯỜI DỜI SẼ MÃI MÃI
KHÔNG BAO GIỜ QUÊN CÔNG
LAO CỦA CÁC LIỆT SĨ. DỜI VỚI
CHÚNG TA, NHỮNG NGƯỜI CÒN
SỐNG, THÌ VIỆC DUY NHẤT MÀ
CHÚNG TA CÓ THỂ LÀM ĐƯỢC
LÀ TIẾP TỤC SỰ NGHIỆP MÀ
NHỮNG NGƯỜI ĐÃ MẤT TUNG
CHIẾN ĐẤU ANH DŨNG TUNG
NỔ LỰC ĐẨY MẠNH NHƯNG
CHƯA HOÀN THÀNH.
CHÚNG TA TIẾP NHẬN TỪ
NHỮNG NGƯỜI ĐÃ KHUẤT
SÚ MỆNH VĨ ĐẠI NHỜ SỰ
CHE CHỜ CỦA THƯỢNG ĐẾ
MÀ QUỐC GIA NÀY SẼ SẴN
SINH MỘT NỀN TỰ DO MỚI
VÀ CHÍNH QUYỀN CỦA DÂN.
DO DÂN, VÌ DÂN NÀY SẼ
TRƯỜNG TỒN VĨNH CỬU.



Đó chính là bài diễn văn
Gettysburg nổi tiếng.



Sau trận Gettysburg, cục diện cuộc chiến bắt đầu có lợi cho quân miền Bắc. Quân miền Bắc do tướng Sherman chỉ huy đã tiêu diệt được một cứ điểm trọng yếu của quân miền Nam là thành phố Atlanta.



Còn một đội quân miền Bắc khác do tổng tư lệnh là tướng Grant chỉ huy công ngày càng tiến sát tới thủ đô của liên minh miền Nam là Richmond.



Trong thời gian diễn ra cuộc nội chiến, tàu hỏa được dùng để vận chuyển quân đội và vũ khí. Đây là lần đầu tiên tàu hỏa được con người sử dụng trong lĩnh vực quân sự.





Sau khi tiêu diệt cứ điểm Atlanta, tướng Sherman điều quân chi viện thần tốc đánh Richmond. Cuối cùng chiếm được thủ phủ Richmond của liên minh miền Nam.

Ngày 4 tháng 4 năm 1865,
trong thành phố Richmond...



Năm ngày sau, tổng chỉ huy quân đội miền Nam là tướng Robert E. Lee đầu hàng, tuyên bố cuộc chiến tranh kéo dài bốn năm — kết thúc.

TƯỚNG QUÂN, CHÚNG TÔI SẼ TẶNG LƯƠNG THỰC VÀ QUẦN ÁO CHO QUÂN MIỀN NAM ĐỂ TỎ LÒNG KÍNH TRỌNG VỚI QUÂN ĐỘI ANH DŨNG CỦA NGÀI.

TƯỚNG GRANT, CẢM ƠN NGÀI, NGÀI ĐÚNG LÀ MỘT VỊ TƯỚNG VĨ ĐẠI.



TẠ ƠN CHÚA, NƯỚC MỸ LẠI TRỞ THÀNH QUỐC GIA THỐNG NHẤT MỘT LẦN NỮA.

TỪ NAY VỀ SAU, SẼ KHÔNG CÓ THÊM ĐỒ MÁU NỮA. CHÚNG TA KHÔNG TRỪNG PHẠT BẤT KÌ LÃNH ĐẠO MIỀN NAM NÀO.



ĐÂY LÀ MỘT SỰ KHỞI ĐẦU MỚI.

HÃY ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC KIẾN THIẾT DẤT NƯỚC TỰ DO NÀY!





Khi tất cả mọi người
đều say sưa theo dõi
vở kịch...

HA HA, VỞ
KỊCH NÀY
THẬT HÀI
HƯỚC.





THẦY CHƯA,
ĐÓ CHÍNH
LÀ KẾT CỤC
CỦA TÊN
BẠO CHƯA.



Hung thủ
hành thích
Lincoln là một
diễn viên theo
phe liên minh
miền Nam,
tên hán là
John Wilkes
Booth.

Mấy ngày sau, Booth
bị các binh sĩ bắn chết.



ANH NHẤT
ĐỊNH PHẢI
CỔ LÊN...

CHÚA ƠI,
XIN NGƯỜI HÃY
CỨU CHỖNG CON,
HÃY CỨU LẤY
TỔNG THỐNG CỦA
NƯỚC MỸ!



Sáng sớm ngày 15 tháng 4 năm 1865,
Abraham Lincoln - một trong những vị
tổng thống vĩ đại nhất từ thời kì dựng
nước của nước Mỹ đã từ biệt cõi trần,
hưởng thọ 56 tuổi.





GÌ CƠ?
TỔNG
THÔNG
LINCOLN BỊ
ÂM SÁT VÀ
QUA ĐỜI
RỒI Ủ?

HUNG THỦ
LÀ TAY DIỄN
VIÊN THEO
PHE MIỀN
NAM.

BÀN TAY ĐEN
GIẤU MẶT CHẮC
LÀ CHÍNH TRỊ
GIA HOẶC NHÓM
SÁT THỦ CỦA
MIỀN NAM.



MỘT CON NGƯỜI
VĨ ĐẠI NHƯ THẾ SAO
LẠI NHANH CHÓNG
RỜI BỎ CHÚNG TA
KIA CHỨ?

CHÚA ƠI, CON SẴN
SÀNG LẦY TÍNH MẠNG
CỦA MÌNH ĐỂ ĐỔI LẤY
SỰ SỐNG CHO ÔNG ÂY.



NHỮNG NGƯỜI
DA ĐEN MỖI ĐƯỢC
GIẢI PHÓNG NHƯ
CHÚNG TA CÒN CÓ
AI BẢO VỆ NỮA
ĐÂY?



Có một nhóm người vẫn không
cam tâm từ bỏ chế độ nô lệ.

HỪ! TUY MIỀN NAM
THỪA TRẬN, NHƯNG
MUỐN GIẢI PHÓNG
NÔ LỆ THỰC SỰ

VÀ CHO HỌ CÁI
QUYỀN BÌNH ĐẲNG
VỚI NGƯỜI DA TRẮNG
Ư, ĐÚNG LÀ NĂM MƠ!



ĐƯỢC! CHÚNG TA
SẼ THÀNH LẬP MỘT
TỔ CHÚC BÍ MẬT ĐỂ
TRỪNG PHẠT LỮ
DA ĐEN NÀY!



Nhưng người da trắng phản đối
việc giải phóng nô lệ đó thành
lập một tổ chức bí mật là đảng
Ku Klux Klan, chuyên khủng bố,
đàn áp người da đen.



CÚT XẾO,
TÊN MỌI
ĐEN ĐÁNG
GHÉT!



Tuy Hiến pháp Hoa Kỳ quy định rõ ràng là xóa bỏ chế độ nô lệ, nhưng sự kỳ thị trong thâm tâm của một bộ phận người da trắng đối với người da đen vẫn còn.

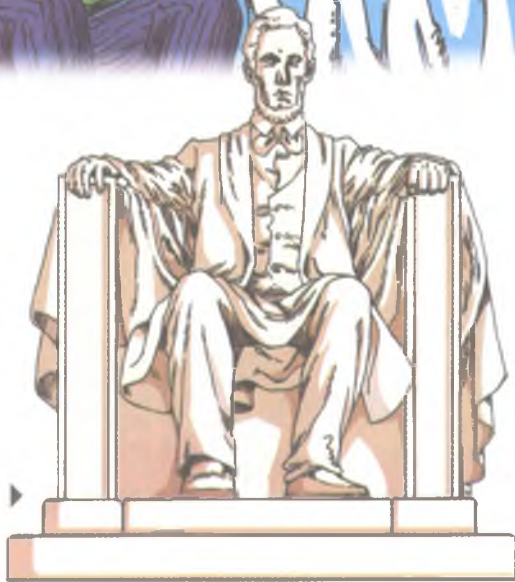
LỮ MỌI ĐEN
CHÚNG BAY
DỰA VÀO ĐÁU
MÀ CÓ QUYỀN
BẦU CỬ?

TÊN NÀO DÁM
ĐI BỎ PHIẾU THÌ
CHÚNG TAO SẼ
GIẾT CẢ NHÀ!



Do sự nỗ lực của Lincoln, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã được cứu vãn khỏi nguy cơ bị chia rẽ.

Sau khi Lincoln qua đời, miền Bắc áp dụng các biện pháp kinh tế và chính trị để từng bước hòa nhập với các bang của miền Tây Nam. Nước Mỹ thống nhất cuối cùng đã bước lên con đường phát triển thần tốc.



Tượng ngồi của Abraham Lincoln trong nhà tưởng niệm Lincoln ở Washington.



Vào nửa đầu thế kỉ 19, lãnh thổ nước Mỹ được mở rộng gấp mấy lần, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc phát triển thần tốc, trình độ về công nghiệp được nâng cao rõ rệt. Thế nhưng, miền Nam khi đó vẫn chìm đắm trong chế độ nô lệ lạc hậu và tàn khốc, do đó tạo thành mâu thuẫn gay gắt về nhiều mặt giữa hai miền. Chẳng hạn như miền Bắc rất cần đến lực lượng lao động hùng hậu và cộng đồng tiêu dùng rộng lớn, nhưng các chủ đồn điền miền Nam lại chiếm dụng hàng triệu nô lệ da đen, số tiền công trả cực kì ít ỏi. Đội ngũ nô lệ da đen đông đảo này về không thể tự do tới miền Bắc làm việc, vừa không có số tiền dư dật để mua hàng hóa của miền Bắc. Ngoài ra còn có thêm vô vàn xung đột về nguyên liệu cho công nghiệp, thuế quan. Cuối cùng mâu thuẫn

không thể hòa giải, cuộc chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc chực chờ bùng nổ.

Do thiếu sự chuẩn bị đầy đủ để đối phó với chiến tranh, quân đội miền Bắc liên tiếp gặp thất bại trong thời kì đầu. Trong trận Manassas vào năm 1861, quân miền Bắc thất bại thảm. Vào năm 1862, quân miền Bắc lại bị quân miền Nam phá tan rất nhiều cứ điểm chiến lược ở trận tuyến phía Đông... Cùng với sự tiến triển của cục diện, để xoay chuyển tình thế bất lợi, Lincoln đã áp dụng một loạt các biện pháp như công bố "Tuyên ngôn giải phóng nô lệ", ban bố "Luật nhà đất", cải cách quân sự..., giúp cho tình thế có bước chuyển ngoặt lớn. Cuối cùng, miền Bắc đã giành thắng lợi về quân sự, giúp quốc gia khỏi bị chia rẽ.

Học thuyết Monroe

Ngày 2 tháng 12 năm 1823, trong thông điệp về tình hình đất nước, vị tổng thống thứ 5 của nước Mỹ là James Monroe đã đề ra nguyên tắc về chính sách đối ngoại của nước Mỹ, nhấn mạnh nước Mỹ và các cường quốc châu Mỹ và châu Âu sẽ không xâm phạm, không can thiệp lẫn nhau, sử gọi là "Học thuyết Monroe".

Khi đó, liên minh Thần thánh của châu Âu nhăm nhe can thiệp vào phong trào đấu tranh giành độc lập của châu Mỹ La tinh, nước Anh cũng thừa cơ mở rộng thuộc địa về phía khu vực châu Mỹ La tinh. Trong thông điệp về tình hình đất nước, tổng thống Monroe tuyên bố: Nước Mỹ sẽ không can thiệp vào công việc nội bộ của các cường quốc châu Âu hay xen vào vào các cuộc chiến tranh giữa họ. Nước Mỹ thừa nhận, đồng thời không can thiệp vào các thuộc địa tại châu Mỹ La tinh và nước bảo hộ của các cường quốc châu Âu. Các cường quốc châu Âu không được mở rộng thuộc địa tại Bắc Mỹ và Nam Mỹ. Bất kì ý đồ kiểm soát hay áp bức các quốc gia ở Bắc Mỹ và Nam Mỹ của bất kì cường quốc châu Âu nào đều bị xem là hành động thù địch với nước Mỹ, đồng thời đưa ra khẩu hiệu "châu Mỹ là châu lục của người châu Mỹ".

Phong trào bãi nô

Trong thời kì thuộc địa Bắc Mỹ và thời kì chiến tranh giành độc lập của nước Mỹ, Benjamin Franklin và Thomas Jefferson cùng những người khác đã từng đề xuất xóa bỏ chế độ nô lệ da đen. Sau khi nước Mỹ giành độc lập, các bang miền Bắc lần lượt xóa bỏ chế độ nô lệ, nhưng các bang miền Nam trái lại do sự phát triển nhanh chóng của kinh tế đồn điền nên chế độ nô lệ không ngừng mở rộng. Bắt đầu từ những năm 20 của thế kỉ 19, các loại hình tổ chức phong trào bãi nô bắt đầu xuất hiện tại nước Mỹ. Đến những năm 40, số lượng các tổ chức này đã lên tới gần 2.000, số người tham gia vượt quá 200.000 người, hình thành phong trào quần chúng hùng hậu. Rất nhiều người tham gia phong trào bãi nô chủ trương đấu tranh chính trị, đồng thời cũng có người chủ trương đấu tranh vũ trang.

Phong trào đấu tranh giải phóng nô lệ đã giáng một đòn mạnh vào chế độ nô lệ. Việc tổng thống Lincoln công bố "Tuyên ngôn giải phóng nô lệ" lại càng tượng trưng cho thắng lợi cuối cùng của phong trào xóa bỏ chế độ nô lệ.



Đường sắt ngầm

“Đường sắt ngầm” chỉ mạng lưới giao thông bí mật bao gồm các tuyến đường và trạm dừng chân bí mật ở miền Nam do những người chống lại chế độ nô lệ tổ chức ra nhằm giúp đỡ nô lệ da đen trốn thoát vào thế kỉ 19. Trước khi cuộc chiến tranh Nam – Bắc nổ ra, có khoảng 60.000 nô lệ da đen đã giành được tự do bằng con đường này. Một trong những người nổi tiếng của “Đường sắt ngầm” là Harriet Tubman, bà vốn là nô lệ, sau khi trốn thoát tới miền Bắc vào năm 1849, bà đã nhiều lần thâm nhập trở lại các bang miền Nam, giúp đỡ hơn 300 nô lệ trốn thoát tới miền Bắc. Harriet được những người chống lại chế độ nô lệ và nô lệ da đen gọi là nữ anh hùng chân chính. Ở một mức độ nhất định, “Đường sắt ngầm” đã làm lung lay chế độ nô lệ, thúc đẩy phong trào bãi nô phát triển như vũ bão.

Cuộc khởi nghĩa John Brown

Cuộc khởi nghĩa John Brown là cuộc khởi nghĩa chống lại chế độ nô lệ do người da đen và người da trắng cùng phát động trước khi cuộc chiến tranh Nam – Bắc diễn ra. Người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là John Brown, ông sinh ra trong một gia đình nông dân người da trắng. Cha ông chính là một người kiên định chống lại chế độ nô lệ. Khi lớn lên, Brown cũng tích cực tham gia phong trào bãi nô.

Tháng 10 năm 1859, Brown dẫn đầu một số người da trắng và người da đen tổ chức cuộc khởi nghĩa vũ trang tại Harpers Ferry, tiến hành bắt giữ chủ đồn điền, giải phóng nô lệ, đồng thời yêu cầu xóa bỏ chế độ nô lệ. Do thiếu sự chuẩn bị chu đáo và số ít không địch nổi số đông nên cuối cùng cuộc khởi nghĩa đã bị đàn áp, John Brown bị treo cổ. Tuy cuộc khởi nghĩa này thất bại nhưng nó đã đẩy mạnh phong trào giải phóng nô lệ tiếp tục phát triển.

Sự đối lập giữa hai miền Nam Bắc

Sau khi cuộc chiến tranh giành độc lập kết thúc, miền Bắc đi lên con đường phát triển chủ nghĩa tư bản, còn miền Nam thì tiếp tục mở rộng nền kinh tế đồn điền theo chế độ nô lệ. Giữa hai miền tồn tại mâu thuẫn sâu sắc về các lĩnh vực như nguyên vật liệu, lực lượng lao động.

Sự đối lập này thể hiện rõ cùng gay gắt trong cuộc tranh giành đất đai ở miền Tây, giai cấp tư sản miền Bắc và nông dân chủ trương các bang mới thành lập là các bang tự do, đi theo con đường phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa. Các chủ nô miền Nam thì lại chủ trương các bang mới thành lập là các bang cho phép chế độ nô lệ tồn tại, mưu đồ mở rộng chế độ nô lệ tới miền Tây. Các chủ nô miền Nam tận dụng địa vị của họ trong quốc hội và chính phủ để liên tiếp giành thắng lợi, làm dấy lên sự phẫn nộ của đông đảo nhân dân miền Bắc.

Năm 1854, tại Kansas đã nổ ra cuộc đấu tranh vũ trang của nông dân miền Tây và dân di cư đến từ các bang tự do nhằm phản đối các chủ nô miền Nam. Cuộc đấu tranh kéo dài cho tới năm 1856. Năm 1857, các chủ nô lại mưu đồ mở rộng chế độ nô lệ ra toàn lãnh thổ nước Mỹ. Khi đó, sự đối lập giữa hai miền Nam - Bắc phát triển tới mức không thể dung hòa, cuối cùng cuộc nội chiến đã nổ ra.

Sơ lược về lực lượng giữa hai miền Nam - Bắc trước cuộc nội chiến

Trước cuộc nội chiến, hai miền Nam - Bắc đều có các ưu thế riêng dưới đây.

Ưu thế của miền Bắc: Kinh tế phát triển, các ngành công nghiệp phát triển rầm rộ, sản lượng lương thực dồi dào, dân số đông hơn miền Nam (miền Bắc có tất cả 23 bang, dân số khoảng 22 triệu người; còn miền Nam chỉ có 11 bang với dân số khoảng 9 triệu người, trong đó có khoảng 3,5 triệu người là nô lệ da đen), giao thông vận tải phát triển, có nhiều tuyến đường sắt chính.

Ưu thế của miền Nam: Chuẩn bị cho chiến tranh đã lâu, dự trữ nguồn lực vật tư đầy đủ, miền Nam có một số tướng lĩnh tương đối tài năng về chỉ huy quân sự, được nước Anh viện trợ.



Lincoln - từ dân thường tới tổng thống nước Mỹ

Lincoln là vị tổng thống thứ 16 của nước Mỹ (nhiệm kỳ từ năm 1861 đến năm 1864), vị lãnh tụ của miền Bắc trong cuộc nội chiến Mỹ.

Lincoln sinh ngày 12 tháng 2 năm 1809 trong một gia đình nông dân nghèo khổ ở quận Hardin thuộc bang Kentucky. Cha mẹ ông là hậu duệ của dân di cư người Anh. Do gia cảnh bần hàn nên Lincoln ít được đi học, thời niên thiếu ông từng làm các công việc như công nhân bến phà, công nhân đồn điền, nhân viên bán hàng và thợ mộc.

Năm 1830, cả gia đình Lincoln chuyển tới bang Illinois thuộc miền Tây nước Mỹ. Tháng 8 năm 1834, Lincoln đắc cử nghị sĩ của bang này. Qua quá trình tự học vất vả, Lincoln trở thành luật sư vào năm 1836. Năm 1846, ông đắc cử làm nghị sĩ của thượng viện liên bang.

Lincoln là người ôn hòa và phản đối chế độ nô lệ. Ông cho rằng chế độ nô lệ là sai lầm, tán thành việc các bang mới thành lập trở thành bang tự do, nhưng ông cho rằng không trả tiền cho các chủ nô thì sẽ không thể xóa bỏ chế độ nô lệ. Năm 1850, Lincoln rút khỏi quốc hội, tiếp tục làm luật sư. Năm 1854, ông gia nhập đảng

Cộng hòa mới thành lập. Năm 1860, ông trở thành ứng viên tranh cử tổng thống của đảng Cộng hòa. Tháng 11 năm 1860, ông đắc cử làm tổng thống thứ 16 của nước Mỹ.

Trong thời gian Lincoln làm tổng thống, mâu thuẫn giữa hai miền Nam - Bắc không thể hòa giải, chiến tranh là khó lòng tránh khỏi. Sau khi Lincoln nhậm chức một tháng, cuộc nội chiến Mỹ nổ ra.

Để bảo vệ và duy trì sự thống nhất đất nước, Lincoln lãnh đạo nhân dân miền Bắc chiến đấu với quân đội miền Nam. Trong tình trạng quân đội liên bang liên tiếp thất bại vào thời kỳ đầu của cuộc chiến, Lincoln đã ban bố một loạt các pháp lệnh có lợi cho nhân dân, khơi gợi được lòng nhiệt tình chiến đấu của nhân dân như "Luật nhà đất". Ngày 22 tháng 9 năm 1862, với dũng khí phi thường, Lincoln đã công bố "Tuyên ngôn giải phóng nô lệ", theo bản tuyên ngôn thì kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1863, nước Mỹ hoàn toàn xóa bỏ chế độ nô lệ.

Tháng 11 năm 1864, Lincoln đắc cử tổng thống lần thứ hai.

Lincoln bị ám sát

Mùa xuân năm 1865, cuộc nội chiến kết thúc với thắng lợi của quân miền Bắc. Buổi tối ngày 14 tháng 4 năm 1865, tổng thống Lincoln và phụ nhân cùng tới nhà hát kịch để xem biểu diễn. Vào 10 giờ 15 phút, khi tổng thống Lincoln đang ở trong phòng ghế VIP, John Wilkes Booth, một diễn viên ủng hộ liên minh miền Nam, đã bắn lên sau lưng ông. Do gã Booth đã chọn đúng thời điểm cao trào của vở kịch, nên trong số hơn 1.600 khán giả, chỉ có rất ít người nghe thấy tiếng súng, tiếp theo là quang cảnh hỗn loạn trong phòng ghế VIP của Lincoln. Nhân cơ hội đó, gã Booth từ trong phòng ghế VIP nhảy lên sân khấu và trốn thoát. Vào hồi 7 giờ 20 phút sáng hôm sau, Lincoln qua đời tại bệnh viện, hưởng thọ 56 tuổi. Ông là vị tổng thống đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ bị ám sát.

Là một trong những tổng thống lãnh đạo

nhân dân Mỹ bảo vệ và duy trì sự thống nhất của đất nước, xóa bỏ chế độ nô lệ, đem lại tự do cho nô lệ da đen, trải đường cho chủ nghĩa tư bản nước Mỹ phát triển, Lincoln chiếm giữ vị trí cao quý trong lòng nhân dân Mỹ, ông được vinh danh là một trong những tổng thống vĩ đại nhất sánh ngang với tổng thống George Washington.



Cuộc nội chiến bùng nổ

Tháng 11 năm 1860, là đảng viên đảng Cộng hòa phản đối chế độ nô lệ, việc Lincoln đắc cử làm tổng thống có nghĩa là đảng Dân chủ và các chủ nô mất địa vị ưu thế trong chính phủ liên bang. Kể từ tháng 12 năm 1860, các bang Nam Carolina, Georgia, Alabama... lần lượt tuyên bố li khai khỏi liên bang.

Đầu tháng 2 năm 1861, bảy bang miền Nam gồm Nam Carolina và các bang khác triệu tập đại hội đại biểu tại Montgomery thuộc bang Alabama, tuyên bố thành lập liên minh miền Nam, đồng thời tiến cử Jefferson Davis làm tổng thống. Về sau lại có thêm bốn bang nữa gia nhập. Để cứu vãn tình thế, chính phủ liên bang đã triệu tập cuộc hội đàm hòa bình tại Washington D. C, nhưng miền Nam từ chối hòa giải.

Ngày 12 tháng 4 năm 1861, quân đội miền Nam nã pháo tấn công và chiếm lấy cứ điểm quan trọng Sumter tại cảng Charleston thuộc bang Nam Carolina do quân liên bang đồn trú. Ngày 15 tháng 4, tổng thống Lincoln tuyên bố trong nước đang có cuộc nổi loạn, cuộc nội chiến Mỹ chính thức nổ ra.



Hai giai đoạn của cuộc nội chiến Mỹ

Từ năm 1861 tới năm 1862 là giai đoạn thứ nhất của cuộc nội chiến Mỹ. Quân đội liên bang chiếm ưu thế rõ rệt về nhân lực, vật lực và tài chính. Quân đội miền Nam thì chiếm ưu thế về mặt chuẩn bị quân sự và kinh nghiệm tác chiến.

Chiến trường nơi diễn ra những trận giao chiến của hai bên chủ yếu gồm hai mặt trận phía Đông và phía Tây. Trong đó mặt trận phía Đông là chiến trường chính. Tuy ở chiến trường phía Tây, quân liên bang do tướng Grant chỉ huy liên tiếp giành thắng lợi, giành được từ tay quân miền Nam cứ điểm chiến lược trọng yếu. Nhưng ở chiến trường phía Đông thì quân liên bang lại liên tiếp thất bại thảm hại.

Để giành chiến thắng trong cuộc chiến, Lincoln dứt khoát áp dụng một loạt các biện pháp đổi mới. Ông đã lần lượt ban bố các pháp lệnh như "Luật đất đai", do đó đã khích lệ lòng nhiệt tình tham gia chiến đấu của nhân dân. Công nhân, nông dân và người da đen tích cực tham gia quân đội liên bang. Tháng 9 năm 1862, Lincoln lại công bố bản "Tuyên ngôn giải phóng nô lệ" gây chấn động thế giới. Nội dung tuyên bố kể từ ngày

1 tháng 1 năm 1863, việc nước Mỹ xóa bỏ chế độ nô lệ bắt đầu có hiệu lực. Do đó cuộc nội chiến bước sang giai đoạn thứ hai.

Tháng 3 năm 1863, quốc hội liên bang lại thông qua "Luật tuyển quân" để tăng cường binh lực cho miền Bắc. Lincoln còn điều chỉnh bộ máy lãnh đạo quân sự, giao cho tướng Grant vốn có tài năng quân sự xuất sắc làm tổng tư lệnh quân đội liên bang. Những biện pháp này của chính phủ Lincoln rất hợp lòng dân, ảnh hưởng tích cực đối với sự chuyển biến cục diện cuộc chiến.

Năm 1863, quân miền Bắc chuyển biến tốt về mặt quân sự. Đầu tháng 7, trên chiến trường phía Đông, quân đội của hai miền gặp nhau tại Gettysburg. Đây là trận chiến lớn nhất trong cuộc nội chiến Mỹ, quân liên bang giành chiến thắng, miền Bắc bắt đầu nắm quyền chủ động.

Tháng 4 năm 1865, thủ đô Richmond của liên minh miền Nam bị quân liên bang chiếm giữ. Ngày 9 tháng 4, tổng tư lệnh quân đội miền Nam là tướng Robert E. Lee đã đầu hàng tướng Grant, cuộc nội chiến Mỹ kết thúc.



Tính nhất và ý nghĩa của cuộc nội chiến

Cuộc nội chiến Mỹ diễn ra từ năm 1861 tới năm 1865 là cuộc cách mạng dân quyền lần thứ hai trong lịch sử nước Mỹ. Nó là kết quả tất yếu phát triển từ sự đối lập giữa hai chế độ là tư bản và nô lệ. Sau khi kết thúc với chiến thắng của miền Bắc, những người theo chủ nghĩa tư bản nắm giữ chính quyền, duy trì sự thống nhất đất nước, xóa bỏ chế độ nô lệ, tiến thêm một bước quét sạch những chướng ngại vật đối với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Thế nhưng, cuộc nội chiến không hoàn toàn xóa bỏ được sự kì thị chủng tộc, người da đen vẫn bị đối xử không bình đẳng.

Cách mạng dân quyền của nước Mỹ vẫn tiếp tục được tiến hành, chỉ là chuyển sang hình thức hợp pháp hóa, nằm trong thể chế và bằng biện pháp hòa bình. Cho tới ngày nay, đồng bào dân di cư vẫn ra sức đấu tranh giành lấy quyền lợi cho bản thân, xã hội nước Mỹ vẫn không ngừng day sóng.

"Tuyên ngôn giải phóng nô lệ"

"Tuyên ngôn giải phóng nô lệ" là một trong những văn bản quan trọng nhất trong lịch sử nước Mỹ, được tổng thống Lincoln công bố vào ngày 22 tháng 9 năm 1862 trong thời gian diễn ra cuộc nội chiến. Nội dung tuyên ngôn: Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1863, tất cả nô lệ da đen trong các bang nổi loạn ở miền Nam đều trở thành người tự do, với các bang theo chế độ nô lệ nhưng không tham gia nổi loạn thì sẽ áp dụng biện pháp giải phóng nô lệ bằng hình thức tự nguyện, dần dần và có bồi thường. Nô lệ da đen có thể gia nhập quân đội và hải quân liên bang.

Sau khi "Tuyên ngôn giải phóng nô lệ" được ban bố, nó nhận được sự ủng hộ từ đồng bào quần chúng, giúp cho tình thế cuộc nội chiến phát triển theo chiều hướng có lợi cho miền Bắc.

Trận Gettysburg

Trận Gettysburg là trận đánh lớn nhất, đẫm máu nhất, đồng thời cũng là bước ngoặt trong cuộc nội chiến Mỹ. 170.000 quân của cả hai phe miền Bắc và miền Nam đã chiến đấu ác liệt ba ngày ba đêm tại nơi đây.

Ngày đầu tiên của trận chiến (ngày 1 tháng 7 năm 1863), quân miền Nam phát động tấn công mạnh về vùng đất cao nơi có quân miền Bắc phòng thủ. Quân liên bang thương vong nặng nề, chỉ riêng số quân bị bắt làm tù binh đã lên tới hơn 5.000 người.

Buổi chiều ngày thứ hai của trận chiến (ngày 2 tháng 7), quân miền Nam dùng 300 khẩu pháo tấn công dữ dội về phía quân liên bang. Qua những đợt chống trả dũng cảm, quân liên bang đã chặn được cuộc tấn công này.

Ngày thứ ba của trận chiến (ngày 3 tháng 7), quân miền Nam phát động tổng tấn công, các sư đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng, đích thân ra trận xung kích, cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt, đến nỗi về sau người ta phát hiện ra rằng, một thân cây trên chiến trường có tới hơn 250 phát đạn. Cuối cùng quân liên bang giành chiến thắng. Sau cuộc chiến, thi thể chất cao như núi, quân miền Nam chết trận 28.000 người, quân miền Bắc chết trận 23.000 người.



Những tay súng bắn tỉa trong nhận chiến tranh Nam – Bắc

Trong cuộc chiến tranh Nam – Bắc, hai bên đều chuẩn bị sẵn hàng loạt những tay súng bắn tỉa. Các sĩ quan và pháo binh nơi tiền tuyến trở thành mục tiêu tiêu diệt chủ yếu của họ.

Vào năm 1861, quân đội liên bang đã tuyển mộ hai biệt đội bắn tỉa thiện xạ. Tiêu chuẩn của họ vô cùng nghiêm ngặt, mức yêu cầu thấp nhất là cũng phải bắn liên tiếp 10 phát trong cự li 200 m, mỗi phát đạn đều phải trúng vào trong đường tròn có đường kính 25 cm. Nhìn chung họ thường phối hợp để cùng hành động và giành được hiệu quả tác chiến rất cao.

Số người bắn tỉa của quân miền Nam không nhiều như quân miền Bắc, nhưng họ cũng đều là các tay bắn tỉa trong ngàn người chọn lấy một người, có thể đi lại thoải mái trên chiến trường, lựa chọn các vị trí bắn tỉa hiệu quả nhất. Trong suốt thời gian diễn ra cuộc nội chiến, ít nhất có ba vị tướng của quân liên bang đã ngã xuống trước họng súng của các tay bắn tỉa miền Nam, các sĩ quan cấp trung trở xuống thì lại càng không đếm xuể, thậm chí tổng thống Lincoln trong khi thị sát chiến trường cũng trở thành mục tiêu tấn công của họ. Bản thân ông thoát nạn nhưng người đi tháp tùng ông lại bị trúng đạn.

Lincoln biết sai thì sửa

Ở thời kì đầu của cuộc chiến tranh Nam – Bắc, do quân đội liên bang liên tiếp thất bại, Lincoln vô cùng phiền não, đến mức ông mất ăn mất ngủ.

Một hôm, một sĩ quan đang nghỉ ngơi điều trị vết thương xin phép về nhà thăm vợ đang ốm nặng, nhưng lại bị Lincoln nghiêm mặt mắng mỏ, viên sĩ quan đó thất vọng và bỏ đi. Sáng sớm hôm sau, khi trời chưa kịp sáng thì viên sĩ quan đó đột nhiên nghe thấy tiếng gõ cửa phòng. Khi mở cửa ra thì đó lại chính là Lincoln. Lincoln thành khẩn nói: “Anh bạn thân mến, hôm qua tôi đã cư xử quá thô lỗ. Đối với những người hiến mình cho đất nước, đặc biệt là những người đang gặp khó khăn, tôi không nên làm như vậy mới phải. Tôi đã hối hận suốt cả đêm và không tài nào ngủ được. Bây giờ xin anh hãy tha thứ cho tôi.” Lincoln còn đích thân xin bộ Lục quân cho viên sĩ quan này nghỉ phép, đồng thời đưa anh ta tới cầu cảng để lên tàu về quê.

Lincoln tự chủ phần mình là gà nguồn

Có một lần, Lincoln và con trai cả cùng đi xe ngựa ra phố. Trên phố, họ bị một đoàn quân qua đường chặn lại. Lincoln mở cửa xe, nhào người ra hỏi một người đi đường: “Này ông, đoàn nào thế kia?” Người đi đường đó cho rằng ông có ý mỉa mai quân đội, liền lớn tiếng đáp lại: “Quân đội liên bang đấy! Anh đúng là một gã ngốc!” Không ngờ Lincoln lại không tức giận mà chỉ cất lời cảm ơn rồi đóng cửa xe. Ông nghiêm túc nói với con trai: “Có người nói thật trước mặt con thì đó là niềm hạnh phúc. Cha đúng là một gã ngốc.”



Đảng 3 K

Không lâu sau khi chiến tranh Nam – Bắc kết thúc, các chủ nô miền Nam, các sĩ quan xuất ngũ trong quân đội miền Nam cùng với một số người da trắng bất mãn gay gắt với thời cuộc đã thành lập đảng 3 K tại bang Tennessee vào năm 1865, bí mật báo thù những người da đen.

Đảng 3 K là tên gọi tắt của đảng Ku-Klux-Klan. Từ “Ku-Klux” bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp, nghĩa là “bang hội”, “tổ chức”. Từ “Klan” bắt nguồn từ bộ lạc Scotland, chứng tỏ những người sáng lập ra tổ chức này đều là hậu duệ của dân di cư Scotland. Vì ba từ này đều mở đầu bằng chữ “K”, cho nên mọi người quen gọi họ là đảng 3 K, bên cạnh cái tên “liên minh da trắng” hoặc “đế quốc vô hình”.

Họ có kỉ luật đảng vô cùng nghiêm khắc, cấp dưới phải tuyệt đối phục tùng cấp trên.

Đảng 3 K gieo rắc chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ trương tước đoạt quyền lợi cơ bản của người da đen, thông qua các thủ đoạn khủng bố như bắt cóc con tin, hình phạt riêng biệt, tàn sát... để bức hại người da đen và những người có tư tưởng cởi mở. Các hoạt động kì thị chủng tộc xấu xa của họ vẫn còn kéo dài tới ngày nay.

Thủ đô Washington D.C của nước Mỹ

Thủ đô Washington D.C của nước Mỹ có tên gọi đầy đủ là "Đặc khu Columbia Washington", cái tên được đặt để tưởng nhớ vị tổng thống đầu tiên của nước Mỹ là George Washington và người đầu tiên phát hiện ra châu Mỹ là Columbus. Thành phố nằm bên bờ Đông Bắc của sông Potomac tại nơi giao nhau với sông Anacostia, nằm giữa tiểu bang Maryland và tiểu bang Virginia, trực thuộc chính phủ liên bang về mặt hành chính.

Vào thời kì đầu dựng nước, các nghị sĩ của hai miền Nam - Bắc đều muốn đặt thủ đô trong địa phận của phe mình nên đã tranh luận gay gắt. Cuối cùng, quốc hội ra nghị quyết để tổng thống Washington chọn địa điểm. Là người thông minh, tổng thống Washington đã chọn đường ranh giới tự nhiên giữa hai miền Nam - Bắc thời đó là bờ sông Potomac làm nơi đặt thủ đô.

Tổng diện tích của đặc khu là 6.094 km², diện tích thành phố là 178 km², là trung tâm chính trị, văn hóa, giáo dục của nước Mỹ. Nhà Trắng, quốc hội, tòa án tối cao và đại đa số các cơ quan của chính phủ liên bang đều đặt tại đây.

Washington D. C có hàng trăm công trình kiến trúc, đài tưởng niệm, tổng thống đài, trong đó đại đa số đều có liên quan tới các đời tổng thống, chẳng hạn như đài

tưởng niệm Washington, nhà tưởng niệm Thomas Jefferson và nhà tưởng niệm Lincoln... Washington còn có các viện bảo tàng nổi tiếng như Bảo tàng Nghệ thuật Quốc gia Mỹ, Bảo tàng Quốc gia Không gian và Hàng không, Bảo tàng Quốc gia Lịch sử tự nhiên... Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ ở bên trong đặc khu được bắt đầu xây dựng vào năm 1800 là thư viện lớn thứ hai trên thế giới chỉ đứng sau Thư viện V. I. Lenin ở Moscow của Nga. Nằm kế bên Thư viện Quốc hội là Thư viện Shakespeare vốn nổi tiếng khắp thế giới về việc lưu trữ các tác phẩm nổi tiếng của Shakespeare và các văn bản nghiên cứu liên quan. Ngoài ra, nhà hát Washington, dàn nhạc giao hưởng quốc gia, trung tâm trình diễn nghệ thuật John F. Kennedy... đều là những cơ quan văn hóa nổi tiếng của nước Mỹ. Công trình kiến trúc có diện tích lớn nhất nước Mỹ, nơi đặt trụ sở bộ Quốc phòng Mỹ chính là Lầu Năm Góc. Nó là một công trình kiến trúc nằm cạnh do năm kiến trúc hình chữ nhật liên kết với nhau.

Phong cảnh của Washington D.C vô cùng đẹp mắt, có thể nói là rợp bóng cây xanh. Nó có rất nhiều công viên, đường đi rợp bóng cây và các quảng trường có thảm cỏ. Công viên lớn nhất trong thành phố là công viên Croke với diện tích là 710 ha.

Nhà Trắng - dinh tổng thống của nước Mỹ

Nhà Trắng là dinh tổng thống của nước Mỹ, nằm ở phía Nam của đại lộ Pennsylvania do kiến trúc sư James Hoban thiết kế. Tháng 10 năm 1792, tổng thống đầu tiên của nước Mỹ là George Washington đã làm lễ khởi công, năm 1800 thì công trình được xây dựng xong. Kể từ đời tổng thống thứ hai là John Adams trở đi, các đời tổng thống đều lấy nơi này làm nơi ở và làm việc.

Ban đầu, Nhà Trắng được thiết kế sơn màu xám. Trong cuộc chiến tranh Anh - Mỹ vào năm 1814, Nhà Trắng bị quân Anh phóng hỏa và bị hư hại nghiêm trọng. Để che phủ những vết cháy, có người đã xuất sơn lại thành màu trắng. Do đó, Nhà Trắng cũng được gọi là "tòa Bạch Ốc từng bị hỏa hoạn". Năm 1902... tổng thống Theodore Roosevelt chính thức đặt tên nó là "Nhà Trắng".

Hiện tại, trải qua nhiều lần xây dựng lại, Nhà Trắng có diện tích khoảng 7,3 ha, gồm 132 phòng và gồm có ba phần là tòa nhà chính, cánh Tây, cánh Đông.

Mặt phía Bắc của tầng một là lối vào chính, sau khi vào trong cổng thì theo thứ tự sẽ là tiền sảnh, sảnh trong và phòng Xanh Da Trời nổi tiếng (phòng quốc yến, nơi dành cho các vị khách nghi

ngời), phòng Đỏ (phòng dành cho phu nhân tổng thống tiếp khách), phòng Xanh Lục (phòng đón tiếp khách không chính thức) cùng với phòng lớn tiếp đãi ngoại giao (phòng dành cho tổng thống tiếp đãi các nguyên thủ và đại sứ ngoại quốc). Bên trong phòng tiếp đãi ngoại giao có treo một bức tranh sơn dầu hình tròn lớn vẽ phong cảnh nước Mỹ, thậm chí phía Nam ngay phía trước phòng là dành để tổ chức nghi lễ đón tiếp chính thức. Tầng hai và tầng ba của tòa nhà chính là thư viện (chủ yếu chứa sách báo về lịch sử nước Mỹ và các danh nhân), phòng bản đồ (lưu giữ bản đồ các phiên bản hiện đại), bốn nhà trưng bày (trưng bày các kiểu bộ đồ ăn viên vàng của Anh - Pháp và đồ gốm sứ Trung Quốc), ngoài ra còn có phòng ngủ của vợ chồng tổng thống, phòng sinh hoạt chung.

Cánh Đông chủ yếu gồm rạp hát, văn phòng của phu nhân, phòng viết lách và lối vào tham quan.

Cánh Tây là văn phòng làm việc của tổng thống và các viên chức Nhà Trắng. Nơi này có một căn phòng quan trọng nhất trong Nhà Trắng - đó là phòng Bầu Dục, nơi tổng thống xử lí các công việc hàng ngày, kí các quyết định và mệnh lệnh hành chính, hội đàm.



Nhà tưởng niệm Lincoln

Nhà tưởng niệm Lincoln là một công trình kiến trúc cổ điển bắt chước theo ngôi đền Parthenon của Hy Lạp cổ đại.

Năm 1867, tức là hai năm sau khi Lincoln bị ám sát, quốc hội nước Mỹ đã thông qua dự án xây dựng nhà tưởng niệm Lincoln. Năm 1913 đưa ra phương án thiết kế, năm 1914 động thổ khởi công, năm 1922 thì hoàn thành. Từ khi thông qua dự án tới khi nghiệm thu kéo dài tới 55 năm với 13 đời tổng thống. Cả công trình kiến trúc với tổng chiều dài từ Nam đến Bắc là 58 m, chiều rộng từ Đông sang Tây là 36 m, cao 25 m, xung quanh nhà tưởng niệm là 36 cột đá cẩm thạch màu trắng đại diện cho 36 tiểu bang khi tổng thống Lincoln qua đời. Trên mỗi gờ đỡ đều có khắc tên của các tiểu bang đó.

Bước vào bên trong nhà tưởng niệm, đập ngay vào mắt là một pho tượng ngồi của tổng thống Lincoln ở chính giữa do hơn 20 tấm đá cẩm thạch ghép thành, kĩ nghệ tinh xảo, trông giống như một pho tượng điêu khắc bằng đá nguyên khối. Dưới ánh sáng của đèn chiếu, trông bức tượng

rất bề vệ, trang nghiêm giống như thật. Trên bức tường phía bên trái của pho tượng có khắc những lời diễn thuyết của tổng thống Lincoln khi ông đắc cử tổng thống lần thứ hai, trên bức tường phía bên phải thì khắc bài diễn văn nổi tiếng của Lincoln ở Gettysburg. Trên bức tường ngay sau lưng bức tượng ngồi thì khắc như sau: "Lincoln đã cứu văn liên bang, nhân dân luôn khắc ghi trong lòng". Xung quanh còn trang trí bằng các bức tranh tường có liên quan tới giải phóng nô lệ, Nam - Bắc thống nhất cùng những bức tranh tượng trưng cho chính nghĩa và sự bình đẳng, thân thiện. Ngoài ra, trong nhà tưởng niệm còn trưng bày một số kỉ vật có liên quan tới tổng thống Lincoln.

Nhà tưởng niệm Lincoln là một trong những thắng cảnh được chào đón nhất ở Washington D.C. Cứ vào ngày mừng 6 tháng 4 hằng năm (ngày phục sinh theo truyền thống Mỹ), có hàng trăm hàng ngàn người Mỹ tới chiêm ngưỡng nhà tưởng niệm Lincoln với tấm lòng tôn kính.

Tượng Nữ thần Tự do

Tượng Nữ thần Tự do là biểu tượng của nước Mỹ, nó là món quà của nước Pháp tặng cho nước Mỹ chào mừng dịp kỉ niệm 100 năm nước Mỹ giành độc lập. Tên gọi đầy đủ của nó là "Tượng đài quốc gia Nữ thần Tự do".

Từ năm 1874 người ta đã bắt đầu đúc tượng, đến năm 1884 thì hoàn thành, mất tới cả thảy 10 năm. Ngày 6 tháng 7 năm 1884, tượng Nữ thần Tự do được chính thức tặng cho nước Mỹ. Ngày 5 tháng 8, phần bệ đỡ của tượng Nữ thần Tự do bắt đầu được xây dựng trên đảo Liberty của Manhattan. Tháng 6 năm 1885, pho tượng được vận chuyển tới New York. Trung tuần tháng 10 năm 1886, việc ráp tượng hoàn thành và đặt cố định lên bệ đỡ. Ngày 28 tháng 10, tổng thống Mỹ Grover Cleveland đích thân chủ trì buổi lễ khánh thành với hàng vạn người tham dự.

Pho tượng Nữ thần Tự do cao 46 m, phần bệ đỡ cao 47 m, tổng chiều cao 93 m, chỉ riêng ngón tay trỏ của pho tượng đã dài 2,5 m và rộng 1 m, nó là công trình kiến trúc mang tính tưởng niệm cao nhất thế giới thời bấy giờ. Phần vỏ ngoài của bức tượng được những tấm đồng đúc dày 2,4 cm

ráp thành, để làm pho tượng người ta phải dùng tới 80 tấn đồng tấm, 300.000 chiếc đinh tán để cố định vào giàn sắt bên trong bức tượng, riêng giàn sắt phải dùng tới 120 tấn sắt thép, tổng trọng lượng của cả pho tượng là 225 tấn.

Đầu tượng Nữ thần Tự do đội vương miện có vầng hào quang tỏa ra xung quanh, bảy tia sáng tỏa ra trên vương miện tượng trưng cho ánh sáng tự do rạng soi khắp bảy châu lục. Tượng Nữ thần Tự do khoác chiếc áo choàng dài rộng kiểu La Mã, tay phải giơ cao ngọn đuốc tượng trưng cho tự do, tay trái cầm một tấm bảng, trên đó khắc ngày tháng năm công bố "Tuyên ngôn độc lập" của nước Mỹ bằng số La Mã. Dưới chân bức tượng là đoạn xích gãy rời tượng trưng cho chính quyền bạo tàn bị lật đổ.

Năm 1916, tổng thống Wilson đã cho lắp hệ thống chiếu sáng cả ngày lẫn đêm trên pho tượng, đồng thời chủ trì buổi lễ hoàn công. Năm 1942, chính phủ Mỹ quyết định đưa tượng Nữ thần Tự do vào danh sách hiện vật văn hóa quốc gia của nước Mỹ. Năm 1984, tượng Nữ thần Tự do được đưa vào danh sách di sản thế giới.

Rác thải hay của cải

Vào năm 1974, chính phủ Mỹ từng tiến hành tân trang cho tượng Nữ thần Tự do. Sau khi công việc kết thúc, đồng rác gồm những tấm đồng, những chiếc bu-lông và vật liệu gỗ thải ra từ bức tượng chất cao như núi. Để thu dọn đồng rác thải này, chính phủ Mỹ đã gọi thầu công khai. Do ở New York, chính phủ có quy định vô cùng ngặt nghèo về việc xử lí rác thải, nếu xử lí không đúng thì sẽ bị các tổ chức bảo vệ môi trường sở tại chỉ trích, thậm chí bị khởi tố về pháp luật. Đây là vụ làm ăn tốn nhiều công sức và dễ mất lòng, cho nên vài tháng trôi qua mà chẳng một ai tới đấu thầu.

Khi đó, vị chủ tịch hội đồng quản trị của công ti McCall nổi tiếng của Mỹ đang nghỉ mát ở Pháp, sau khi biết được tin này, ông đã lập tức chấm dứt kì nghỉ và bay về New York. Sau khi tiến hành khảo sát tượng Nữ thần Tự do, ông đã kí ngay hợp đồng mà không đưa ra bất cứ điều kiện nào. Tất cả mọi người đều cho rằng ông

ấy điên, ngay cả đối tác cùng làm việc với ông cũng phản đối kịch liệt.

Nhưng kết quả lại khiến mọi người giật mình sửng sốt. Ông cho công nhân đun nóng chảy những tấm đồng phế liệu, đúc thành những bức tượng Nữ thần Tự do cỡ nhỏ, sau đó lấy những cục vữa xi măng và mảnh gỗ phế liệu gia công thành các bộ đồ. Lấy chì và nhôm phế liệu sản xuất thành móc treo chìa khóa hình quảng trường Thời Đại của New York. Thậm chí ông còn cho đóng gói lượng bụi bặm thu từ chỗ tượng Nữ thần Tự do lại và đem bán cho các cửa hàng hoa. Kết quả là các sản phẩm này đều được đón nhận rộng rãi, không chỉ được tiêu thụ ở trong nước mà một số còn bán chạy trên thế giới. Trong vòng chưa đầy ba tháng, ông ấy đã biến đồng phế liệu không có giá trị, thậm chí còn đem tới phiền phức trong con mắt người khác thành những tài sản có giá trị 3,5 triệu đô la Mỹ.



"Túp lều bác Tôm"

"Túp lều bác Tôm" là tác phẩm nổi tiếng nhất của nữ nhà văn người Mỹ Harriet Beecher Stowe. Bác Tôm, nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết, là một nô lệ da đen lương thiện. Ông giành được sự tin tưởng và yêu mến của mọi người bằng sự chịu khó và lòng trung thành, được con của chủ nhà gọi là "bác Tôm". Thế nhưng, tất cả những thứ đó không thay đổi được số phận nhiều lần ông bị mua bán và cuối cùng chết một cách bi thảm. Sau khi được xuất bản vào năm 1852, cuốn tiểu thuyết đã làm dậy sóng ở nước Mỹ, có tác dụng thúc đẩy vô cùng lớn đối với phong trào bãi nô thời đó, đồng thời góp phần thúc đẩy cuộc chiến tranh Nam - Bắc nổ ra. Tổng thống Lincoln đã đánh giá rất cao cuốn tiểu thuyết này và gọi tác giả là "cuốn sách do một người phụ nữ nhỏ bé viết đã ươm mầm cả một cuộc chiến tranh". Hiện nay, cuốn tiểu thuyết "Túp lều bác Tôm" đã được dịch sang nhiều thứ tiếng, được gọi là một trong những tác phẩm nổi tiếng "làm thay đổi cả lịch sử nước Mỹ".

Nữ nhà văn Harriet Beecher Stowe

Bà là nữ nhà văn người Mỹ sinh năm 1811 tại tiểu bang Connecticut, qua đời năm 1896. Cha bà là một mục sư nổi tiếng. Năm 1852, cuốn tiểu thuyết "Túp lều bác Tôm" ra đời đã tạo nên làn sóng phản hồi mạnh mẽ, khiến bà trở nên nổi tiếng. Các tác phẩm chính của bà gồm: "Dred, câu chuyện về vùng đầm lầy tăm tối" (năm 1856); "Viên ngọc sáng của đảo Orr" (năm 1862); "Tuyển tập thơ tôn giáo" (năm 1867); "Bà con ở thị trấn cũ" (năm 1869); "Chính quyền bạo tàn màu hồng và màu trắng" (năm 1871). Năm 1871, bà viết tiểu luận bảo vệ nữ quyền "Vợ tôi và tôi", cho tới ngày nay vẫn thường được những người theo chủ nghĩa nữ quyền trích dẫn.

"Cuốn theo chiều gió"

Nhắc tới cuộc nội chiến Mỹ thì không thể không nhắc tới một cuốn tiểu thuyết từng gây ảnh hưởng rộng rãi trên toàn thế giới có liên quan tới nó – đó là "Cuốn theo chiều gió".

"Cuốn theo chiều gió" lấy bối cảnh là xã hội loạn lạc ở miền Nam nước Mỹ trong thời kì cuộc nội chiến, miêu tả câu chuyện tình yêu của mấy cặp thanh niên trẻ gắn với nhân vật nữ chính Scarlett O'Hara. Cấu tứ lãng mạn, nội dung miêu tả tình tế sinh động, ngôn ngữ hoa mỹ và những đoạn đối thoại mang đậm cá tính khiến cho toàn bộ tác phẩm tràn ngập sức cuốn hút, còn tính cách ngang bướng và nghị lực kiên cường của Scarlett O'Hara càng khiến cho đông đảo tầng lớp độc giả phải nhớ mãi.

50.000 bản cuốn tiểu thuyết "Cuốn theo chiều gió" được bán hết sạch trong vòng một ngày, lượng sách bán ra trong vòng nửa năm đạt tới 1 triệu bản.

Bộ phim "Cuốn theo chiều gió" được cải biên theo nội dung tiểu thuyết đã giành được 10 hạng mục giải Oscar, trở thành bộ phim kinh điển nổi tiếng trong lịch sử điện ảnh thế giới. Hiện nay, "Cuốn theo chiều gió" đã trở thành tác phẩm nổi tiếng được thế giới vinh danh.

Tác giả của tiểu thuyết "Cuốn theo chiều gió" là Margaret Mitchell, sinh ngày 8 tháng 11 năm 1900 tại thành phố Atlanta, Mỹ. Cha bà là một nhà sử học. Từ nhỏ Mitchell đã được học hành đầy đủ. Bà rất thích nghiên cứu lịch sử và từng làm phóng viên của tờ "Atlanta News". Bà sáng tác tác phẩm "Cuốn theo chiều gió" mất 10 năm. Sau khi được xuất bản nó đã lập tức gây chấn động toàn thế giới và nhiều lần giành giải thưởng. Năm 1949, Mitchell qua đời vì tai nạn giao thông. "Cuốn theo chiều gió" là tác phẩm duy nhất được xuất bản trong cuộc đời của bà, nhưng tác phẩm này đã đủ để bà nổi tiếng khắp thế giới.